

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Con người chúng ta đã tồn tại và tiến hoá không ngừng trên Trái đất hơn 2 triệu năm. Với trí tuệ và lao động, loài người đã sáng tạo ra một nền văn minh độc nhất vô nhị trong vũ trụ. Thiên nhiên và con người đã tồn tại cùng nhau, cùng đấu tranh lẫn nhau trong cuộc chiến sinh tồn qua chiều dài lịch sử tiến hoá.

Hai triệu năm qua thiên nhiên đã bao dung che chở cho loài người chúng ta sinh sôi, phát triển và trở thành bá chủ muôn loài. Con người với trí tuệ phát triển vượt bậc so với các loài khác trong sinh giới đã và đang thay đổi Trái đất với tốc độ vũ bão. Hai triệu năm tuổi loài người đã biến đổi hoàn toàn hệ sinh thái của hành tinh. Đêm đêm nhìn từ vũ trụ, trái đất vẫn lung linh ánh điện của sự sống văn minh.

Khi mà cuộc sống hối hả của nền công nghiệp đang phát triển vũ bão, đô thị hoá ngày càng tăng, môi trường đất, không khí, nước... bị ô nhiễm nghiêm trọng trong khi đó cuộc sống trong xã hội ngày càng được cải thiện văn minh hơn. Các nhu cầu của con người về vật chất, tinh thần ngày càng cao khi bước vào ngưỡng cửa của thế kỷ 21. Con người ngày càng phải ý thức rõ ràng hơn về vai trò, chức năng và tầm quan trọng của thiên nhiên trong cuộc sống hiện đại, sống thân thiện, tôn trọng thiên nhiên. Đó cũng là lý do để tổ chức UNESCO luôn luôn theo dõi, tìm hiểu, lựa chọn tôn vinh các giá trị văn hoá, giáo dục cả về giá trị kinh tế của các cảnh quan thiên nhiên để thừa nhận xây dựng thành những khu di sản thiên nhiên thế giới, KDTSQTG và đây là tài sản quý giá của từng vùng, từng địa phương từng quốc gia và của thế giới.

Tại Việt Nam, tháng 5/2009 KDTSQ Cù lao Chàm và Mũi Cà Mau đã chính thức nằm trong hệ thống KDTSQTG của Việt Nam và thế giới với quyết định công nhận của tổ chức Văn hoá và Giáo dục Liên Hợp Quốc (UNESCO). Như vậy, cho đến nay nước ta đã có 8 KDTSQ từ Nam ra Bắc. Điều này có ý nghĩa quan trọng trong thời kỳ hội nhập hướng tới tương lai. Từ đó góp phần

xây dựng, phát triển một nền kinh tế và bảo vệ môi trường một cách bền vững cho một đất nước Việt Nam mở rộng giao lưu với bạn bè, hoà bình và ổn định. Thực vậy, khi đến với Việt Nam là đến với một đất nước đã được thiên nhiên ban tặng cả một màu xanh biêng biếc của rừng và biển, một đất nước đã được các nhà bảo tồn thiên nhiên thế giới ca tụng và công nhận là một trong 16 quốc gia trên thế giới có tính đa dạng sinh học cao[11,8]. Đây là niềm tự hào không riêng ai mà là niềm vinh dự chung cho bất cứ ai là người Việt.

Đến với KDTSQTG Cát Bà là đến với một vùng rừng nhiệt đới trải rộng trên dãy núi đá vôi được bao bọc bởi vùng biển rộng lớn, cùng với các dạng rừng ngập mặn sinh lầy ẩm - ướt, với hàng trăm hòn đảo lớn nhỏ bao quanh. Đến với Cát Bà không chỉ có các cảnh quan hang động hấp dẫn du khách mà ở đây còn có sự phong phú về đa dạng sinh học cao.

Mỗi KDTSQ tồn tại dưới hệ thống quy định của quốc gia nơi có KDTSQ. KDTSQ được thành lập ngoài ý nghĩa bảo tồn nguồn gen, đảm bảo sự cân bằng hệ sinh thái còn mang chức năng du lịch, tạo ra công ăn việc làm cho cộng đồng địa phương góp phần xoá đói giảm nghèo, tăng cường tiềm năng kinh tế cho khu vực.

Chủ tịch huyện Cát Hải Ông Phạm Xuân Hoà khẳng định “du lịch là ngành kinh tế mũi nhọn của huyện, các mô hình bền vững sẽ được huyện tập trung ưu tiên đầu tư phát triển song song với khai thác bảo tồn khu sinh quyển”[12,14]. Vậy thực trạng khai thác và phát triển du lịch tại KDTSQTG Cát Bà ra sao, những gì đã đạt được những gì còn tồn tại, giải giáp giải quyết những tồn tại đó?...Xuất phát từ mong muốn làm rõ hơn kiến thức lý thuyết đã học, tìm hiểu về KDTSQ Cát Bà, tác giả đã lựa chọn đề tài “Hiện trạng và giải pháp phát triển du lịch tại khu dự trữ sinh quyển thế giới Cát Bà”

Tìm hiểu về du lịch Cát Bà không phải là đề tài mới, đã được nhiều nhà nghiên cứu cùng các nhà chuyên môn tìm hiểu và đánh giá. Song với tiếp cận riêng của mình, tác giả hy vọng thông qua quá trình nghiên cứu này sẽ đem lại một cách nhìn nhận mới về những giá trị của KDTSQTG Cát Bà, đồng thời có thể đề xuất 1 số ý tưởng nhằm thúc đẩy hoạt động du lịch và hoạt động có hiệu quả hơn trong tương lai.

2. Mục đích nghiên cứu

- Nghiên cứu quá trình Cát Bà đ- ợc công nhận là khu DTSQTG và nguồn tài nguyên du lịch của KDTSQ Cát Bà.

- Đánh giá về hoạt động du lịch tại khu DTSQTG Cát Bà cũng nh- các tác động của hoạt động du lịch tới cảnh quan tài nguyên môi tr- ờng xã hội.

- Đ- a ra một số giải pháp nhằm thúc đẩy phát triển hoạt động du lịch sinh thái tại KDTSQTG Cát Bà.

3. Đối t- ợng và phạm vi nghiên cứu

- Không gian lãnh thổ nghiên cứu: Khu vực quần đảo Cát Bà - Nơi đ- ợc công nhận là khu DTSQTG.

- Thời gian nghiên cứu: Đề tài đ- ợc thực hiện và hoàn thành trong gian 03 tháng từ tháng 04 đến tháng 07 năm 2009.

4. Ph- ơng pháp nghiên cứu

– Ph- ơng pháp thu thập, tổng hợp và xử lý số liệu

Thông tin về các đối t- ợng nghiên cứu đ- ợc thu thập t- liệu từ nhiều nguồn khác nhau, đ- ợc phân loại so sánh và chọn lọc kỹ, đ- ợc tập hợp thành những dữ liệu có tính hệ thống và đáng tin cậy.

– Ph- ơng pháp điều tra thực địa

Tác giả trực tiếp đến và khảo sát thực tế tại KDTSQ Cát Bà để cõ những nghiên cứu và đánh giá phục vụ đề tài.

– Ph- ơng pháp phân tích tổng hợp, so sánh

Đây là ph- ơng pháp chính đ- ợc sử dụng để xử lý t- liệu sau khi thu thập các tài liệu và số liệu khác nhau và từ thực tế.

– Ph- ơng pháp bảng biểu

Trong khoá luận đã sử dụng một số các bảng biểu nghiên cứu.

5. Bố cục khoá luận

Khoá luận gồm 97 trang, ngoài phần mở đầu, phần kết luận, phụ lục, tài liệu tham khảo, khoá luận đ- ợc chia làm 3 ch- ơng:

Ch- ơng 1: Một số vấn đề về khu DTSQ TG

Ch- ơng 2: Thực trạng phát triển du lịch khu DTSQTG Cát Bà

Ch- ơng 3: Một số giải pháp phát triển du lịch

PHẦN NỘI DUNG

CHƯƠNG 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ KHU DỰ TRỮ SINH QUYỂN THẾ GIỚI

1.1 TÌM HIỂU VỀ KHU DỰ TRỮ SINH QUYỂN THẾ GIỚI

1.1.1. Khái niệm về khu dự trữ sinh quyển

Khái niệm KDTSQ lần đầu tiên được MAB đưa ra tại hội nghị khoa học “Sử dụng hợp lý và bảo tồn tài nguyên của Sinh quyển” tổ chức tại Paris vào tháng 9/1968 với sự tham gia của 236 đại biểu đến từ 63 nước và 88 đại diện của các tổ chức liên chính phủ và phi chính phủ của nhiều ngành khoa học khác nhau cùng các nhà quản lý và ngoại giao. Sau này được gọi là “Hội nghị Sinh quyển” do UNESCO tổ chức với sự ủng hộ tích cực của Tổ chức Lương thực, Tổ chức Y tế thế giới, các tổ chức bảo tồn và chương trình sinh học quốc tế thuộc Hội đồng Khoa học Quốc tế (IBP/ICSU).

KDTSQ là những vùng bao gồm các hệ sinh thái trên cạn và vùng ven biển được thiết lập nhằm đẩy mạnh các giải pháp bảo tồn và sử dụng bền vững tài nguyên đa dạng sinh học. Các KDTSQ đóng chức năng như những “phòng thí nghiệm cuộc sống” dùng để thử nghiệm và mô phỏng phương thức quản lý đồng bộ tài nguyên đất, nước và đa dạng sinh học

Các KDTSQ do Chính phủ các nước đề xuất và được quốc tế công nhận do Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hoá của Liên Hợp Quốc (UNESCO) phê chuẩn trong khuôn khổ Chương trình Con người và Sinh quyển (MAB).

1.1.2. Chức năng của KDTSQ

Mỗi khu DTSQ có 3 chức năng chính hỗ trợ lẫn nhau:

+ Chức năng bảo tồn: Nhằm góp phần vào việc bảo vệ sinh cảnh, HST và tính đa dạng của các loài và các nguồn gen.

+ Chức năng phát triển: Nhằm hỗ trợ các hoạt động phát triển kinh tế và con người, đảm bảo sự bền vững về mặt văn hoá - xã hội và sinh thái.

+ Chức năng dịch vụ: Nhằm cung cấp sự trợ giúp cho việc tiến hành các nghiên cứu, hoạt động giám sát, giáo dục và trao đổi thông tin liên quan đến các vấn đề bảo tồn thiên nhiên và phát triển ở mức độ địa phương, quốc gia và toàn cầu.[9,13].

1.1.3.Các phân khu của KDTSQ

Về mặt ranh giới địa lý, mỗi KDTSQ được phân chia thành 3 phân khu (vùng) chức năng hỗ trợ cho nhau: vùng lõi, vùng đệm và vùng chuyển tiếp. Trong đó, vùng lõi là vùng có hệ sinh thái nguyên sinh, có tính đa dạng sinh học cao và được bảo vệ nghiêm ngặt. Vùng đệm thường bao gồm những sinh cảnh tự nhiên đã bị khai thác sử dụng (thứ sinh), tiếp giáp với vùng lõi, và có thể có một số cư dân địa phương sinh sống và canh tác. Vùng chuyển tiếp là nơi cư dân địa phương sinh sống, canh tác, sản xuất và hoạt động du lịch. Một số KDTSQ đồng thời cũng bao gồm cả VQG, ví dụ KDTSQ Cát Bà.[9,13].

1.1.4.Vấn đề thành lập KDTSQ

a. Điều kiện thành lập KDTSQ

Để được công nhận là KDTSQTG địa điểm đó phải đảm bảo được một số tiêu chí sau:

- Diện tích khu sinh quyển đủ lớn.
- Đa dạng về hệ sinh thái và nguồn gen, bao gồm cả những nguồn gen quý hiếm và các hệ sinh thái tiêu biểu. Không gian phân bố các HST có ranh giới tự nhiên và ranh giới hành chính rõ ràng với các hệ bên cạnh nó và không có các tranh chấp về quản lý địa chính ở khu vực.
- Vùng đệm và vùng chuyển tiếp đủ lớn, có tiềm năng phát triển có đủ cơ sở và khả năng điều hoà mâu thuẫn lợi ích sử dụng giữa cộng đồng và chủ thể quản lý.
- Vấn đề dân số và môi trường ở đó phải được quản lý tốt, ch-a nảy sinh các bức xúc.

b. Nguồn gốc của việc thành lập khu DTSQ

Năm 1968, tại “Hội nghị Sinh quyển” - là hội nghị liên Chính phủ đầu tiên do UNESCO tổ chức nhằm thảo luận về sự hài hoà giữa bảo tồn và sử

dụng tài nguyên (cũng là khởi điểm của ý tưởng phát triển bền vững) đã đưa ra đề xuất về các KDTSQ. Từ đề xuất này, đến năm 1970, UNESCO đã chính thức khởi xướng chương trình “Con người và Sinh quyển” (MAB) nhằm xây dựng mạng lưới toàn cầu các KDTSQ trên hành tinh Trái đất. Đến năm 1992, tại hội nghị Liên Hợp Quốc về môi trường và phát triển tổ chức ở thành phố Rio de Janeiro (Brazil), các nhà lãnh đạo, các quốc gia trên thế giới đã thống nhất tiếp tục duy trì và phát triển chương trình MAB, và đưa vào trong chương trình nghị sự 21 như là một phần quan trọng của việc thực hiện công ước đa dạng sinh học và công ước thay đổi khí hậu.

Mục đích của việc thành lập các KDTSQ nhằm giải quyết một trong những thách thức lớn nhất mà thế giới chúng ta ngày nay đang phải đối mặt, đó là:

Làm thế nào để con người có thể bảo tồn được tính đa dạng của thực vật, động vật và vi sinh vật - những thành phần tự nhiên cấu tạo nên sinh quyển sống của chính chúng ta?

Làm thế nào để chúng ta có thể duy trì được các HST tự nhiên bền vững đồng thời đáp ứng được các nhu cầu vật chất và thoả mãn các mong muốn của con người trong hoàn cảnh dân số ngày càng tăng?

Làm thế nào để chúng ta có thể hài hoà giữa bảo tồn tài nguyên thiên nhiên và sử dụng chúng một cách bền vững? [9,14].

c. Mục đích của việc thành lập KDTSQ

Việc xây dựng KDTSQ là nhằm giải quyết một trong những vấn đề thực tiễn quan trọng nhất mà con người đang đối mặt hiện nay: đó là làm thế nào để cả thế tạo nên sự cân bằng giữa bảo tồn đa dạng sinh học, các nguồn tài nguyên thiên nhiên với sự thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, duy trì các giá trị văn hoá truyền thống đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của con người. Mô hình KDTSQ vừa cung cấp cơ sở lý luận vừa là công cụ thực hiện chương trình nghiên cứu đa quốc gia về tác động qua lại giữa con người và sinh

quyển. Về mặt phương pháp luận và cách tiếp cận cơ bản, KDTSQ là: “Con người là một phần của sinh quyển”, là “Công dân sinh thái”.

“Sinh quyển” là thuật ngữ đã trở nên quen thuộc trong đời sống quốc tế hiện nay, nó được sử dụng rộng rãi. Tại hội nghị Thượng đỉnh Trái đất về Môi trường tổ chức tại Stockholm, Thụy Điển năm 1972, cụm từ “Hội nghị Sinh quyển” thường được nhắc tới khi đánh giá các vấn đề môi trường một cách bao quát và toàn diện. Các nhà khoa học, nhà quản lý nhất trí với nhau rằng: việc sử dụng và bảo tồn tài nguyên thiên nhiên phải đi đôi với phát triển kinh tế nâng cao mức sống người dân hơn là đối lập, cần khuyến khích những cách tiếp cận nghiên cứu và quản lý để đạt được mục tiêu này.

Vào năm 1969, Ban Tư vấn Khoa học của MAB đã đề xuất việc thành lập mạng lưới hợp tác trên toàn thế giới, bao gồm cả các VQG, KDTSQ và các hình thức bảo tồn khác phục vụ cho công tác bảo tồn cũng như đẩy mạnh các công trình nghiên cứu, giáo dục và đào tạo. Các chức năng cơ bản của mạng lưới này bao gồm: đóng góp vào việc bảo tồn đa dạng di truyền, loài, HST và duy trì đa dạng sinh học (chức năng bảo tồn); tạo điều kiện cho các hoạt động nghiên cứu và giám sát, giáo dục và trao đổi thông tin giữa các địa phương, quốc gia và quốc tế về bảo tồn và phát triển bền vững (chức năng hỗ trợ); kết hợp chặt chẽ giữa bảo vệ môi trường và phát triển kinh tế nâng cao mức sống người dân và đây cũng chính là nhân tố cơ bản đảm bảo cho sự thành công của công tác bảo tồn (chức năng phát triển).

Như vậy, KDTSQ sẽ là phòng thí nghiệm sống cho việc nghiên cứu, giáo dục, đào tạo và giám sát các HST, đem lại lợi ích cho cộng đồng cư dân địa phương, quốc gia và quốc tế.

1.1.5. Tầm quan trọng của khu dự trữ sinh quyển

Áp lực từ các hoạt động kinh tế do phải đáp ứng nhu cầu phát triển của đất nước, các vấn đề môi trường đang trở nên nghiêm trọng đối với các nguồn tài nguyên, đặc biệt là đất và nước, làm giảm đi nhanh chóng số loài động thực vật, cảnh quan và các HST. Sự suy giảm đó diễn ra rất đa dạng và sự suy

giảm đa dạng sinh học lại đang tác động trở lại đối với cuộc sống hàng ngày của người dân như khan hiếm lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh, nguyên liệu cho công nghiệp, xây dựng... Vai trò của đa dạng sinh học trong cuộc sống của con người là không thể thay thế được nhất là đối với các hoạt động giáo dục, nghiên cứu khoa học. Các vùng lõi và vùng đệm của các KDTSQ đang được xem như các phòng thí nghiệm sống về đa dạng sinh học cho các vùng địa lý sinh học chính trong nước và quốc tế. Các KDTSQ đang góp một phần quan trọng trong sự cân bằng sinh thái như hạn chế xói lở, làm cho đất đai màu mỡ, điều hoà khí hậu, hoàn thiện các chu trình dinh dưỡng, hạn chế ô nhiễm nước và không khí và còn nhiều chức năng khác nữa.

Mỗi KDTSQ là địa điểm lý tưởng cho các đề tài nghiên cứu về cấu trúc và động thái các HST tự nhiên, đặc biệt là ở các vùng lõi. Là đối tượng cho việc so sánh các HST tự nhiên với các HST bị biến đổi do các tác động của con người. Các nghiên cứu này có thể tiến hành theo dõi trong một thời gian dài trên cơ sở các trạm giám sát cho phép các nhà khoa học thấy được những thay đổi theo thời gian cũng như các thay đổi hiện nay đang diễn ra trong nước và quốc tế. Qua đó có những giải pháp thích hợp nhằm khắc phục.

Việc thành lập các KDTSQ rất có lợi đối với con người. Người dân sống trong các KDTSQ vẫn được phép duy trì các hoạt động truyền thống của mình để tạo nguồn thu nhập hàng ngày qua việc sử dụng các biện pháp kỹ thuật bền vững về môi trường và văn hoá. Các biện pháp kỹ thuật và canh tác truyền thống có một ý nghĩa hết sức quan trọng trong việc bảo tồn các loài sinh vật bản địa, đó chính là kho lưu trữ nguồn vốn gen di truyền phục vụ cho công tác chọn giống và di sản di truyền cho các thế hệ mai sau.

Theo các nhà khoa học, các KDTSQ đang tạo điều kiện dễ dàng cho việc trao đổi kinh nghiệm và chia sẻ kiến thức về phát triển bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên trên trái đất. Mục đích chính của các KDTSQ là nghiên cứu và tìm ra các giải pháp sử dụng đất giúp cho việc nâng cao mức sống cho người dân mà không gây hại đến môi trường. Các KDTSQ cũng là nơi chia sẻ

kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm ở các qui mô quốc gia, khu vực và quốc tế. Đồng thời, các KDTSQ đang tạo điều kiện thuận lợi cho việc hợp tác trong việc giải quyết các vấn đề quản lý tài nguyên thiên nhiên. Đây là điểm hẹn lý tưởng cho các nhà khoa học, các cán bộ quản lý, các nhà tổ chức, các cá nhân muốn gặp gỡ, trao đổi về các giải pháp trong một cơ chế điều hành thống nhất. Các KDTSQ là những mô hình tốt cần được nhân lên ở nhiều nơi.

1.2. DANH SÁCH CÁC KHU DỰ TRỮ SINH QUYỂN TẠI VIỆT NAM

1.2.1. Khu dự trữ sinh quyển Cần Giờ, 2000.

KDTSQ này có tên đầy đủ là KDTSQ rừng ngập mặn Cần Giờ, thuộc t.p Hồ Chí Minh (tp.HCM), được UNESCO công nhận vào ngày 21/01/2000, tổng diện tích trên 71 ngàn ha, dân số hơn 57 ngàn người.

Cánh rừng này được giới chuyên môn đánh giá là rừng ngập mặn đẹp nhất Đông Nam Á được khôi phục sau khi bị chất độc hóa học hủy diệt gần như toàn bộ trong thời gian chiến tranh. Tên cũ của rừng là rừng cấm Quảng Xuyên - Cần Giờ.

KDTSQ Cần Giờ cách tp.HCM 30 - 40km đường chim bay, đây được coi là “lá phổi xanh của thành phố” bởi có chức năng điều hòa không khí, giảm ô nhiễm và hấp thu CO₂ do các hoạt động công nghiệp thải ra từ tp.HCM.

KDTSQ Cần Giờ có vùng lõi 4.721 ha, vùng đệm hơn 37 ngàn ha. Còn lại là vùng chuyển tiếp có diện tích hơn 29 ngàn ha

1.2.2. Khu dự trữ sinh quyển Cát Tiên, 2001

KDTSQ Cát Tiên, thuộc các tỉnh Đồng Nai, Bình Phước, Lâm Đồng và Đắk Lắk, được UNESCO công nhận ngày 10/11/2001, tổng diện tích gần 729 ngàn ha. Đây là một khu rừng mưa ẩm nhiệt đới cuối cùng còn sót lại ở miền Nam nước ta, với rất nhiều loài động thực vật quý hiếm đang bị đe dọa tuyệt chủng, đặc biệt là loài tê giác một sừng (*Rhinoceros sondaicus*). Các HST ở đây cung cấp rất nhiều dịch vụ sinh thái trong đó phải kể đến chức năng điều hòa nước vùng thượng nguồn sông Đồng Nai, cung cấp nước ngọt vào mùa

khô và không chế ngập lụt vào mùa mưa cho cả một vùng rộng lớn Đông Nam bộ, kể cả T.P Hồ Chí Minh.

Vùng lõi của KDTSQ có diện tích gần 74 ngàn ha, là vùng lõi của Vườn quốc gia Cát Tiên, vùng đệm có diện tích trên 251 ngàn ha và trên 403 ngàn ha vùng chuyển tiếp

Đến nay, đa dạng sinh học của Cát Tiên vẫn chưa xác định hết, công việc này vẫn còn đang tiếp tục. Đến nay các nhà khoa học đã công bố 77 loài thú, 318 loài chim, 58 loài bò sát, 28 loài lưỡng cư và 130 loài cá, trong đó nhiều loài có nguy cơ bị tuyệt chủng như voi châu Á (*Elephas maximus*), tê giác một sừng (*Rhinoceros sondaicus*), heo rừng (*Sus scrofa*), bò tót, voọc vá chân đen (*Pygathrix nigripes*), vượn đen má hung (*Hylobates gabriellae*)...

1.2.3.Khu dự trữ sinh quyển Châu thổ sông Hồng,2004

Tên chính thức là KDTSQ đất ngập nước ven biển liên tỉnh châu thổ sông Hồng, thuộc 5 huyện Thái Thụy, Tiền Hải (Tỉnh Thái Bình); Giao Thủy, Nghĩa Hưng (Tỉnh Nam Định) và Kim Sơn (Tỉnh Ninh Bình). Khu DTSQ châu thổ sông Hồng được UNESCO công nhận vào ngày 2/12/2004. Tổng diện tích của khu DTSQ này lớn hơn 105 ngàn ha, vùng lõi có diện tích hơn 14 ngàn ha, vùng đệm gần 37 ngàn ha, vùng chuyển tiếp trên 54 ngàn ha, có số dân trên 128 ngàn người.

Đây là KDTSQ liên tỉnh bao gồm cả Vườn quốc gia Xuân Thủy, khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Tiền Hải và các vùng phụ cận, khu Ramsar Xuân Thủy. Đây là khu Ramsar được công nhận vào năm 1989, là khu đầu tiên và duy nhất ở Việt Nam tính đến thời điểm này. Ramsar là tên Công ước bảo vệ những vùng đất ngập nước có tầm quan trọng quốc tế, đặc biệt là nơi cư trú của những loài chim nước, do các nước tham gia ký tại tp. Ramsar, Cộng hoà Hồi giáo Iran. Xuân Thủy cũng là khu Ramsar đầu tiên của Đông Nam Á và thứ 50 của thế giới.

KDTSQ này hiện đang lưu giữ những giá trị đa dạng sinh học phong phú với các loài quý hiếm và có tầm quan trọng quốc tế. Các công trình nghiên cứu đã công bố khoảng 200 loài chim, trong đó có gần 60 loài chim di cư, hơn 50 loài chim nước. Nhiều loài quý hiếm được ghi trong sách đỏ thế giới như: cò thìa (*Platalea minor*), mòng bẽ (*Larus ichthyaetus*), rẽ mỏ thìa (*Tringa orchropus*), cò trắng bắc (*Egretta eulophotes*),... Sinh cảnh đặc sắc nơi đây là những cánh rừng ngập mặn rộng hàng ngàn ha, đầm lầy mặn, bãi bồi ven biển và cửa sông.

1.2.4.Khu dự trữ sinh quyển Cát Bà, 2004

(Xem chi tiết ở chương II)

1.2.5.Khu dự trữ sinh quyển Kiên Giang, 2006

KDTSQ Kiên Giang có ba vùng lõi thuộc các VQG U Minh Thượng, VQG Phú Quốc, và rừng phòng hộ ven biển Kiên Lương - Kiên Hải. So với 4 KDTSQ được công nhận trước đó, KDTSQ Kiên Giang có phần đa dạng hơn về cảnh quan cũng như HST. Tổng diện tích chính xác của KDTSQ Kiên Giang là 1.118.105 ha, lớn nhất trong số các KDTSQ thế giới tại Việt Nam hiện nay.

Về cảnh quan bao gồm các mẫu cảnh quan tiêu biểu và độc đáo là rừng tràm (*Melaleuca*) trên đất than bùn khu vực U Minh Thượng; khu vực đảo Phú Quốc có nhiều sông suối, các bãi tắm chạy dài dọc bờ biển; khu vực Kiên Lương – Kiên Hải với hơn 30% diện tích là đồi núi và hải đảo, còn lại là rừng ngập mặn ven biển và rừng tràm ngập nước theo mùa vùng Tứ giác Long Xuyên.

KDTSQ Kiên Giang là nơi tập trung nhiều HST rừng nhiệt đới như: HST rừng nguyên sinh và rừng thứ sinh, HST rừng trên núi đá, HST rừng ngập chua phèn, HST rừng ngập mặn, HST rạn san hô - cỏ biển.

1.2.6.Khu dự trữ sinh quyển miền tây Nghệ An, 2007

Đây là KDTSQ lớn nhất Việt Nam, có giá trị về khoa học, môi trường, văn hóa, nhân văn cần được bảo tồn và phát triển. KDTSQ Nghệ An có diện

tích 1.303.285ha, thuộc địa bàn 9 huyện: Kỳ Sơn, Tương Dương, Con Cuông, Thanh Chương, Quỳnh Hợp, Quỳnh Châu, Quế Phong, Tân Kỳ, Anh Sơn. Trong đó VQG Pù Mát làm trung tâm. Nơi đây đang lưu giữ nhiều nguồn gen quý về động, thực vật.

VQG Pù Mát có đầy đủ đại diện của 4/5 lớp quần hệ (rừng thưa, rừng kín, cây bụi và cây thảo). Trong số gần 2.500 loài thực vật bậc cao có mặt tại khu vực này, thì có gần 2.000 loài thuộc nhóm chồi trên mặt đất chiếm tỷ lệ 74%, là yếu tố chủ đạo cấu thành nên HST rừng nhiệt đới và á nhiệt đới gió mùa ở Việt Nam. Khu hệ động vật hiện có 130 loài thú lớn, nhỏ, 295 loài chim, 54 loài lưỡng cư và bò sát, 84 loài cá, 39 loài dơi (có những loài chỉ có duy nhất ở Việt Nam và Đông Bắc Thái Lan).

Điểm đặc biệt là nơi đây có đặc trưng văn hóa - nhân văn nổi bật của cộng đồng người Thái, với những giá trị bản địa sâu sắc và không thể bỏ qua giá trị cội nguồn của tộc người Ô Đu có dân số ít nhất trong 54 dân tộc anh em của cộng đồng dân cư Việt Nam.

1.2.7. Khu dự trữ sinh quyển Cù lao Chàm

Ngày 26/5/2009, Ủy ban điều phối quốc tế chương trình Con người và Sinh quyển thế giới đã chính thức đưa Cù lao Chàm (Hội An, Quảng Nam) và mũi Cà Mau (Cà Mau) vào danh sách KDTSQTG.

Quyết định trên được đưa ra trong ngày thứ hai kỳ họp thứ 21 của MAB tại Jeju (Hàn Quốc). Cù lao Chàm và mũi Cà Mau được công nhận với tính đặc hữu hiếm có.

Cù lao Chàm là một quần đảo gồm 8 đảo lớn nhỏ nằm trên khu vực biển có diện tích 15 km² thuộc xã đảo Tân Hiệp (TP Hội An - Quảng Nam), phân bố theo hình cánh cung cách Hội An 19 km. Cù lao Chàm có trên 1.500ha rừng tự nhiên và 6.700ha mặt nước, được đánh giá là nơi có sự đa dạng sinh học hiếm có trên thế giới. Trong đó, đảo lớn nhất là Hòn Lao.

Với khoảng 3.000 dân sinh sống, KDTSQ Cù lao Chàm rộng gần 40.000ha, đ- ọc khoanh vùng đến tận khu đô thị cổ Hội An với mô hình sinh quyển - con ng- ời – văn hóa.

Theo các nhà địa chất, Cù lao Chàm là phần kéo dài về phía Đông Nam của khối đá granit Bạch Mã - Hải Vân – Sơn Trà, hình thành cách đây khoảng 230 triệu năm.

Khoảng 3.000 năm tr- ớc, Cù lao Chàm đã có c- dân cổ sinh sống. Trong diễn trình lịch sử, nơi đây còn rất nhiều di tích thuộc các hệ văn hóa Sa Huỳnh, Champa, Đại Việt chứng minh mối quan hệ giao l- u gĩ- a Cù lao Chàm với các n- ớc trong khu vực và là điểm dừng chân của th- ơng thuyền các n- ớc trên hành trình “Con đ- ờng tơ lụa” trên biển.

Hiện Cù lao Chàm có 135 loài san hô, trong đó có 6 loài lần đầu tiên đ- ợc ghi nhận ở vùng biển Việt Nam. Theo các nhà khoa học, Cù lao Chàm có 947 loài sinh vật sống trên các vùng n- ớc quanh đảo, trong đó có 178 loài sinh vật biển, hơn 50 loại cá, 56 loài thân mềm nh- ớt, ngọc trai, nhiều loại nằm trong sách đỏ của Việt Nam.

1.2.8.Khu dự trữ sinh quyển Mũi Cà Mau

KDTSQ Mũi Cà Mau đ- ợc đề cử với quy mô 371.506 ha với 3 vùng: Vùng lõi 17.329ha, vùng đệm 43.309ha và vùng chuyển tiếp 310.868ha.

Vùng Mũi Cà Mau có 4 đặc tr- ng sinh thái chính: Hệ thống diễn thế nguyên sinh trên đất bãi bồi; hệ thống chuyển tiếp các HST đặc tr- ng từ rừng ngập mặn sang rừng tràm ngập n- ớc ngọt theo mùa; là vùng bãi đẻ và nuôi d- ỡng con non các loài thủy hải sản cho cả vùng biển rộng lớn (kể cả vịnh Thái Lan) và nơi l- u dấu tích c- dân đầu tiên của ng- ời dân di c- từ các vùng miền khác trong cả n- ớc. Do những đặc tr- ng trên, nên tại vùng đất này có nhiều vùng sinh quyển độc đáo: Tại VQG Đất Mũi (huyện Ngọc Hiển) có 13 loài thú (trong đó có 2 loài nằm trong Sách Đỏ thế giới là khỉ đuôi dài *Macaca tasciculalis* và Cà Khu *Trachypithecus Cristatus*) và 4 loài có trong Sách Đỏ Việt Nam. Ngoài ra có 74 loài chim thuộc 23 họ; có 28 loài chim di trú từ các

nơi trên thế giới trong đó có nhiều loài thuộc loại quý hiếm. VQG U Minh Hạ (huyện U Minh) cũng là nơi bảo tồn than bùn với quy mô trên 6.000ha.

Tại đây có 58 loài thuộc 21 họ chim, trong đó có nhiều loại quý hiếm; có 26 loại thuộc 12 loài bò sát trong đó có 7 loại có trong Sách Đỏ Việt Nam và 2 loại có trong Sách Đỏ thế giới. Nơi đây hiện có 15 loại thú thuộc 9 họ với 3 loài có trong Sách Đỏ Việt Nam và 1 loài có trong Sách Đỏ thế giới. Tại đây có rừng ngập mặn giá trị lớn nhất Việt Nam gồm hơn 100 loài động vật quý hiếm. Gần đây nhiều loài chim quý đã xuất hiện trở lại, tạo thành v- òn chim lớn ở mũi Cà Mau, trong đó có nhiều loài nh- sen, chàng bè và diệc móc đã vắng bóng hàng chục năm qua.

1.3. QUÁ TRÌNH CÔNG NHẬN KHU DTSQ CÁT BÀ

Từ năm 2002, với sự hỗ trợ về vật chất và tinh thần của Sở du lịch Hải Phòng, ba tổ chức cơ quan là Phân viện Hải D- ơng học Hải Phòng (HIO), hội động vật học bảo tồn các loài và các quần thể sinh vật (ZSCSP), tổ chức nghiên cứu khu hệ động vật và khu hệ thực vật quốc tế (FFI) đã lập một báo cáo trình lên các cấp có thẩm quyền để đề nghị xét duyệt quần đảo Cát Bà trở thành KDTSQ.

Đề án đề nghị công nhận KDTSQ Cát Bà đ- ợc thành phố xây dựng từ năm 2002. Lý do của việc xây dựng đề án này đã đ- ợc Sở du lịch thành phố nêu ra một cách cụ thể mang tầm chiến l- ợc và có ý nghĩa thiết thực. Theo đánh giá của các chuyên gia Cát Bà là nơi có tiềm năng đa dạng sinh học cao (với 2320 loài động thực vật) VQG Cát Bà đ- ợc thành lập từ năm 1986 đã góp phần tích cực vào việc bảo tồn nguồn gen quý hiếm của khu vực. Tuy nhiên nếu chỉ dừng lại ở mức độ và phạm vi của VQG thì ch- a t- ơng xứng với tiềm năng về tài nguyên và sinh thái của Cát Bà. Nếu Cát Bà đ- ợc công nhận là KDTSQ thì nơi đây sẽ thực sự trở thành trung tâm bảo tồn nguồn gen, cân bằng HST và trở thành một trung tâm du lịch lớn của thành phố và của vùng.

Ngày 29/5/2002, đề án này đ- ợc UBND Thành phố Hải Phòng họp thông qua. Vấn đề xây dựng đề án nhằm đ- a KDTSQ Cát Bà trở thành 1 thành viên của các KDTSQTG lại tiếp tục đ- ợc đặt ra cho các bộ ngành. Nhận thức

rõ những tiềm năng sinh thái đặc biệt của khu dự trữ này, đề án đã nhận được sự giúp đỡ của các tổ chức, cá nhân, các nhà khoa học trong nước và quốc tế cùng với ý kiến tham gia của nhiều bộ ngành liên quan. Năm 2003, đề án được bổ sung hoàn chỉnh trình Thủ tướng Chính Phủ thông qua để UNESCO Việt Nam và MAB Việt Nam trình UNESCO thế giới công nhận.

Trong khi đó sau một số lần thảo luận, trao đổi và thống nhất ý kiến, ngày 6/4/2004 tại Hải Phòng, Bộ nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chính thức bàn giao VQG Cát Bà cho UBND Thành phố Hải Phòng quản lý theo quyết định của Thủ tướng Chính Phủ. Đây là cơ hội tốt để Hải Phòng huy động, thu hút các nguồn vốn đầu tư phát triển ven biển, chuẩn bị các điều kiện cần thiết đề nghị UNESCO công nhận Cát Bà là KDTSQTG thuộc hệ thống khu bảo tồn thiên nhiên Việt Nam.

Tại kỳ họp thứ 18 của Hội đồng quốc tế về phối hợp chương trình Công nghệ và Sinh quyển(MAB) của UNESCO ngày 2/12/2004, quần đảo Cát Bà của Việt Nam là 1 trong 19 vị trí địa hình mới thuộc 13 nước được đưa vào hệ thống dự trữ sinh quyển thế giới của UNESCO. Với quyết định này quần đảo Cát Bà là KDTSQTG thứ 4 của nước ta được công nhận hoàn toàn xứng đáng là một khu bảo vệ tự nhiên nhằm dự trữ vốn gen, loài và HST cho toàn bộ sinh quyển, kết hợp được một cách hài hòa lợi ích phát triển kinh tế - xã hội - văn hoá của con người.

Như vậy phải mất 2 năm đề án KDTSQ Cát Bà mới được Chính phủ Việt Nam phê duyệt và UNESCO chính thức công nhận.

Tiểu kết chương 1:

Tựu chung lại, KDTSQ sẽ là phòng thí nghiệm sống cho việc nghiên cứu, giáo dục, đào tạo và giám sát các HST, đem lại lợi ích cộng đồng cho cư dân địa phương, quốc gia và quốc tế.

Cho đến nay Việt Nam có 8 KDTSQTG. Mỗi KDTSQ của Việt Nam có những đặc điểm đặc trưng và giá trị riêng. KDTSQ là hệ thống những vùng có HST trên cạn, HST ven biển, các HST biển hoặc kết hợp của tất cả những thành phần đó. Nếu như Cần Giờ là vùng ngập mặn cửa sông, Cát Tiên là vùng rừng trên cạn, thì Cát Bà là hội tụ đầy đủ cả rừng mưa nhiệt đới trên đảo đá vôi, rừng ngập mặn, các rạn san hô, thảm rong của biển và đặc biệt là hệ thống hang động, tùng áng. Có thể nói, quần đảo Cát Bà là hội tụ đầy đủ các HST tiêu biểu nhất của Việt Nam.

Có 2 lĩnh vực có tiềm năng lớn tại KDTSQ Cát Bà là phát triển thủy hải sản và du lịch trong đó công tác phát triển du lịch mang ý nghĩa xã hội cao, có tác động trực tiếp tới KDTSQ. Để thực hiện nhiệm vụ này đề án KDTSQ Cát Bà đã đề xuất một ý tưởng được giới chuyên môn trong nước và quốc tế đánh giá cao đó là mô hình: Dùng các hoạt động du lịch như một động thái tích cực trong khai thác và bảo vệ KDTSQ. Do đó các hoạt động du lịch cần được tính toán kỹ và thực hiện bài bản trên cơ sở đáp ứng những quy định nghiêm ngặt trong công tác bảo tồn và khai thác những tiềm năng mà KDTSQ mang lại.

CHƯƠNG 2: HIỆN TRẠNG KHAI THÁC TÀI NGUYÊN DU LỊCH TẠI KHU DỰ TRỮ SINH QUYỂN THẾ GIỚI CÁT BÀ

2.1. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ TÀI NGUYÊN DU LỊCH THIÊN NHIÊN CỦA KDTSQTG CÁT BÀ

2.1.1. Vị trí địa lý và phân vùng chức năng

Ngày đ-ợc UNESCO công nhận: 2/12/2004.

Số dân: 10.673 ng-ời (năm 2004)

KDTSQTG Cát Bà nằm trong khoảng toạ độ:

Vĩ độ bắc: 20°42'40" - 20°52'45"

Kinh độ đông: 106°54'11" - 107°07'05"

Toạ độ trung tâm là: 20°47'42" vĩ độ bắc, 107°00'38" kinh độ đông.

KDTSQ Cát Bà bao gồm phần lớn quần đảo Cát Bà, cách nội thành Hải Phòng 45km về phía đông, cách thành phố Hạ Long 25km về phía nam, tổng diện tích 26.240ha, trong đó 17.000ha đảo, 92.000ha mặt n-ớc biển.

KDTSQTG Cát Bà chia thành 3 khu vực chính: vùng lõi, vùng đệm, vùng chuyển tiếp nằm liền kề với nhau rất thuận lợi cho việc quản lý thống nhất, nằm trọn vẹn trong một không gian của hòn đảo lớn nhất trong hệ thống đảo vùng biển Bắc bộ Việt Nam và do UBND huyện Cát Hải quản lý.

a. Vùng lõi: Đây là vùng không có tác động của con ng-ời, trừ các hoạt động nghiên cứu và giám sát, có thể duy trì một số hoạt động truyền thống của ng-ời dân địa ph-ơng cho phù hợp.

Nhiệm vụ chính của vùng lõi là bảo tồn HST tự nhiên còn t-ơng đối nguyên vẹn, bảo tồn các nguồn gen động, thực vật quý hiếm, các loài đặc hữu của KDTSQ (kim giao, voọc đầu vàng, tu hài, cá heo, chim cao cát...); bảo vệ cảnh quan thiên nhiên, các di tích khảo cổ và văn hoá lịch sử.

KDTSQTG Cát Bà có 2 vùng lõi (Coze zone-C)

+ *Vùng lõi 1:* nằm ở phía đông nam có diện tích 6.900 ha, trong đó 5.300 ha thuộc phần đảo, 1.600 ha thuộc phần biển (C1).

Vùng lõi 1 là phần chính của VQG Cát Bà bao gồm: khu rừng nguyên sinh, rừng ngập nước trên núi, rừng kim giao, khu vực cây gỗ nhỏ, cây bụi và dây leo rậm trên núi đá vôi thuộc trung tâm Cát Bà. Khu vực có 40% cá thể Voọc sinh sống và các HST tùng, áng, rạn san hô thuộc vùng lõi hiện nay của rừng Quốc gia Cát Bà (loại trừ khu hành chính VQG, thung lũng và làng Việt Hải).

Vùng lõi 1 có chức năng là khu bảo tồn thiên nhiên, được Nhà Nước thành lập ngày 31 tháng 3 năm 1986, theo quyết định số 76/HĐ-BT của Hội Đồng Bộ trưởng nay là Chính Phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Trước năm 1986 khu vực này là rừng núi, có nhiều loại động thực vật phong phú, là nơi đa dạng HST tiêu biểu rừng Việt Nam. Đã có những công trình khảo sát, nghiên cứu của nhiều cơ quan, tổ chức trong nước và quốc tế. Đến nay vùng này vẫn thực hiện được chức năng chính là khu bảo tồn nhiều quỹ gen quý hiếm, bảo tồn đa dạng sinh học.

+ *Vùng lõi 2*: Nằm ở phía Tây – Bắc đảo Cát Bà với diện tích mặt đất 1.200 ha và diện tích mặt nước 400 ha thuộc địa phận xã Gia Luận tiếp giáp với xã Phù Long. Nó bao gồm bán đảo Hang Cái và một số hòn đảo nhỏ phụ cận (loại trừ thung lũng và làng Gia Luận). Nơi đây là khu vực núi cao, địa hình hiểm trở, đa dạng hệ sinh học, ít có sự can thiệp của con người, thuận tiện cho việc bảo vệ nghiêm ngặt và quản lý, còn là nơi có 30% cá thể voọc hiện đang cư trú.

b. Vùng đệm: Là vùng tiếp giáp với vùng lõi, có thể tiến hành các hoạt động kinh tế, nghiên cứu, giáo dục và giải trí nhưng không ảnh hưởng đến mục đích bảo tồn trong vùng lõi.

KDTSQ Cát Bà có 2 vùng đệm (Buffer zone – B)

+ Vùng đệm khu trung tâm (Vùng đệm Việt Hải) có diện tích 141 ha, nằm trong vùng lõi 1, gồm thung lũng và làng Xính xã Việt Hải, toàn mặt đất (B2).

+ Vùng đệm tiếp giáp : bao quanh cả hai vùng lõi có diện tích 7.600 ha. Trong đó có 4.800 ha phần đảo và 2.800 ha phần biển (B1).

Đây là vùng có chức năng phát triển kinh tế tăng thu nhập cho người dân, trợ giúp cho công tác bảo tồn vùng lõi. Nhiệm vụ chính của vùng đệm bao gồm:

- Phục hồi HST rừng tại những điểm đã bị tác động, phục hồi các loài động thực vật bản địa.
- Triển khai nghiên cứu khoa học cơ bản và áp dụng thực tế phục vụ yêu cầu bảo tồn.
- Cung cấp các dịch vụ nghiên cứu khoa học, tuyên truyền, giáo dục kết hợp với dịch vụ du lịch sinh thái.
- Phối hợp với chính quyền địa phương các tỉnh bạn, đặc biệt là Quảng Ninh xây dựng kế hoạch tổng thể liên vùng trong quản lý vùng đệm cho du lịch sinh thái trong phát triển kinh tế bền vững.

c. Vùng chuyển tiếp

Vùng chuyển tiếp còn được gọi là vùng phát triển bền vững, nơi cộng tác của các nhà khoa học, nhà quản lý và người dân địa phương, tạo điều kiện thuận lợi và đẩy mạnh các hoạt động phát triển kinh tế, du lịch, dịch vụ đi đôi với tuyên truyền giáo dục nâng cao nhận thức cộng đồng.

KDTSQ Cát Bà có 2 vùng chuyển tiếp (Transition zone – T):

▪ *Vùng chuyển tiếp 1* : ở phía nam rộng 8.700 ha trong đó 4.500 ha mặt đất và 4.200 ha diện tích mặt nước. Nó bao gồm diện tích còn lại của các xã Phù Long, Hiền Hào, Xuân Đám, Trân Châu và vùng biển phía đông thị trấn Cát Bà (Bù Nâu, Áng Thảm, Cát Dứa) (T1).

▪ *Vùng chuyển tiếp 2* : ở phía bắc (xã Gia Luận) , có diện tích 1.300 ha trong đó 1.100 ha mặt đất và 200 ha mặt nước, bao gồm vùng núi phía tây đỉnh Cao Vọng, thung lũng và làng chính xã Gia Luận (T2).

Vùng chuyển tiếp là vùng tập trung đông dân cư nên địa phương có chính sách khuyến khích phát triển kinh tế nhiều thành phần, đa dạng hoá nguồn thu nhập cho người dân, đặc biệt là vùng nông thôn nuôi trồng thủy

sản, dịch vụ du lịch, đào tạo lao động có tay nghề kỹ thuật cao để phát triển nghề cá đánh bắt xa bờ và du lịch, dịch vụ.

2.1.2. Tài nguyên du lịch tự nhiên

a. Địa hình

Thiên nhiên đã - u đãi cho Cát Bà một cảnh quan đẹp với những điều kiện tự nhiên hết sức phong phú đa dạng, vừa có rừng, vừa có biển, vừa có các hang động tự nhiên. Địa hình chủ yếu ở Cát Bà là các đảo núi đá vôi thấp và bị chia cắt chiếm hơn 80% tổng diện tích đảo. Hệ thống núi đá này có độ cao trung bình từ 50 – 200m, cao nhất là đỉnh Cao Vọng 322m, thấp nhất là Áng Tôm (đ- ới mặt n- ớc biển 10 -30 m). Độ dốc s- ườn núi trung bình là 300 m. Theo nghiên cứu, các dãy núi đá vôi ở Cát Bà có lịch sử kiến tạo từ 250 -280 triệu năm. Xen kẽ với những núi đá là thung lũng, trong đó lớn nhất là thung lũng Trung Trang rộng 300 ha. Ngoài ra còn có thung lũng Khe Sâu, Việt Hải, Hiền Hào, Xuân Đám.

Quá trình karst xảy ra mạnh mẽ đã tạo nên cho quần đảo Cát Bà kiểu địa hình karst. Đặc tr- ng cho dạng địa hình này là hệ thống các hang động lớn, nhỏ. Trong đó có nhiều nhũ đá, măng đá tuyệt đẹp, hình thành nên một tài nguyên tự nhiên có giá trị, thu hút đông đảo khách du lịch tới tham quan nh- động Trung Trang, động Thiên Long, động đá hoa Gia Luận, hang Quân Y...

Ngoài ra, do ảnh h- ưởng trực tiếp của sóng biển và chế độ thủy triều cửa sông nên vùng chân đảo phía tây (thuộc xã Phù Long) và phía tây nam (thuộc địa phận xã Xuân Đám) có dạng địa hình bãi triều cao. Đó là các bãi bùn với kiểu sinh thái rừng ngập mặn ở Cái Viềng, Phù Long. Một số bãi đ- ợc kiến tạo từ dạng xác sinh vật trên các mảng san hô tạo nên các bãi triều rất sạch, đẹp nh- bãi Đ- ộng Gianh ở xã Phù Long, thích hợp cho hoạt động du lịch cũng nh- thuận lợi cho sự sinh tr- ởng của một số loài hải sản quý nh- tu hài, ngọc trai, hải sâm, bào ngư, tôm hùm...

KDTSQ Cát Bà có khá nhiều bãi biển. Do đặc điểm địa hình địa mạo là vùng núi đá vôi, nguồn vật liệu tạo thành bãi không lớn (bãi cát mini) nh- ng các bãi tắm ở đây khá sạch, chất l- ượng bãi cát tốt, độ trong sạch của n- ớc biển

cao nên thuận lợi cho loại hình du lịch tắm biển. Theo thống kê, ở đây có khoảng 139 bãi tắm mini, tập trung chủ yếu ở phía đông nam đảo Cát Bà, thuộc khu vực vịnh Lan Hạ. Các bãi cát đẹp có thể phục vụ du lịch là bãi Cát Cò 1, Cát cò 2, Cát Cò 3, Cát Dứa, Ba Trái Đào, Bụng Đây, Cát Ông, Vạn Bội...

Các loại hình thủy vực quanh đảo Cát Bà cũng rất đa dạng về hình thái và cấu trúc với những vụng và đầm nước mặn. Bên cạnh đó, một dạng khá tiêu biểu và đặc sắc ở KDTSQ Cát Bà là các tùng, áng. Trong tùng, áng thường chứa đựng nhiều dạng sinh vật như san hô, thảm rong biển, các loài động vật quý hay các sinh vật cảnh rất hấp dẫn đối với du lịch, điển hình như: Tùng Gấu, Tùng Vụng, Tùng Cao Vọng, Áng Thảm, Áng Vẹm, Áng Gia Luận...

b. Khí hậu

Đảo Cát Bà nằm trong khu vực nhiệt đới gió mùa, chịu ảnh hưởng trực tiếp của khí hậu đại dương nên khí hậu của đảo nhìn chung ít khắc nghiệt hơn các vùng đất liền có cùng vĩ độ.

***Chế độ nhiệt**

Khí hậu ở đảo mang tính chất của cả 4 mùa trong năm trong đó có thể chia thành 2 mùa chủ đạo:

– Mùa hạ: nóng ẩm lượng mưa nhiều, kéo dài từ tháng 5 đến tháng 9, nhiệt độ không khí trung bình ngày ổn định trên 25 °C. Các tháng nóng nhất là tháng 5, 6 và tháng 7 có nhiệt độ trung bình là 28 – 29 °C, ngày nóng nhất lên tới 32 °C.

– Mùa đông: khô, lạnh kéo dài từ tháng 11 đến tháng 3 năm sau. Nhiệt độ không khí trung bình ngày dưới 20 °C. Tháng có nhiệt độ thấp nhất là tháng 1 từ 16 – 17 °C, ngày lạnh nhất xuống tới 10 °C.

Nhiệt độ trung bình cả năm 23 – 24 °C, khá đặc trưng cho vùng nhiệt đới. Mức chênh lệch nhiệt độ giữa 2 mùa tương đối lớn khoảng 11 – 12 °C.

Tổng lượng nhiệt là 8.000 – 8.500 °C/năm.

***Độ ẩm**

– Độ ẩm không khí trung bình cả năm là 86% tháng dao động trong khoảng 80 – 92 %.

- Độ ẩm cao nhất vào tháng 4 là 91%, thấp nhất là tháng 1 với 73%.
- Lượng bốc hơi hàng năm bình quân là 700 mm.

*Lượng mưa

Nhìn chung, lượng mưa ở đảo Cát Bà thường ít hơn ở đất liền. Hàng năm ở đây có khoảng 100 – 150 ngày mưa với tổng lượng mưa trung bình năm từ 1.700 – 1.800 mm, được phân bố theo 2 mùa.

Mùa mưa từ tháng 5 – 10, trung bình có khoảng 10 ngày mưa/tháng với tổng lượng mưa 1.500 – 1.600 mm, chiếm 80 – 90 % lượng mưa cả năm. Tháng mưa nhiều nhất tập trung vào tháng 7, 8, 9 do có nhiều đợt mưa rào và bão, áp thấp nhiệt đới hoạt động mạnh.

Mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau, trung bình mỗi tháng có 8 – 10 ngày mưa chủ yếu là mưa nhỏ và mưa phùn nên tổng lượng mưa mùa chỉ đạt 200 – 250 mm. Lượng mưa thấp nhất vào các tháng 11 và 12, trung bình đạt 20 – 25 mm/tháng.

*Chế độ nắng

Tổng số ngày nắng trong năm của Cát Bà là 150 – 160 ngày. Trung bình hàng năm trong khu vực có 1.600 – 1.800 giờ nắng. Tháng cao nhất là tháng 5 và tháng 7 với khoảng 188 giờ/tháng.

*Chế độ gió

Gió đất và gió biển có vai trò quan trọng trong việc điều hoà thời tiết ở nơi đây. Mùa đông, khí hậu khu vực này thường ấm hơn và mùa hè thường mát hơn so với các tỉnh nằm sâu trong đất liền.

Chế độ gió trên toàn khu vực chịu ảnh hưởng của hoàn lưu chung khí quyển và thay đổi theo mùa. Tốc độ gió trung bình hàng năm là 2,4 m/s, cao nhất vào tháng 7 (3,4 m/s) và thấp nhất vào tháng 1 (1,8 m/s).

Vào mùa khô, hướng gió chính là đông, đông bắc (hàng năm có khoảng 20 – 30 đợt). Mùa mưa là gió mùa đông, đông nam. Từ tháng 6 đến tháng 8 có gió tây nam kèm theo nắng nóng.

Giông xuất hiện vào mùa hạ, từ tháng 5 đến tháng 9 hàng năm, trung bình có khoảng 87 ngày giông/năm. Trong cơn giông thường kèm theo gió lốc và m- a đá, đôi khi xuất hiện cả hiện tượng vòi rồng.

M- a bão xuất hiện từ tháng 6 – 10, bình quân có 2,6 trận bão/năm. Tần suất của bão trong năm thường phân bố không đều ở các tháng, trong đó tháng 7 – 9 có tần suất lớn nhất đạt 35 – 36 %. Bão thường kèm theo m- a lớn gây nên hiện tượng lụt lội ở các thung, áng của đảo Cát Bà.

c.Đặc điểm thủy văn

– Thủy triều : Thủy triều theo chế độ nhật triều thuận nhất. Mức triều trung bình từ 3,3 – 3,5 m. Mức nước cao nhất +4,0 m. Mức nước thấp nhất +0,5 m. Biên độ lớn nhất là 3,9 m. Mùa m- a thủy triều lên cao vào buổi chiều còn mùa khô lại lên cao vào buổi sáng.

– Nguồn nước: Đảo Cát Bà có trữ lượng nước khá dồi dào cả về nguồn nước mặt và nước ngầm.

+ Nước biển: trong, có độ mặn vừa phải và tương đối ổn định trong toàn mùa. Nhiệt độ nước biển thay đổi khá lớn, phụ thuộc vào nhiệt độ khí quyển. Trong năm, nước biển có nhiệt độ thấp nhất vào tháng 2 (khoảng 15 °C) và cao nhất vào tháng 7 có thể đạt tới 31 °C. Nhiệt độ nước trung bình từ tháng 4 – 11 là 23 °C, khá phù hợp cho hoạt động tắm biển và là điều kiện lý tưởng cho việc nuôi trồng một số loại hải sản quý như ngọc trai, bào ngư, cá song...

+ Nguồn nước ngọt:

• Nguồn nước trên mặt: Cát Bà là đảo đá vôi, gần như hệ thống sông suối trên đảo không phát triển. Những dòng chảy tạm thời chỉ xuất hiện trong cơn m- a và ngừng ngay sau khi m- a. Vào mùa m- a, nước đọng lại ở những vùng nhỏ, thấm giọt trong các hang động. Tuy rất ít, nhưng đây lại là nguồn nước khá thường xuyên cho động vật trên đảo. Trên một số đảo nhỏ hoặc ven đảo lớn Cát Bà, nơi đứt gãy chảy qua, có xuất hiện nước xuất lộ với dung lượng từ một vài lít đến vài chục lít một ngày. Nguồn nước xuất lộ lớn nhất ở suối Thuông Luông, có lưu lượng trung bình 5l/s, mùa m- a 7.5l/s và mùa khô đạt 2,5l/s. Ngoài ra còn suối Trung Trang, suối Treo Cơm (khu đồng cỏ), suối

Tiền Đức (Việt Hải). Ở đây còn có Ao Ếch là một hồ thiên nhiên trên núi đá vôi nằm ngay trung tâm rừng nguyên sinh. Hồ có diện tích khoảng 3ha, l- ợng n- ớc quanh năm trên d- ới 35cm.

- Nguồn nước ngầm: Cát Bà có các nguồn n- ớc ngầm với trữ l- ợng khá lớn đ- ợc khai thác từ các giếng khoan Liên Xô, giếng khoan thị trấn Cát Bà. Theo kết quả điều tra sơ bộ của đoàn địa chất thuỷ văn 58 (1992), trữ l- ợng n- ớc ngầm trên đảo cho phép khai thác 103.862m³/ngày đêm (tính theo ph- ơng pháp cân bằng). Nh- vậy, nếu đáp ứng tốt hơn cho các trang thiết bị, mạng l- ới đ- ờng ống, máy bơm để khai thác, đảo Cát Bà sẽ luôn có đủ trữ l- ợng n- ớc lớn để cung cấp cho các ngành kinh tế, du lịch - dịch vụ, nghề cá, nông nghiệp cũng nh- sinh hoạt của ng- ời dân.

- Nguồn nước khoáng: Cát Bà có nguồn nước khoáng trữ lượng lớn như suối n- ớc khoáng Thuông Luông (xã Trân Châu), suối n- ớc khoáng nóng ở xã Xuân Đám chảy quanh năm với nhiệt độ n- ớc khoảng 38°C. Nguồn n- ớc khoáng ngầm quanh khu vực thị trấn Cát Bà có khả năng khai thác hàng triệu lít một năm. Chất l- ợng nguồn n- ớc khoáng ở đây đã đ- ợc Bộ y tế kiểm định và đánh giá cao, đ- ợc đ- a vào sử dụng làm nguồn n- ớc giải khát đồng thời cũng có tác dụng tốt trong việc phòng chống và chữa một số bệnh tuần hoàn, tiêu hoá, hô hấp cho con ng- ời.

d. Tài nguyên sinh vật

Thiên nhiên đã - u đãi cho KDTSQ Cát Bà một dạng địa hình độc đáo và cũng rất hài hoà mà hiếm nơi nào ở n- ớc ta có đ- ợc, vừa có rừng vừa có biển. Là một quần thể núi đá vôi đ- ợc phủ trên mình một thảm thực vật rừng đa dạng, phong phú, xung quanh là một vùng biển rộng lớn, Cát Bà còn l- u giữ trong mình nhiều loại động vật quý hiếm, có giá trị cao.

Theo kết quả nghiên cứu khoa học, cho đến nay tại KDTSQ Cát Bà đã thống kê đ- ợc 2.320 loài động vật và thực vật đang sinh sống, bao gồm:

Bảng 1 : Thống kê số loài động thực vật ở Cát Bà (đến năm 2008)

Tên loài	Số l- ợng(loài)
Thực vật trên cạn	741
Động vật sống trong rừng	282
Thực vật ngập mặn	23
Rong biển	75
Thực vật phù du	199
Động vật phù du	89
Động vật đáy	538
Cá biển	196
San hô	177

(Nguồn : Ban quản lý KDTSQ Cát Bà)

***Hệ thực vật**

Rất đa dạng với trên 20.000ha rừng, trong đó có 570ha rừng nguyên sinh. Theo điều tra, hiện nay, khu vực VQG Cát Bà có 745 loài thực vật bậc cao thuộc 495 chi và 149 họ với nhiều loài cây quý hiếm nh- kim giao, trai lý, lát hoa, đinh, chò, đỏi,...các cây d- ợc liệu quý (có khoảng 300 loài) nh- huyết giác, lá khôn, chân chim, bồ công anh, hoa kim ngân.

Kiểu rừng chính của KDTSQ Cát Bà là rừng m- a nhiệt đới th- ờng xanh ở đai thấp bao gồm phần chính của VQG Cát Bà. Ngoài ra, khu vực còn có một số kiểu rừng phụ khác nh- :

– Rừng ở các thung, áng và chân núi đá vôi: có ba tầng cây gỗ, độ tán che 0,6 – 0,8m và ít bị tác động.

+ Tầng 1 cao trên 20 m, gồm các loài cây: sấu, gôi nếp, phay, săng lẻ, lòng mang, re, cà lồ, lim xẹt...

+ Tầng 2 cao trên 12 m, gồm các loài cây: côm tầng, chẹo, ngát ,bứa...

+ Tầng 3 cao trên 8m, gồm các cây gỗ nhỏ của 2 tầng trên và các cây gỗ khác như trau lĩnh, trọng đũa...

– Rừng trên các sườn núi đá vôi: Loại rừng này ít bị tác động, độ tán che từ 0,4 – 0,6 m, tầng cây đơn giản hơn với hai tầng cây gỗ.

+ Tầng 1 cao từ 15 – 20 m, gồm các loài: dâu da xoan, màu cau đá, mọ, tr-ờng sáng, nhãn rừng, x-ơng cá. Nơi có tầng đất dày thì có cỏ Bắc Sơn cao 20 – 30 m.

+ Tầng 2 cao dưới 10 m, gồm các loài cây nhỏ của tầng trên và các cây như mạng tẹo, lèo heo...

– Rừng trên đỉnh và sống núi đá vôi: cây rừng ít, chủ yếu là những loại - a đá vôi, ít cây leo. Do th-ờng xuyên chịu ảnh h-ởng của gió mạnh nên các cây gỗ ở đây tầng tr-ờng chậm, th-ờng cao không quá 5m và chỉ có 1 – 2 tầng cây. Các loài chính là huyết giác, nhọ nôi, cỏ xẻ, chân chim núi, xen với các loại dây leo và cây bụi như dây móng bò, chiêm chiến, trúc đũa...

– Rừng kim giao: Kim giao là loại cây quý hiếm của hệ thực vật miền Bắc đ-ợc ghi trong sách đỏ Việt Nam. Rừng có diện tích khoảng 2ha tập trung ở khu vực Trung Trang, có giá trị cao trong việc bảo vệ nguồn gen, phục vụ công tác nghiên cứu khoa học và tham quan du lịch.

– Rừng ngập mặn: phân bố chủ yếu ở phía bắc đảo Cát Bà, trên địa bàn xã Phù Long (cách trung tâm VQG 20 – 25km) và khu vực Cái Viêng. Đây là các bãi sù vẹt tự nhiên với diện tích khoảng 1.175ha trong vùng thủy triều lên xuống. Các loài thực vật chủ yếu ở đây có đ-ợc, cỏ roi ngựa, bần, thau dầu, bàng... Đây còn là nơi sinh sống của nhiều loài động vật thủy sinh vùng biển cửa sông và chim di c- .

– Rừng ngập n-ớc ngọt trên núi: Phát triển ở khu Ao Ếch, nơi th-ờng xuyên bị ngập n-ớc với diện tích khoảng 3ha. Các nhà chuyên môn gọi đây là rừng đơn -u vì chỉ có một loài cây mọc -u thể trong toàn khu rừng. Loài thực vật đặc trưng là cây “và nước” thuộc họ liễu cao từ 8 - 15m đ-ờng kính từ 15 - 20cm, mỗi cây đều có hệ rễ thở rất độc đáo. Cảnh rừng ở đây có thể so sánh với rừng ngập n-ớc ngọt và loài -u thể là cây đại phong tử ở VQG Cát Tiên (Đồng Nai) hay những cánh rừng tràm U Minh ở đồng bằng sông Cửu Long.

Đây là một trong những kiểu rừng đặc sắc mà không nơi nào ở miền Bắc nước ta có được.

***Hệ động vật**

– Động vật trên cạn:

Theo kết quả điều tra nghiên cứu, KDTSQ Cát Bà có 32 loài thú, 69 loài chim, 20 loài bò sát và lưỡng cư trong đó các loài quý hiếm như hổ, khỉ vàng, khỉ mặt đỏ, khỉ đuôi lợn, voọc quần đùi, đặc biệt là voọc đầu trắng - một loài động vật quý hiếm trên thế giới hiện chỉ thấy duy nhất ở đảo Cát Bà.

Các loài chim đáng chú ý ở đảo là đa đa, chim cu xanh, chim cu gáy, la hội, cốc đế, cốc, sâm cầm. Ngoài ra còn có các loài chim đẹp, hót hay như bách thanh, khướu, sơn ca, cao cát...

– Động vật biển:

Theo đánh giá của các nhà khoa học, sinh vật biển đảo Cát Bà phong phú và đa dạng vào bậc nhất ở các vùng đảo miền Bắc nước ta. Đây là nơi lưu giữ và phát tán nhiều gen quý, có nhiều loài động vật có giá trị kinh tế cao. Tổng số loài cá phát hiện ở vùng biển đảo Cát Bà là 196 loài chủ yếu tập trung ở Cọc Chèo, Tùng Giỏ, Cát Dứa, Tùng Ngón, Vụng Vua, Ba Cát Dài, Tùng Mây, Áng Thảm... Trong số này có tới trên 30 loài cá kinh tế, trên 70 loài động vật đang hợp thành ngành nghề cá đáy hoặc cá nổi Cát Bà - Long Châu, có ý nghĩa về thành phẩm, xuất khẩu, du lịch hoặc phát triển nguồn lợi thủy hải sản. Đặc sản biển của Cát Bà có nhiều loại nổi tiếng như: tu hài, phi, sò huyết, ngao, cá mực, tôm hùm, cua biển, cá song, cá chim, cá thu...

Cho đến nay đã phát hiện được ở vùng biển Cát Bà 116 loài động vật phù du, 78 loài giáp xác, 168 loài thân mềm, 193 thuộc lớp san hô (chiếm hơn 50% tổng số loài san hô của Việt Nam), trong đó bộ san hô cứng (scleractinia) là 166 loài, thuộc 49 giống, 15 họ; 27 loài còn lại thuộc các bộ san hô bò (stolomfera), san hô mềm (alcyonaria), san hô rừng (gorgonacea). Hệ thống các rạn san hô tập trung chủ yếu tại vùng biển đông nam đảo Cát Bà, ở các đảo Áng Thảm, Cát Dứa, Mũi Hồng, Ba Trái Đào, cụm đảo Đầu Bê – Hang

Trai, Long Châu rất có giá trị cho bảo tồn và du lịch sinh thái của Hải Phòng và cũng là một trong những trung tâm phát tán nguồn gen vịnh Bắc Bộ.

*** Hệ sinh thái**

– HST rừng nhiệt đới: là hệ sinh thái mang đặc trưng nhiệt đới điển hình. Đây là nơi sinh trưởng và phát triển của 745 loài thực vật bậc cao, bao gồm 145 loài cây gỗ lớn, 120 loài cây gỗ nhỏ, 81 loài cây bụi, 50 loài nửa bụi và dây leo, 237 loài thân thảo đứng, 56 loài thân thảo leo, 56 loài quyết thực vật. Ở đây còn có 200 loài động vật trên cạn, trong đó có loài động vật quý hiếm – voọc đầu trắng.

– HST rừng ngập mặn: phát triển mạnh ở những khu vực vùng ven biển (nhiều nhất ở phù Long), được coi là một nguồn tài nguyên quý giá vùng ven biển nhiệt đới nói chung và vùng biển Cát Bà nói riêng. HST này mang lại nhiều lợi ích cho con người, giữ vai trò quan trọng trong việc cung cấp thức ăn, lưu trữ các ấu trùng, tôm, cá cho các khu vực nước không quá cao, ít sóng, ngập nước. Tại HST này hiện đã xác định được 30 loài thực vật ngập mặn, trong đó chiếm ưu thế là các cây họ đuối xanh, vẹt dài, trang, sú...

– HST vùng triều: bao gồm các bãi triều cát, bãi triều đá và bãi triều bùn. Trong khu vực KDTSQ có khoảng 40 bãi cát, phân bố chủ yếu ở đông nam đảo Cát Bà. Bãi triều bùn tập trung ở Gia Luận, Phù Long. Bãi triều đá chiếm phần lớn diện tích bãi triều xung quanh các đảo. Sinh vật chủ yếu gồm 2 nhóm động vật đáy và rong cỏ biển. Trong đó 532 loài động vật đáy của Cát Bà thì có tới 433 loài sống ở các bãi triều. Rong biển ở đây có 75 loài.

– HST tùng, áng: các tùng, áng nước (là dạng vực giống như các hồ kín nước hoặc gần kín) là một dạng sinh cảnh rất đặc sắc và phổ biến phân bố ở khu vực Cát Bà - Hạ Long. Theo số liệu đã thống kê được 62 áng ở khu vực này trong đó Cát Bà có 26 áng. Áng thông có diện tích không lớn. Nhỏ nhất là áng Trề Mòi 0,7ha, lớn nhất là áng Vẹm 28,8ha. Các áng này có nhiều hải sản quý hiếm và còn giữ được tính nguyên vẹn của cảnh quan. Người ta còn nuôi được ở đây các loài như vẹm xanh, sò huyết, sò lông, cá đối, sao biển và đặc biệt là đồi mồi.

– HST rạn san hô: có thành phần đa dạng và phong phú. Độ sâu phổ biến của các rạn từ 4 – 6 m, sâu nhất từ 14 – 18 m. Các rạn san hô vùng biển Cát Bà tuy không lớn và rộng bằng các rạn san hô biển phía nam nh- ng có nhiều kiểu tiêu biểu cho kiểu rạn ven bờ tây vịnh Bắc Bộ. Đây còn là nơi bảo vệ các cá thể non, ấu trùng của rất nhiều loài sinh vật biển khác. Vào những khi biển lặng, tại các vùng có rạn san hô có thể tổ chức du lịch sinh thái biển với những cuộc lặn biển cho du khách.

***Sự đa dạng sinh học**

KDTSQ quần đảo Cát Bà có nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú bao gồm cả các loài ở cạn cũng như các loài sinh vật biển. Theo kết quả điều tra, Cát Bà có 620 loài thực vật bậc cao phân bố thuộc 438 chi của 123 họ, điển hình là Chi đài (*Annamocarya sinensis*), Kim giao (*Najeia fleuryi*), Lát khối (*Ardisia*), Lát hoa (*Chukrasia tubularis*), Re hương (*Cinnamomum pathoroxylon*), Thỏ phục linh (*Smilax glabra*), Trúc đũa (*Sava japonica*), Sên mật (*Madluca pasquiern*).v.v..

Rong biển: 8 loài rong được đưa vào Sách đỏ để bảo vệ: Rong đai bò (*Codium repeus*), Rong ruột nhỏ (*Caulerpa racemrosa*), Rong đá cong (*Gelidella acerosa*), Rong mơ mềm (*Sargassum tenerrimum*), Rong chũn dẹp (*Gratelonpia livida*), Rong thun thút (*Catenela nipae*), Rong nhút (*Dermonema pulvinata*), Rong thuốc giun (*Caloglossa leprienrri*).

Động vật đáy: 7 loài bao gồm ốc đụn đực (*Trochus pyramis*), Ốc đụn cái (*Trochus niloticus*), Trai ngọc (*Pinctada margannitofera*), Bàn mai (*Pinna atropurpurea*), Con sút (*Anomalodiscus squamosa*), Vẹm xanh (*Mytillus smaragdinus*), Mực nang vân hổ (*Stepia tigris*).

Cát Bà có 32 loài thú, 69 loài chim và 20 loài bò sát, lưỡng cư. Nhiều loài quý hiếm như voọc đầu vàng, sơn dương, rái cỏ, báo, mèo rừng, cầy hương, sóc đen... Đặc biệt voọc đầu vàng (*Trachypithecus francoisi polycephalus*) là loài đặc hữu ở Cát Bà, nên nó được mang tên Voọc Cát Bà.

Nhiều loài chim quý cũng cư trú hoặc di cư đến đây như sâm cầm, khướu, chim cu xanh, cu gáy...

Cát Bà có nhiều loài động vật có tên trong sách đỏ Việt Nam và thế giới:

- Bậc E: Là những loài đứng trước nguy cơ bị tiêu diệt gồm Đồi mồi (*Eretmochelys imbricata*), Quản đồng (*Carreta olivacea*), Rùa da (*Dermochelys coreacea*), Ác là (*Pica pica sericea*), Qua khoang (*Corcus torquatus*), Voọc đầu trắng (*Presbytis francoisis delacauri*).

- Bậc V: Những loài có nguy cơ bị tổn thất gồm 13 loài: Kỳ đà nước (*Varanus salvator*), Trăn đất (*Python molurus*), Rắn hổ chúa (*Ophiophaus hannab*), Đền vảy bụng không đều (*Thalôphina viperina*), Vích (*Chelonia mydas*), Khi mặt đỏ (*Macaca aretoides*), Khi đuôi lợn (*Macaca nemestrina*), Sơn dương (*Capricornis sumatraesis*), Hươu sao (*Cervus nippon*), Hoẵng (*Muntiacus muntjak*), Tê tê vàng (*Manis pentadactyla*), Sóc bụng đỏ (*Calloscirus erythraeus castancoventris*).

- Bậc R: Loài có vùng phân bố hẹp số lượng ít gồm 4 loài: Cốc đế (*Phalacrocorax carbosinensis*), Cò thìa (*Platalea monor*), Yến núi (*Callocalia brevirostris innominata*), Mòng biển đen (*Larus saundersi*).

- Bậc T: Loài tương đối an toàn gồm 7 loài: Tắc kè (*Gecko gecko*), Rắn ráo thường (*Ptyas korros*), Rắn ráo nâu (*Ptyas mucosus*), Rắn cạp nong (*Bugarus fasciatus*), Rắn hổ mang (*Naja naja*), Le khoang cổ (*Nettapus coronmandelianus*), Rái cá thường.

Đánh giá về tài nguyên du lịch tự nhiên

Là một hòn đảo lớn nhất trong số 1969 hòn đảo của quần thể đảo vịnh Hạ Long, lại nằm cách trung tâm thành phố Hải Phòng, thủ đô Hà Nội cũng như các tỉnh lân cận không xa (khoảng 200 km), Cát Bà có vị trí khá thuận lợi trong việc phát triển các ngành kinh tế của địa phương trong đó có kinh tế du lịch. Địa hình đa dạng, nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú, cảnh quan thiên nhiên hùng vĩ, thơ mộng với bốn bề núi đá lô xô, trập trùng ẩn hiện trong màu xanh bạt ngàn của các cánh rừng nguyên sinh nhiệt đới trên đảo đá vôi,

các HST cùng các rạn san hô, thảm rong, cỏ biển, hệ thống hang động, tùng áng đặc thù đã tạo cho KDTSQTG Cát Bà một sức hấp dẫn đặc biệt. Đây là cơ sở để Cát Bà có thể phát triển nhiều loại hình du lịch nh- du lịch nghỉ d- ỡng, du lịch thể thao, du lịch sinh thái, du lịch tham quan thắng cảnh...

Khí hậu Cát Bà khá ôn hoà, vừa mang tính chất nhiệt đới gió mùa vừa chịu ảnh h- ưởng của gió mùa đại d- ơng nên ít khắc nghiệt và rất thuận lợi cho hoạt động du lịch.

Bảng 2 : Chỉ tiêu khí hậu sinh học đối với con ng- ời

Hạng	Ý nghĩa	Nhiệt độ trung bình năm (°C)	Nhiệt độ trung bình tháng nóng nhất (°C)	Biên độ năm của nhiệt độ trung bình (°C)	L- ượng m- a năm (mm)
1	Thích nghi	18-24	24-27	<6	1250-1900
2	Khá thích nghi	24-27	27-29	6-8	1900-2550
3	Nóng	27-29	29-32	8-24	>2550
4	Rất nóng	29-32	32-35	14-19	<1250
5	Không thích nghi	>32	>35	>19	<650

(Nguồn: Báo cáo tóm tắt Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam thời kỳ 1995 – 2010)

So sánh với bảng chỉ tiêu trên ta thấy nhiệt độ trung bình cũng nh- l- ượng m- a năm của Cát Bà đều thuộc mức thứ nhất (hạng 1) nghĩa là rất thích hợp cho các hoạt động du lịch. Nhiệt độ trung bình tháng nóng nhất của Cát Bà (28 - 29°C) cũng nằm trong giới hạn khá thích nghi với cơ thể con ng- ời.

Theo nghiên cứu, nhiệt độ n- ớc biển điều hoà, thích hợp nhất đối với khách du lịch tắm biển là từ 20 – 25 °C. Nh- vậy có thể thấy, điều kiện khí hậu Cát Bà là khá lý t- ưởng đối với hoạt động du lịch tắm biển của du khách.

Tuy nhiên, bên cạnh những yếu tố thuận lợi, một đặc điểm thời tiết có thể gây ra những ảnh hưởng và hạn chế cho hoạt động du lịch Cát Bà là các cơn giông, bão thường xảy ra vào mùa du lịch (tháng 6 – 10).

Nguồn nước ngọt trên đảo khá dồi dào, đủ khả năng cung cấp cho nhu cầu nước sinh hoạt của người dân, khách du lịch cũng như các hoạt động kinh tế khác. Nguồn nước khoáng và nguồn nước nóng có thể coi là một đặc ân của thiên nhiên đã ban tặng cho KDSQ Cát Bà, cần được khai thác tốt phục vụ cho các hoạt động du lịch.

Các HST và hệ động thực vật ở Cát Bà hết sức phong phú, đa dạng trong đó có nhiều loài đặc hữu quý hiếm, điển hình nhất là vọc đầu trắng và các loài thực vật như kim giao, cây “vàng nước” và những loài chỉ thấy xuất hiện ở Cát Bà. So với các VQG và các khu bảo tồn thiên nhiên khác ở nước ta, đây thực sự là một lợi thế lớn mà thiên nhiên đã trao tặng cho Cát Bà, có giá trị về bảo tồn nguồn gen cũng như rất có ý nghĩa đối với hoạt động du lịch, có khả năng thu hút một lượng lớn khách du lịch đến tham quan và tìm hiểu.

Tóm lại, sự phong phú về chủng loại và phân bố một cách khá tập trung của các nguồn tài nguyên du lịch tự nhiên là một lợi thế nổi bật của Cát Bà so với các vùng du lịch khác trên trong cả nước. Đây thực sự là một điểm dừng chân lý tưởng cho khách du lịch trong nước và bạn bè quốc tế.

2.1.3.KDSQTG Cát Bà - những giá trị có tầm quan trọng quốc tế

- Thứ nhất, KDSQ quần đảo Cát Bà là lá phổi xanh của thành phố Hải Phòng và khu vực kinh tế trọng điểm phía Bắc (Hải Phòng – Quảng Ninh - Hà Nội).

- Với sự phong phú và đa dạng các loài sinh vật, KDSQ Cát Bà có đóng góp lớn trong việc tham gia vào chu trình cacbon, giảm thiểu khí nhà kính và ô nhiễm không khí.

- Đây là nơi lưu giữ các nguồn đa dạng sinh học bao gồm các loài sinh vật quý hiếm, các sinh cảnh đa dạng trên cạn và dưới biển.

- Phần biển của KDSQ là bãi đẻ, nơi nuôi dưỡng ấu trùng và con non của các loài thủy hải sản trước khi ra biển sinh sống.

- KDTSQTG Cát Bà cũng là nơi con người tiến hành các hoạt động kinh tế, văn hóa, xã hội cũng như các hoạt động giải trí, du lịch gắn gũi với thiên nhiên, thân thiện môi trường.

- Hơn nữa, đây còn là nơi giáo dục truyền thống cách mạng, lòng yêu nước, yêu thiên nhiên, đạo đức môi trường, là phòng thí nghiệm sống cho nghiên cứu khoa học và phát minh của thế hệ trẻ.

2.1.4. Các hoạt động du lịch có thể tổ chức tại KDTSQTG Cát Bà

Khi Cát Bà đã được UNESCO công nhận là KDTSQTG thì nhiệm vụ được đặt lên hàng đầu cho chính quyền và người dân nơi đây là việc bảo vệ môi trường, bảo vệ các HST cùng với sự đa dạng sinh học của nó. Tất cả các hoạt động trong KDTSQ phải đảm bảo tuân thủ đúng các tiêu chí về môi trường, trong đó bảo vệ vùng lõi được quan tâm đặc biệt. Thực tế cho thấy có hai lĩnh vực kinh tế có tiềm năng lớn tại KDTSQTG Cát Bà là phát triển thủy sản và du lịch trong đó việc phát triển các hoạt động du lịch mang ý nghĩa xã hội cao, tác động và ảnh hưởng trực tiếp tới KDTSQ.

Các hoạt động du lịch tại KDTSQ Cát Bà:

- Nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí, hoạt động thể thao dã ngoại ở các khu đệm.

- Tổ chức du lịch sinh thái thăm quan các khu rừng nguyên sinh, các loài quý hiếm, các cảnh đặc sắc tại trung tâm VQG Cát Bà.

- Tổ chức các loại hình du lịch khoa học chuyên đề như rừng nguyên sinh, các hang động núi đá vôi (karst), các HST nhiệt đới tiêu biểu.

- Du lịch thám hiểm các hang động, leo núi, chèo thuyền kayak...

- Thăm các cảnh quan đặc thù, các tùng, áng...

- Du lịch ngắm và quay phim chụp ảnh dưới nước.

- Tắm biển ở các bãi cát nhỏ, đẹp.

- Tổ chức dịch vụ khoa học, kỹ thuật như: quay phim, chụp ảnh các loài chim, thú, cây, con quý hiếm, các sinh cảnh đặc sắc.v.v...

- Thăm quan, trao đổi kinh nghiệm nuôi trồng thủy sản về quy mô và vị trí phù hợp vừa tạo nguồn thực phẩm thủy hải sản tại chỗ vừa xuất khẩu trong vùng chuyên tiếp.

2.2. ĐIỀU KIỆN KINH TẾ – XÃ HỘI VÀ TÀI NGUYÊN DU LỊCH NHÂN VĂN TẠI KDSQTG CÁT BÀ

2.2.1. Cơ sở hạ tầng

a. Mạng lưới giao thông

Cát Bà là một trong những khu du lịch trọng điểm của miền Bắc và cả nước về sinh thái rừng và biển, nằm trong tổng thể quy hoạch phát triển du lịch của thành phố và gắn với du lịch Hạ Long – Quảng Ninh. Để ngành du lịch Cát Bà thực sự là ngành kinh tế chủ yếu, quan trọng và phát triển du lịch KDSQTG Cát Bà tương xứng với tiềm năng, Thành phố và huyện đảo đã không ngừng đầu tư, nâng cao mạng lưới giao thông vận tải cả đường bộ và đường thủy tạo điều kiện thuận lợi cho sự đi lại giữa Cát Bà và Thành phố dễ dàng và nhanh chóng hơn. Các phương tiện vận chuyển khách du lịch ở Cát Bà chủ yếu là xe ô tô và tàu thuyền du lịch.

**Hệ thống giao thông đường bộ*

Tháng 5 – 2002, tuyến đường xuyên đảo Hải Phòng – Cát Hải – Cát Bà đã hoàn thành và đưa vào sử dụng. Đây là tuyến đường chủ đạo tạo điều kiện thuận lợi cho sự đi lại của du khách bằng phương tiện ô tô, xe máy nhất là những ngày có thời tiết xấu, sóng to gió lớn.

Từ năm 2005 đến nay, nhiều tuyến đường du lịch quanh đảo đã được mở phục vụ du khách đi lại tạo cảm giác thoải mái đó là những đường Cát Bà – Bến Bèo qua đường núi xẻ; nâng cấp đường trục thị trấn Cát Bà thành 2 làn đường xe chạy, có lề đường và vỉa hè vì đây là tuyến đường đi ra các bãi tắm Cát Cò mà cư dân trên đảo cũng như khách du lịch từ nhiều nơi đến thường đi bộ dạo mát vào những buổi chiều, tối; đường ra các bãi tắm được nối liền quanh co tạo vẻ hấp dẫn mát mẻ cho khách, từ bãi tắm Cát Cò I sang bãi tắm Cát Cò II bằng cầu Cát Tiên 1, từ bãi tắm Cát Cò I sang bãi tắm Cát Đá Bằng (Cát Cò III) bằng cầu Cát Tiên 2.

Việc mở rộng đường và khuôn viên khu cảng cá (từ chợ Cát Bà - Chùa Đông) tạo ra khung cảnh thoáng mát, thoải mái cho khách du lịch.

Thêm vào đó, một việc làm có ý nghĩa tích cực khác nâng cao cơ sở hạ tầng là: thông xe kỹ thuật đường Hiền Hào – VQG Cát Bà với chiều dài hơn 4km, nền đường rộng 7,5m, mặt đường rộng 5,5m, kết cấu đường là nhựa thấm nhập 5,5kg/m³. Tổng giá trị đầu tư cho dự án là 15,5 tỷ.

Từ năm 2008, huyện Cát Hải quy định 3 tuyến phố đi bộ tại khu trung tâm du lịch Cát Bà. Tuyến 1: đường Núi Ngọc (đoạn từ khách sạn Sun & Sea đến nơi giao cắt với đường 1- 4). Tuyến 2: đường Núi Ngọc (đoạn từ Nhà khách UBND huyện đến nơi giao cắt với đường 1 – 4). Tuyến 3: đường 1 – 4 (đoạn đường đôi từ cổng cảng cá Cát Bà đến Cát Cò 1 và Cát Cò 2). Quy định đi bộ áp dụng từ 20 đến 23h hàng ngày. Xuất phát từ thực tế lượng khách đông, nhất là vào buổi tối các ngày nghỉ cuối tuần trong dịp hè, việc mở tuyến phố đi bộ bảo đảm an toàn giao thông cho du khách, đồng thời tạo nét mới cho du lịch Cát Bà.

Năm 2009, để chuẩn bị cho lễ hội kỷ niệm 50 năm ngày Bác Hồ về thăm Làng Cá, phòng Công thương phối hợp với công ty quản lý công trình công cộng và dịch vụ đô thị san lấp mặt bằng một số thửa đất để làm bãi đỗ xe tạm thời, mở rộng nút giao thông ngã ba cảng cá Cát Bà, sửa chữa các đoạn vỉa hè, đường giao thông bị xuống cấp...

Hè năm 2009, Công ty TNHH Thương mại Quốc Hạng vừa chạy thử nghiệm tuyến xe buýt du lịch (xe điện) tại khu du lịch Cát Bà cho đến tháng 9.

Công ty mua mới 10 chiếc xe với tổng trị giá trên 3 tỷ đồng. Mỗi xe có sức chở tối đa là 10 người. Tuyến xe buýt này hoạt động trong khu trung tâm du lịch với tần suất từ 5 đến 10 phút/chuyến. Với việc mở tuyến xe buýt du lịch sẽ tạo ra sự thuận tiện cho người dân và khách du lịch khi có nhu cầu đi lại, thăm quan, mua sắm hoặc đến các bãi tắm. Không chỉ là sự thuận tiện trong đi lại, những chiếc xe điện nhỏ nhắn sẽ góp phần làm giảm tai nạn giao thông khi giúp người dân hạn chế việc sử dụng phương tiện cá nhân như xe

máy, vừa tạo ra sự văn minh, hiện đại cho khu du lịch, đồng thời góp phần vào việc giữ gìn môi trường của KDTSQTG Cát Bà.

**Hệ thống giao thông đường thủy*

Giao thông đường thủy được phát triển đồng bộ để phục vụ cho việc phát triển kinh tế đặc biệt là du lịch của huyện đảo cũng như KDTSQ.

Tuyến đường xuyên đảo Hải Phòng Cát Bà được chính thức đưa vào sử dụng năm 2002. Tuyến đường này qua 2 phà Đình Vũ và Bến Gót. Đây là tuyến đường xuyên đảo đầu tiên của Việt Nam. Bên cạnh đó, du khách có thể lựa chọn các công ty vận tải để đến với Cát Bà.

1, Xe kết hợp với tàu cao tốc

1.1.Công ty TNHH vận tải Hoàng Long

Địa chỉ:số 4 Lê Thánh Tông, Hải Phòng;đường 1/4 thị trấn Cát Bà

1.2.Công ty TNHH vận tải du lịch Cát Bà

Địa chỉ: đường 1/4, thị trấn Cát Bà

2, Tàu

2.1. HTX vận tải Thống Nhất (tàu Thống Nhất)

Địa chỉ: số 1C đường Bến Bính, Hải Phòng

2.2. Công ty cổ phần vận tải và du lịch Hải Phòng (tàu Mekong Hoàng Yến và Hoàng Yến – Tân Hải)

Địa chỉ: số 1 đường Bến Bính, Hải Phòng

2.3 Công ty công nghiệp tàu thủy và xây dựng Hồng Bàng tàu Visdemco)

Địa chỉ: số 6, đường Bến Bính, Hải Phòng; đường 1/4 ,thị trấn cát Bà.

Ngày 31/3/2009, khánh thành bến phà Gia Luận – Tuần Châu, Quảng Ninh hoàn thành đưa vào sử dụng phục vụ du lịch cho khu vực.

Để tạo thuận lợi cho du khách đến Cát Bà, hệ thống giao thông đã được cải thiện đáng kể trong năm qua. Bên cạnh mở mới các điểm xuất phát, Cát Bà còn mới khai trương tuyến tàu cao tốc Đồ Sơn – Hòn Dấu – Cát Bà. Cũng năm 2009, công ty TNHH vận tải du lịch Cát Bà vừa mở thêm tuyến vận tải thủy mới, đưa khách từ Cát Bà - Gia Luận đi Hòn Gai – Quảng Ninh thăm vịnh Hạ

Long và ngược lại. Để đáp ứng nhu cầu mỗi ngày có hàng trăm lượt khách tham gia tuyến vận tải mới, công ty thường xuyên tăng lên từ 3 đến 5 chuyến. Cùng với một số đơn vị tham gia vận tải thủy, tuyến từ nội thành Hải Phòng ra đảo Cát Bà bằng tàu thủy, tàu cao tốc của các hãng vận tải Hoàng Yến, Hoàng Long, Thống Nhất, mở tuyến vận tải thủy mới đi Hạ Long góp phần phát triển hợp tác, liên kết hiệu quả hơn cho tuyến du lịch trọng điểm Cát Bà - Hạ Long.

Hiện nay đội tàu du lịch vận chuyển khách tham quan trên vịnh có tổng số 58 chiếc, tàu vận chuyển khách tuyến Hải Phòng – Cát Bà là 16 chiếc. Nhờ sự nâng cấp thêm mới về tàu thuyền mà lượng khách du lịch đến Cát Bà ngày càng tăng như: tàu khách tham quan ở Quảng Ninh chuyển khách tham quan Cát Bà cập tại Bến Bèo năm 2008 là 2.598 lượt khách, Gia Luận là 1.569 lượt khách. Đội xe ô tô du lịch có 35 chiếc, hàng trăm xe gắn máy phục vụ khách. Ngành giao thông vận chuyển hành khách đã có nhiều cố gắng trong việc đầu tư, mua sắm phương tiện và nâng cao chất lượng phục vụ, rút ngắn thời gian đi lại của du khách.

Đặc biệt sân bay Cát Bi mở đường bay thẳng Hồng Kông (Ma Cao) – Hải Phòng năm 2006 đã thu hút một lượng lớn khách du lịch khu vực này tới Cát Bà trong mỗi mùa du lịch.

Theo kế hoạch, thành phố Hải Phòng sẽ xây dựng một cây cầu nối từ cảng Đình Vũ đến huyện Cát Hải. Chiếc cầu này sẽ được nối với con đường cao tốc 5B (đường cao tốc Hà Nội – Hải Phòng) thứ 2 nối từ cầu Thanh Trì, Hà Nội. Vì thế, thời gian đi từ Hà Nội đến Cát Bà sẽ được rút ngắn lại, chỉ mất khoảng chừng chưa tới 3h đồng hồ.

Tuy nhiên việc sắp xếp giờ tàu khởi hành tại các bến tàu Hải Phòng chưa phù hợp với điều kiện nghỉ và trả phòng của khách. Giá vé tàu không thống nhất, các phương tiện vận chuyển khách từ Hải Phòng – Cát Bà và ngược lại quá cũ. Phà chở khách tuyến Đình Vũ – Ninh Tiếp hoạt động chưa tích cực, tinh thần phục vụ chưa cao, thời gian chạy quá chậm, chưa kịp thời thường xuyên, do vậy tạo cho khách có cảm giác khó chịu khi phải chờ đợi

lâu. Ch- a làm tốt công tác an toàn giao thông, nhất là các ph- ơng tiện thủy th- ờng chở khách quá số l- ợng đăng kiểm (nhất là những ngày cao điểm ở mùa hè). Đội ngũ phục vụ còn hạn chế về nghiệp vụ du lịch và ngoại ngữ.

b. Mạng l- ới điện

Đầu năm 1998, đ- ờng dây điện 35 KV đã xây dựng xong và đ- a điện l- ới quốc gia đến đảo Cát Hải, thị trấn Cát Bà và trung tâm VQG . Cho đến nay, mạng l- ới điện cũng đã đ- ợc mở rộng, cấp điện cho các xã, đảm bảo cung cấp điện cho toàn khu.

Mạng l- ới điện quốc gia đã góp phần tích cực vào việc thúc đẩy các ngành kinh tế phát triển, đồng thời cũng tạo b- ớc ngoặt mới trong ngành du lịch huyện đảo. Tuy nhiên, hệ thống đ- ờng điện th- ờng xuyên bị quá tải nhất là trong những dịp lễ hội, tháng du lịch mùa hè. Vì vậy, huyện đảo Cát Bà đã có dự án nâng cấp hệ thống đ- ờng dây tải điện từ 35KV lên 110 KV, hoàn chỉnh l- ới điện hạ thế đến các xã và điểm dân c- để đáp ứng nhu cầu sử dụng điện của ng- ời dân cũng nh- phục vụ các hoạt động du lịch.

Ngày 21/3/2009 Công ty TNHH MTV điện lực Hải Phòng đã khởi công xây dựng trạm biến áp trung gian Cát Bà 1.000kVA – 35/10 kV, tuyến áp 10kV và trạm biến áp phân phối 250 – 10/0,4 kV cấp điện cho xã Việt Hải – xã cuối cùng của thành phố Hải Phòng ch- a có điện l- ới quốc gia.

c. Hệ thống cung cấp n- ớc

Nguồn n- ớc cung cấp cho sinh hoạt tại thị trấn Cát Bà là nguồn n- ớc ngầm từ các giếng khoan và các nguồn n- ớc lộ thiên (hang Thuồng Luồng, suối Xuân Đám, suối Hiền Hào và suối Khe Sâu...). Nhưng nếu chỉ với nguồn n- ớc này thì ch- a đáp ứng đủ nhu cầu lâu dài của nhân dân trên đảo và phục vụ du lịch. Vì thế, Cát Bà đã đ- a ra nhiều dự án nh- : đ- a n- ớc ngọt từ Yên H- ng (Quảng Ninh) về Cát Hải; nhà máy cấp n- ớc ngọt cho thị trấn Cát Bà và xã Gia Luận, Xuân Đám với công suất 5.000m³/ngày đêm. Dự án cấp n- ớc sạch tại Cát Bà nguồn đầu t- từ ngân sách đã hoàn thành năm 2008.

2.2.2. Cơ sở vật chất kỹ thuật

Cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch giữ vai trò rất quan trọng trong quá trình phát triển của ngành, bao gồm hệ thống các cơ sở l- u trú, ăn uống, các cơ sở vui chơi giải trí, thể thao, các ph- ong tiện vận chuyển và các cơ sở dịch vụ du lịch khác.

a. Cơ sở l- u trú

Cùng với nghề truyền thống đánh bắt cá của ng- ời dân KDTSQTG Cát Bà thì du lịch cũng là một trong những thế mạnh của nơi đây. Đảng bộ, chính quyền huyện Cát Hải đã xác định du lịch là ngành kinh tế chủ yếu, quan trọng và quyết tâm xây dựng Cát Bà trở thành trung tâm du lịch lớn của miền Bắc và cả n- ớc, do đó ngành du lịch của huyện đã có b- ớc phát triển v- ợt bậc. Cùng với sự đầu t- của Nhà n- ớc, các thành phần kinh tế khác cũng đầu t- xây dựng khách sạn, nhà hàng, các cơ sở dịch vụ vui chơi giải trí, ph- ong tiện vận tải... Nhờ đó, cơ sở dịch vụ du lịch của KDTSQ đặc biệt là khách sạn, nhà nghỉ đã có sự thay đổi. Tuy nhiên chủ yếu là đầu t- do tự phát nên các cơ sở còn thiếu đồng bộ, thừa các nhà nghỉ nhỏ, thiếu các khách sạn lớn công nghệ hiện đại.

Cơ sở hạ tầng VQG đã đ- ợc nâng cấp. Du khách có thể nghỉ lại trong v- ườn hoặc ngoài thị trấn với đầy đủ khách sạn, nhà nghỉ.

Bảng 3: Thực trạng về cơ sở l- u trú du lịch

STT	Các chỉ tiêu	Năm 2008
1	Tổng số khách sạn nhà nghỉ	107
1.1	Khách sạn 4 sao	02
1.2	Khách sạn 3 sao (theo thiết kế)	03
1.3	Khách sạn 2 sao	08
1.4	Khách sạn 1 sao	13
2	Tổng số phòng nghỉ	1.996
3	Tổng số gi- ờng nghỉ	3.765

(Nguồn: Số liệu thống kê huyện Cát Hải)

Mấy năm gần đây đ- ợc sự quan tâm của thành phố, một số khách sạn lớn đ- ợc xây dựng đạt tiêu chuẩn khách sạn hiện đại. Tính đến ngày 31/12/2008 toàn đảo có 107 cơ sở l- u trú trong đó có 2 resort 4 SAO với 226 buồng, 3 khách sạn 3 sao với 268 buồng; 8 khách sạn 2 sao với 309 buồng; 13 khách sạn 1 sao với 318 buồng đã đ- ợc chính thức xếp hạng, số còn lại là các nhà nghỉ và khách sạn ch- a xếp hạng. Một số khách sạn tiêu biểu nh- : Holiday view của Vinaconex, Sunrise resort của công ty TNHH Tr- ờng Bình Minh có nhiều dịch vụ bổ sung. Mặc dù các cơ sở l- u trú thuộc KDTSQ Cát Bà đủ tiêu chuẩn đón khách, nh- ng số l- ợng khách sạn, phòng đạt tiêu chuẩn quốc tế còn hạn chế. Theo nh- báo cáo của Phòng du lịch huyện Cát Hải thì số l- ợng khách sạn tăng vừa đủ cho khách đến thăm KDTSQ Cát Bà. Tuy nhiên, những ngày cao điểm số l- ợng phòng vẫn không đáp ứng đủ nhu cầu phòng nghỉ của khách đến Cát Bà (Nguồn: UBND huyện Cát Hải).

Phần lớn các khách sạn, nhà nghỉ chú trọng việc bổ sung trang thiết bị, nâng cấp cơ sở l- u trú nhằm tăng chất l- ợng phòng và qua đó tăng sức cạnh tranh. Tuy nhiên còn có một số nhà nghỉ, nhà dân kinh doanh dịch vụ l- u trú còn thiếu về trang thiết bị, yếu kém về chất l- ợng phục vụ làm ảnh h- ưởng tới uy tín của khu du lịch. Đặc biệt phần lớn các cơ sở l- u trú ch- a có đầu t- thoả đáng cho hệ thống thu gom, xử lý chất thải. Phần lớn n- ớc thải đ- ợc thải trực tiếp ra tự nhiên hoặc chỉ qua bể tự thấm. Đây là tác động đáng kể của hoạt động du lịch đến môi tr- ờng Cát Bà.

b.Cơ sở ăn uống

Bên cạnh dịch vụ l- u trú thì dịch vụ ăn uống cũng là một yếu tố hình thành nên việc hấp dẫn khách đến với KDTSQ Cát Bà. Các cơ sở phục vụ ăn uống rất đa dạng, hầu hết các khách sạn, nhà nghỉ đều có cơ sở phục vụ ăn uống, các nhà hàng, quán ăn...đã có thể đáp ứng những nhu cầu của khách du lịch, tuy nhiên diện tích nhỏ hẹp và không có phòng phục vụ riêng theo yêu cầu của du khách. Ngoài dịch vụ ăn uống trong các khách sạn ở Cát Bà còn có 37 nhà hàng luôn sẵn sàng phục vụ khách du lịch và nhân dân địa ph- ơng với các món ăn đặc sản nh- tôm hùm, cua, ghẹ, tu hài, mực...và đặc sản rừng như

thỏ, dê... Hệ thống các cơ sở ăn uống tập trung dọc thị trấn. Hiện nay ngoài số khách sạn, nhà hàng có dịch vụ ăn uống thì có một số dịch vụ bè nổi ở tr-ớc cửa vịnh, khu vực Bến Bèo (8 nhà hàng nổi) và dịch vụ ăn uống ngay trên các tàu tham quan vịnh. Những năm gần đây, Cát Bà có một số nhà hàng chuyên phục vụ khách n-ớc ngoài với các món ăn truyền thống Việt Nam, món ăn Âu, đã đáp ứng phần nào nhu cầu của khách. Các dịch vụ này cũng đ-ợc du khách yêu thích, dịch vụ ngày càng đ-ợc đầu t- kháng trang, hiện đại. Chất l-ợng phục vụ ngày một tiến bộ đã dần đáp ứng đ-ợc nhu cầu đa dạng của khách du lịch. Tuy nhiên dịch vụ ăn uống cũng ch- a có đ-ợc những biện pháp hữu hiệu để hạn chế tác động đặc biệt là chất thải đối với môi tr-ờng, một số cơ sở vẫn còn làm ăn thiếu chất l-ợng không lấy đ-ợc cảm tình của khách.

c. Ph- ơng tiện vận chuyển

Ph- ơng tiện vận chuyển của Cát Bà khá đa dạng. Đ- ờng bộ có ô tô, xe máy. Đ- ờng biển có tàu cao tốc, tàu cánh ngầm, tàu th- ờng. L- ợng khách từ 100 – 300 khách với thời gian chỉ khoảng 45 phút – 1 giờ. Ngoài ra còn có nhiều tàu gỗ chở khách đi tham quan du lịch. Chất l- ợng của các tàu chở khách tr- ớc đây còn kém, tiếng nổ lớn nh- ng đến nay đã có 35 ô tô chuyên dùng, 48 tàu du lịch trang bị hiện đại hơn rất nhiều nhằm tạo sự lựa chọn phong phú hơn cho khách. Tuy nhiên đội ngũ nghiệp vụ còn kém nhất là vấn đề ngoại ngữ dùng trong giao tiếp.

d. Cơ sở vui chơi giải trí

Năm 2006 Khu công viên áng Ông Nùng đ- ợc đ- a vào hoạt động, hoàn thành xây dựng đài phun n- ớc nhạc màu tại khu công viên cảnh du lịch. Ngày càng có nhiều cơ sở vui chơi giải trí hoạt động thu hút nhiều du khách.

Dịch vụ bổ sung là yếu tố quan trọng để khách du lịch l- u lại dài ngày và chi tiêu nhiều hơn cho điểm du lịch. Các dịch vụ bổ sung trong khách sạn như giặt là, tắm hơi, xoa bóp... ngoài đường phố có sàn nhảy, phòng karaoke. Cát Bà island resort and spa là một địa chỉ nghỉ d- ỡng kết hợp vui chơi giải trí hiện đại. Mặc dù Cát Bà có điều kiện phát triển ch- ơng trình du lịch nh- : thể

thao trượt ván, lặn biển, leo núi...nhưng trên thực tế chưa có cơ sở nào đầu tư xây dựng tâm cỡ. Đây là một thiệt thòi lớn.

Tháng 2/ 2009, UBND thành phố Hải Phòng phê duyệt dự án đầu tư xây dựng sân golf 18 lỗ tại xã Xuân Đám. Hiện tại nhà đầu tư đang đẩy nhanh tiến độ thi công. Sau khi sân golf này khánh thành, nó sẽ làm thay đổi thêm diện mạo du lịch nơi đây.

e.Thông tin liên lạc

Cùng với sự phát triển về kinh tế, mạng lưới thông tin liên lạc ở Cát Bà ngày càng hiện đại hoá đáp ứng nhu cầu thông tin liên lạc của khu vực huyện đảo rất có tiềm năng du lịch đang trên đà phát triển mạnh mẽ. Hiện nay mạng lưới thông tin liên lạc của huyện nằm trong khu vực đã được phủ sóng toàn quốc cũng như quốc tế. Mạng lưới đường dây thông tin liên lạc được trang bị tốt, số lượng sử dụng điện thoại ngày một tăng, có khoảng 68 máy điện thoại/100 hộ dân.

Ở nhiều nơi wifi chẳng có gì là mới. Nhưng khi wifi được phủ sóng miễn phí tại trung tâm khu du lịch Cát Bà (mùa du lịch năm 2009), thì đó là cơ hội để du lịch đặt thêm dấu ấn.

g.Mạng lưới các cửa hàng kinh doanh dịch vụ khác

Song song với sự gia tăng các khách sạn, nhà nghỉ, nhà hàng trên huyện đảo Cát Bà là mạng lưới các cửa hàng kinh doanh phục vụ du lịch khác cũng tăng theo như các cửa hàng cho thuê đồ nghề, phòng tiện đi lại, đồ tắm, các cửa hàng bán đồ lưu niệm dọc đường khu công viên, các hiệu chụp ảnh...Ngoài ra trên đảo còn có một khu chợ có diện tích 3.100m². Đây là nơi thông thương buôn bán của dân cư và khách du lịch khi muốn tham quan, mua sắm.

2.2.3. Kinh tế Cát Bà

Huyện đảo Cát Bà được xác lập trên cơ sở sát nhập hai huyện Cát Hải và Cát Bà, lấy thị trấn Cát Bà làm trung tâm. Huyện Cát Hải có diện tích khoảng 350 km², dân số 27,3 nghìn người, là huyện đảo có vị trí tiên tiêu về phía biển không chỉ của thành phố Hải Phòng mà cả của đồng bằng Bắc bộ, là khu vực có nguồn kinh tế biển phong phú, là trung tâm dịch vụ nghề cá lớn

của vịnh Bắc bộ. Cát Hải nằm sát 2 ng- tr- ờng lớn (Long Châu và Bạch Long Vĩ), trữ l- ợng hải sản lớn có thể cho đánh bắt hàng chục ngàn tấn/năm. Cát Bà lại có nhiều vụng nhỏ, kín gió rất thuận tiện cho tàu thuyền trú ngụ khi thời tiết bất th- ờng. Từ lâu nhân dân các miền đã chọn Cát Bà là nơi hội tụ của nghề cá vùng Duyên Hải Bắc bộ. Cát Hải thu hút khoảng 5.000 đến 6.000 ng- ời từ các tỉnh ven biển đến lao động khai thác thủy sản tại địa ph- ơng (chủ yếu tập trung tại thị trấn Cát Bà). Cát Hải có nhiều bãi triều thoải, dài nhiều vụng kín gió, với khoảng 10.000 ha có thể khoanh vùng nuôi trồng thủy sản tạo ra những sản phẩm có giá trị kinh tế cao.

Phần lớn những ng- ời dân ở đây sống bằng nghề nông, nghề nuôi trồng và đánh bắt thủy hải sản. Nghề muối là nghề cổ truyền từ ngàn đời nay ở đảo Cát Hải. Đặc biệt ng- ời dân ở đây có nghề làm n- ớc mắm nổi tiếng thơm ngon và giàu chất đạm đ- ợc du khách trong và ngoài n- ớc - a thích.

2.2.4. Chính sách kinh tế và lao động

a. Chính sách phát triển kinh tế và du lịch

**. Các hoạt động đầu t- và khai thác du lịch.*

Hoạt động đầu t- và khai thác du lịch:

– Đầu t- cơ sở hạ tầng bằng vốn ngân sách Trung - ơng: Chủ đầu t- là Sở du lịch thành phố Hải Phòng. Các dự án đã đ- ợc hoàn thành năm 2005 là xây dựng tuyến đ- ờng du lịch Gia Luận – VQG – thị trấn Cát Bà. Xây dựng khu xử lý n- ớc thải và nạo vét vịnh Tùng Dinh. Dự án hoàn thành năm 2006 là xây dựng hệ thống cấp n- ớc sạch Cát Bà.

Các dự án đã đ- a vào hoạt động gồm: Khu vui chơi giải trí, nhà nghỉ Cát Cò 3 do công ty TNHH Tr- ờng Bình Minh làm chủ đầu t- , khách sạn Holiday View, dự án công viên n- ớc Cát Bà,

Các dự án đang xây dựng gồm dự án Khu đô thị Cái Giá với tổng diện tích hơn 171 ha, tổng vốn đầu t- dự kiến 600 triệu USD, thời gian 8 - 10 năm. Dự án làng du lịch áng Khe Tùng.

Các dự án ch- a triển khai: Khách sạn Hùng Long, khu du lịch sinh thái Gia Luận, khu du lịch sinh thái và nuôi trồng thủy sản do công ty cổ phần Ánh Dương làm chủ đầu tư .

Các dự án đang kêu gọi đầu tư :

+ Cầu hoặc đường ngầm Đình Vũ – Cát Hải – Cát Bà

+ Bảo tồn và nâng cấp KDTSQ Cát Bà (vốn đầu tư 15.000.000 USD nhằm đầu tư phát triển KDTSQ quần đảo Cát Bà phát triển du lịch sinh thái kết hợp với bảo tồn KDTSQ)

+ Công viên và bảo tàng nước Cát Bà

+ Tổ hợp du lịch vùng Lan Hạ (40.000.000 USD)

+ Dự án kinh doanh vận tải khách du lịch tuyến Gia Luận (Cát Bà) – Tuần Châu (Hạ Long) , vốn : 15.000.000USD

+ Khu nghỉ dưỡng, khách sạn cao cấp tại Phù Long – Xuân Đám (40.000.000 USD)

+ Phát triển du lịch Cát Bà nhằm xây dựng cảng du lịch, các đội tàu du lịch, xây dựng các khu nghỉ dưỡng và các cơ sở phục vụ khác.

– Hoạt động khai thác biển, đảo:

Vùng biển KDTSQ Cát Bà có HST đặc sắc, nguồn gen phong phú với nhiều hải sản có giá trị là nguồn quan trọng của vịnh Bắc Bộ. Các rạn san hô nhiều màu sắc phù hợp xây dựng khu bảo tồn kết hợp tham quan khu du lịch ngầm, nước biển trong xanh thuận tiện cho việc tắm biển.

Cho đến nay, các bãi tắm Cát Cò I, II, III mới chỉ có ít cơ sở dịch vụ, chưa được quy hoạch cụ thể, sức chứa mỗi bãi tắm chỉ khoảng 500 khách vì thế thường gây quá tải vào mùa hè. Việc đảm bảo an toàn còn kém và các dịch vụ chưa tương xứng với tiềm năng sẵn có.

Các bãi trên hòn đảo đã được đầu tư khai thác phục vụ du lịch và có sức hấp dẫn mạnh đối với du khách. Ngoài ra, Cát Bà còn có một số vịnh đẹp kỳ thú do thiên nhiên ban tặng như vịnh Lan Hạ, các bãi biển nhỏ ở các đảo, các rạn san hô ngầm phát triển rất đẹp.

Bảng 4 :Các điểm du lịch do địa ph- ơng và các doanh nghiệp đang tập trung khai thác

TT	Điểm du lịch	Đơn vị quản lý
1	-Động Thiên Long	UBND xã Phù Long
2	-Rừng ngập mặn Phù Long	
3	-Làng Phù Long	
4	-Điểm du lịch sinh thái làng Gia Luận	UBND xã Gia Luận
5	-Động Hoa C- ơng	
6	-Hang Đá Trắng có di cốt tê giác	
7	-Đền Hiền Hào	UBND xã Hiền Hào
8	-Di chỉ khảo cổ Bãi Bến	
9	-Một số hang động ở Hiền Hào	
10	-Du lịch sinh thái làng Hiền Hào	
11	-Du lịch cộng đồng xã Xuân Đám	UBND xã Xuân Đám
12	-Đôi Cánh Ph- ơng và bãi Cát Đôn	
13	-Bãi Roi,động Ráng,hang Bụt,hang Báng,hang Xuôi	
14	-Áng Cả,Áng Hong,sản vật cổ của làng cổ Xuân Đám	
15	-Suối n- ớc nóng	
16	-Hang Trân Châu	UBND xã Trân Châu
17	-Làng Liên Minh(gà Liên Minh, dê núi)	
18	-Leo núi ở Trân Châu	
19	-Du lịch cộng đồng xã Việt Hải	UBND xã Việt Hải
20	-Đỉnh Hải Quân,áng Vòng,làng chài Việt Hải	
21	-Hang Tiên Đức	
22	-Khu du lịch sinh thái đảo Cát Ông	Bà Hoà
23	-Bãi tắm Cát Cò I, II	Trung tâm du lịch Hùng V- ơng
24	-Bãi tắm Cát Cò III	Cty TNHH Tr- ờng Bình Minh
25	-Khu di chỉ Cái Bèo, vịnh Tùng Dinh, áng Vả, áng Thom...	UBND thị trấn Cát Bà

(Nguồn: Phòng du lịch – Th_ịơng mại Cát Hải)

Mới đây Ủy ban quốc gia UNESCO của Việt Nam và các tổ chức quốc tế, cơ quan khoa học liên quan đã đề xuất xây dựng KDTSQTG Cát Bà thành công viên địa chất quốc tế (geopark) đầu tiên của Việt Nam.

Đề cập đến quyết tâm của Hải Phòng trong việc giữ gìn, bảo tồn và phát huy các tiềm năng, lợi thế của KDTSQ Cát Bà, ông Nguyễn Văn Thành - Phó chủ tịch thường trực UBND TP, Trưởng ban quản lý KDTSQ thế giới Cát Bà cho biết: Cùng với việc rà soát quy hoạch VQG Cát Bà, gắn quy hoạch bảo tồn và phát triển KDTSQ với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Cát Hải đến 2020, thành phố đang tăng cường hợp tác với các tổ chức quốc tế, các cơ quan khoa học trong và ngoài nước, các ban quản lý các di sản và KDTSQ thế giới trong việc nghiên cứu, tuyên truyền, bảo vệ, bảo tồn và phát triển KDTSQ Cát Bà. Đồng thời, thành phố tập trung chỉ đạo Ban quản lý KDTSQ Cát Bà và huyện Cát Hải xây dựng các mô hình kinh tế chất lượng cao gắn với việc phát triển du lịch bền vững với việc bảo vệ môi trường biển, khai thác nông - lâm nghiệp gắn với tái sinh và phát triển rừng. Hàng loạt các mô hình phát triển kinh tế chất lượng cao, bền vững bước đầu đã phát huy hiệu quả như: các dự án trồng rừng tại vùng đệm và vùng chuyển tiếp; dự án trồng cam Gia Luận; các mô hình sản xuất rau an toàn, trồng tre măng, trồng cây dược liệu, khai thác nhựa thông, chuyển dịch cơ cấu cây trồng và vật nuôi tại các vùng đệm; xây dựng mô hình thử nghiệm làng kinh tế - sinh thái tại 2 xã Xuân Đám và Việt Hải. Các mô hình kinh tế này hàng năm cung cấp cho khu du lịch Cát Bà khoảng 40 tấn cam, 400 tấn rau các loại, 12.500 tấn mật ong (nhãn hiệu mật ong hoa rừng Cát Bà), 8.000 con lợn, 5.000 con dê, 25.000 con gà (sản lượng thịt đạt 600 tấn / năm). Riêng khai thác nhựa thông khoảng 121ha đã cho sản lượng 300 tấn nhựa mỗi năm, với giá trị ước đạt 1,6 - 2 tỷ đồng. Ông Nguyễn Văn Thành khẳng định: KDTSQ quần đảo Cát Bà có đầy đủ các điều kiện để xây dựng công viên địa chất quốc tế cũng như xây dựng Mô hình học tập vì sự phát triển bền vững. Cát Bà thực sự có tiềm năng phát triển công viên địa chất tầm quốc tế, các cấp có thẩm quyền sớm đưa ra

được lộ trình cụ thể, xây dựng khung pháp lý cần thiết, hình thành một quy hoạch tổng thể sử dụng bền vững tài nguyên địa chất cho quần đảo Cát Bà.

****Quảng bá xúc tiến du lịch***

Những năm gần đây, hoạt động xúc tiến quảng bá du lịch đã có những bước tiến lớn. Phòng du lịch – Thương mại huyện Cát Hải đã tham mưu cho UBND huyện tổ chức thành công lễ hội nghề cá, khai trương du lịch Cát Bà, kỷ niệm ngày Bác Hồ về thăm làng cá, ngày truyền thống Thủy sản Việt Nam hàng năm, các hội chợ quảng cáo...

Phối hợp xây dựng các bộ phim phóng sự giới thiệu du lịch Cát Bà, giới thiệu KDTSQ trình chiếu lên truyền hình, các triển lãm quốc tế trong và ngoài nước. Sáng 3/11/2007, trưởng ban quản lý KDTSQ Cát Bà tiếp đoàn phóng viên, kỹ thuật viên của Đài truyền hình quốc tế Tây Ban Nha đến Hải Phòng làm phim về KDTSQTG quần đảo Cát Bà. Đây là 1 trong 6 phim về 6 KDTSQ nổi bật nhất thế giới, được phát tại Hội nghị toàn cầu về các KDTSQTG tại thủ đô Ma-đrít của Tây Ban Nha vào tháng 2/2008. Hoàn thành website www.catba.com.vn giới thiệu về du lịch huyện Cát Hải. Thành lập Trung tâm hướng dẫn và phát triển du lịch Cát Hải (30/5/2006) để tuyên truyền, hướng dẫn, quảng bá du lịch.

Tháng 4/2009, VQG Cát Bà phối hợp với Phòng Giáo dục - Đào tạo huyện Cát Hải vừa tổ chức hội nghị tuyên truyền về bảo tồn và phát triển KDTSQTG quần đảo Cát Bà cho các đồng chí là hiệu trưởng, hiệu phó, cán bộ, giáo viên các trường học trên địa bàn huyện Cát Hải.

Trong thời gian qua huyện Cát Hải, Ban quản lý VQG Cát Bà đã thường xuyên đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động nhằm nâng cao nhận thức của cộng đồng về các giá trị của KDTSQ, thúc đẩy các chương trình đào tạo và nâng cao năng lực quản lý của địa phương trên các lĩnh vực liên quan đến bảo tồn và phát triển khu dự trữ.

****Công tác quản lý Nhà nước về du lịch***

Phòng du lịch – Thương mại huyện Cát Hải đã có nhiều biện pháp góp phần bảo tồn và phát triển du lịch, đẩy mạnh công tác phát triển du lịch bền

vững. Ví dụ nh- : Kết hợp với Tổ chức bảo tồn động thực vật Quốc tế (FFI) thực hiện ch- ơng trình về phát triển du lịch cộng đồng tại xã Việt Hải, lập Ban quản lý du lịch Việt Hải.

Được sự giúp đỡ của một số tổ chức phi chính phủ như: FFI, CRP... Phòng Du lịch – Th- ơng mại đã phối kết hợp với Hiệp hội du lịch, Trung tâm h- ớng dẫn và phát triển du lịch huyện tổ chức một số lớp bồi d- ỡng, nâng cao nghiệp vụ du lịch như: Lễ tân, hướng dẫn, buồng bàn nấu ăn...cho hàng chục đối tượng là nhân viên các khách sạn, nhà hàng trong khu vực.

Kết hợp với các Tổ chức bảo tồn Quốc tế thực hiện dự án Bảo tồn vọc Cát Bà, triển khai ch- ơng trình phát triển du lịch bền vững.

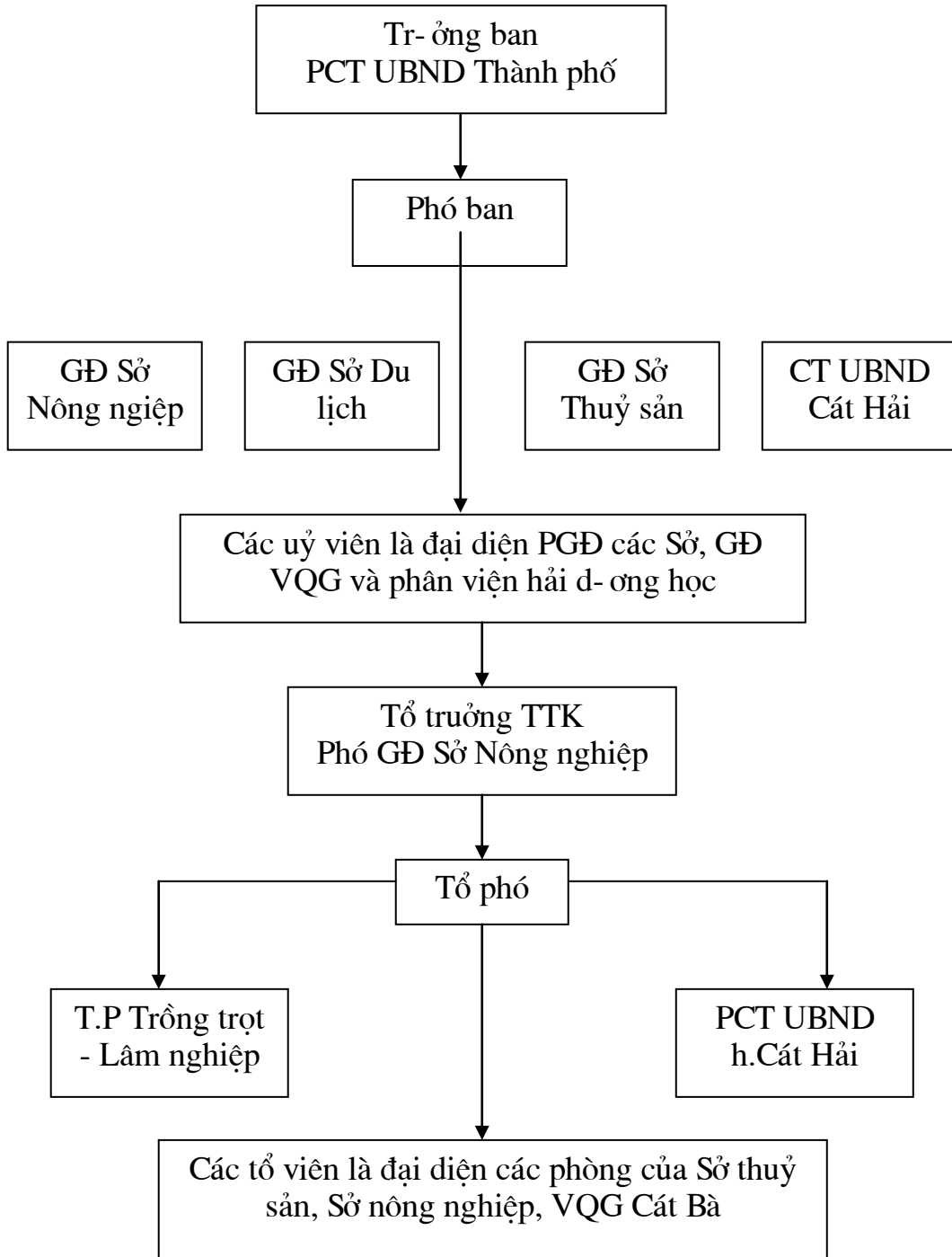
Tham m- u cho Sở du lịch Hải Phòng làm tốt công tác thẩm định một số nhà hàng, khách sạn đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, công tác an toàn, bảo vệ môi tr- ờng và tài nguyên, ban hành quy chế niêm yết giá, xây dựng các đề tài nghiên cứu khoa học để phát triển du lịch.

Thống nhất với Sở du lịch Quảng Ninh mở tuyến du lịch biển Cát Bà- Tuần Châu.

****Quản lý KDTSQ quần đảo Cát Bà***

Ban quản lý KDTSQ Cát Bà đ- ợc thành lập làm nhiệm vụ (kiêm nhiệm) điều phối các hoạt động của các ban ngành, chính quyền địa ph- ơng về bảo tồn và phát triển kinh tế trên địa bàn.

Cơ cấu quản lý KDTSQTG Cát Bà



Vùng lõi KDTSQ bao gồm vùng lõi VQG Cát Bà và khu bảo tồn Voọc đ-ợc quản lý theo các văn bản pháp quy trong hệ thống rừng đặc dụng của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, theo Quyết định số 237 – CT ngày 01/08/1991 của Chủ tịch Hội đồng Bộ tr-ởng phê duyệt VQG Cát Bà, thành phố Hải Phòng. Hiện nay, VQG nằm d-ới sự quản lý trực tiếp của UBND T.P Hải Phòng. Vùng đệm và vùng chuyển tiếp thuộc quyền quản lý trực tiếp của

UBND huyện Cát Hải chỉ đạo UBND các xã phối hợp với các lâm trường quốc doanh, các sở và chi cục kiểm lâm... phối hợp thực hiện các nhiệm vụ theo Quyết định 08/2001/QĐ-TTg trong đó quy định việc thành lập vùng đệm nhằm mục đích hỗ trợ cho công tác bảo tồn, quản lý và bảo vệ rừng đặc dụng.

Tháng 2/2008, tại đại hội toàn cầu các KDTSQTG lần thứ 3 của chương trình MAB tại Man-đrit, UNESCO đã công nhận Ban quản lý KDTSQTG Cát Bà làm tốt nhất thế giới với việc soạn thảo quy chế hoạt động cụ thể.

b. Nguồn nhân lực

Mấy năm gần đây số lượng lao động tăng nhanh. Năm 2003 tổng số lao động trực tiếp là 500 người, năm 2008 đạt 1800 người. Chất lượng chuyên môn cũng tăng lên rất nhanh, nhìn chung vẫn còn nhiều bất cập.

Số lượng và chất lượng của đội ngũ lao động đóng vai trò lớn trong việc nâng cao chất lượng các dịch vụ du lịch. Lao động trong ngành bao gồm lao động trực tiếp và lao động gián tiếp. Lao động trực tiếp là lao động trong các nhà hàng, khách sạn, công ty lữ hành hướng dẫn và các cơ sở dịch vụ khác. Lao động gián tiếp tham gia các hoạt động liên quan đến hoạt động du lịch. Số lao động trực tiếp trong các đơn vị phục vụ du lịch đã được cấp đăng ký kinh doanh trên địa bàn bình quân trên một phòng khách sạn là 0,4 người vào loại thấp. Tổng lao động chuyên môn nghiệp vụ về du lịch là 26,4% và hầu hết là lao động mới được đào tạo bồi dưỡng, lao động có trình độ trung - đại học du lịch chỉ chiếm 1,2% tổng số lao động. Như vậy trình độ lao động nhìn chung còn thấp, đó cũng là do phần lớn các cơ sở kinh doanh còn mang tính tự nhiên, quy mô và vốn đầu tư có hạn.

Nhân lực của KDTSQ phải đảm bảo cho các hoạt động hành chính, bảo vệ, giám sát, và hỗ trợ nghiên cứu khoa học một cách thuận lợi. Số nhân viên làm việc tại KDTSQ trước hết phải kể đến số lao động của VQG Cát Bà hoạt động trong phạm vi VQG Cát Bà gồm 60 nhân viên kiểm lâm, 21 nhân viên làm công tác quản lý hành chính, các cộng tác viên 8 người gồm các ngành chức năng của Trung ương và thành phố, các tổ chức trong và ngoài nước. Nh-

vậy số nhân viên bao gồm cả nhân viên cộng tác (làm việc ngoài giờ) làm việc cho KDTSQ là 125 - 150 ng- ời.

○ Số l- ợng nhân viên hành chính sự nghiệp và quản lý tài nguyên: Tổng số: 60 ng- ời, th- ờng xuyên: 41 – 45 ng- ời, cộng tác: 20 ng- ời.

○ Số l- ợng nhân viên nghiên cứu của Việt Nam (quốc gia): Th- ờng xuyên: 2 ng- ời, cộng tác: 4 ng- ời.

○ Số l- ợng nhân viên hỗ trợ kỹ thuật: th- ờng xuyên: 2 ng- ời, cộng tác: 4 ng- ời.

c. Nguồn tài chính và ngân sách hàng năm cho KDTSQ Cát Bà

Nguồn vốn đối với các hoạt động quản lý và điều hành để giải quyết các vấn đề chung cho KDTSQ đ- ợc huy động từ những nguồn d- ới đây:

– Vốn ngân sách của Chính phủ Việt Nam đầu t- cho hoạt động bảo tồn VQG Cát Bà là 2 tỷ đồng Việt Nam/năm.

– Vốn ngân sách Chính phủ Việt Nam đầu t- cho ch- ơng trình phát triển cơ sở hạ tầng du lịch năm 2001 là 33 tỷ đồng, năm 2002 khoảng trên 100 tỷ, từ năm 2005 bình quân mỗi năm 50 tỷ đồng Việt Nam.

– Vốn ch- ơng trình biển đông hải đảo của Chính phủ Việt Nam bình quân mỗi năm 20 tỷ đồng Việt Nam (bao gồm cho cả vùng phụ cận của KDTSQ).

– Nguồn thu Chính phủ để lại cho khu vực Cát Bà tái đầu t- từ 5 – 10 tỷ đồng Việt Nam/ năm.

– Vốn ngân sách thành phố Hải Phòng đầu t- cho công tác y tế, giáo dục, văn hoá xã hội 2 tỷ đồng Việt Nam/năm.

– Nguồn vốn hỗ trợ của các tổ chức trong n- ớc và quốc tế 2 tỷ đồng Việt Nam/năm. 60% từ Liên Hợp Quốc, 20% từ tổ chức vùng, 20% từ quốc gia và các vùng ngoài KDTSQ Cát Bà.

Sáng 12/5/2009, Uỷ ban quốc gia UNESCO của Việt Nam phối hợp với UBND thành phố Hải Phòng, Hội đồng phát triển bền vững thành phố, tập đoàn thép Việt – Nhật tổ chức lễ ra mắt Quỹ phát triển bền vững KDTSQTG quần đảo Cát Bà thực hiện mục tiêu phát triển bền vững và ký thoả thuận hợp

tác giữa Ủy ban Công- ời và Sinh quyển Việt Nam(MAB) với tập đoàn thép Việt – Nhật.

Quỹ phát triển bền vững KDTSQTG Cát Bà đ- ợc thành lập dựa trên đề nghị của Ủy Ban quốc gia UNESCO của Việt Nam, Ủy ban quốc gia Công- ời và sinh quyển Việt Nam nhằm tạo một nguồn tài chính đóng góp tự nguyện của các doanh nghiệp, hiệp hội, các nhà khoa học trong và ngoài thành phố Hải Phòng làm động lực đề xuất ý t- ờng, các sáng kiến, các mô hình phát triển bền vững phục vụ cho sự phát triển kích tế xã hội và bảo vệ thiên nhiên tại khu sinh quyển Cát Bà nói riêng và thành phố Hải Phòng nói chung.Theo đó, đây là giải th- ờng hàng năm cho các tập thể và cá nhân có sáng kiến phát triển KDTSQ Cát Bà và thành phố Hải Phòng. Số tiền ban đầu khi thành lập quỹ là 1 tỷ đồng.

2.2.5.Tài nguyên du lịch nhân văn

a.Các di tích lịch sử

Cát Bà là một trong những nơi có nhiều di chỉ khảo cổ có giá trị lịch sử thuộc nền văn hoá Hạ Long – nền văn hoá có từ buổi đầu dựng n- ớc của ông cha ta. Theo kết quả nghiên cứu và điều tra ban đầu, các nhà khảo cổ học đã phát hiện ở đây hơn 70 di chỉ khảo cổ thuộc các nền văn hoá Sơn Vi, Soi Nhụ cách đây từ 2.500 – 4.000 năm. Họ đã tìm thấy ở d- ới lớp đất sâu các công cụ bằng đá ghè, đẽo, các loại chày đá hình tháp, bàn nghiền đá, đồ gốm thô sơ, bếp đun với dấu vết than tro...Ở lớp đất nông phía trên là những công cụ đồ đá đã đ- ợc mài toàn thể, các đồ bằng gốm , đồ trang sức đ- ợc chế tác tiến bộ, hoa văn đẹp và tinh vi hơn. Những di chỉ này xuất hiện ở nhiều vị trí nh- di chỉ Xuân Đám, Ao Ếch, Hiền Hào trong đó tiêu biểu nhất là khu di chỉ Cái Bèo. Đây là di chỉ đ- ợc hai nhà khoa học công- ời Pháp phát hiện vào năm 1938, từng đ- ợc khai quật vào các năm 1972, 1973, 1981 và đã tìm thấy 479 hiện vật có giá trị về c- dân Cái Bèo sống cách đây khoảng 6.500 – 4.000 năm.

Bên cạnh đó, Cát Bà còn l- u giữ nhiều công trình văn hoá với kiến trúc độc đáo nh- miếu Các Bà ở thị trấn Cát Bà, đình Hoàng Châu với nét nghệ thuật chạm khắc khá tinh tế vào thời Lý (thế kỷ XI), miếu Văn Chấn với kiến

trúc lộng lẫy đ- ợc xây dựng vào thế kỷ XV (thời Lê). Một công trình cổ có quy mô kiến trúc t- ơng đối lớn, có giá trị lịch sử cao là thành cổ nhà Mạc nằm ở xã Xuân Đám.

b.Lễ hội

Các làng xã trên đảo nằm sát biển tiện cho nghề nghiệp đánh bắt. Làng xã Cát Bà nằm ở thung lũng có thể nhìn ra biển, nơi có dòng n- ớc ngọt quanh năm, trên bến, d- ới thuyền. Chính ở nơi đầu sóng ngọn gió, với sức sống, tinh thần lao động sáng tạo, ng- ời dân ở đây đã để lại những giá trị văn hoá độc đáo. Mang đặc tr- ơng là một hải đảo, nghề đánh cá là nghề cổ truyền của nhân dân nơi đây cho nên các hoạt động văn hoá lễ hội, tín ng- ỡng dân gian của Cát Bà luôn gắn liền với biển.

Diễn ra sớm nhất trong năm là lễ hội xuống biển đ- ợc tổ chức ở nhiều làng chài từ mùng 4 - 6 tháng giêng (âm lịch) tế thủy thần, long v- ơng cầu mong một năm làm ăn thuận lợi, đ- ợc mùa cá, ấm no, hạnh phúc, ng- ời đi biển “thuận buồm xuôi gió”. Lễ hội đặc sắc với cuộc thi đánh bắt cá sôi nổi của ng- ời dân trong làng.

Lễ hội cầu mùa 21 tháng giêng hàng năm của thị trấn Cát Hải vào dịp đầu xuân, địa điểm ở miếu Các Lái gần sát biển. Đây là hội của nghề cá khu vực Đôn L- ơng (Cát Hải). Hội có chèo bơi đua thuyền nan (nay sử dụng thuyền rồng) đ- ợc coi là lễ hội lớn nhất của khu vực Đôn L- ơng đ- ợc thị trấn đứng ra tổ chức và huyện tài trợ. Lễ hội bắt nguồn từ làng Gia lộc x- a có tục lệ ngày 21 tháng giêng dân làng mở hội đua thuyền hay còn gọi là ngày các lái, cầu cho m- a thuận gió hoà mùa màng bội thu để đời sống ng- ời dân trên đảo ấm no, hạnh phúc.

Lễ hội đình làng xã Hoàng Châu (Cát Hải) vào tháng 10, 11, 12 tháng 6 âm lịch hàng năm, nhân dân mở lễ hội dâng h- ơng và xa mã (kéo xe ngựa thờ) trong sân đình làng nhằm ghi nhớ công ơn các bậc tiền nhân đã có công xây dựng làng xã. Hiện trong hội có tổ chức các hoạt động thể thao, văn nghệ trong đó độc đáo nhất là kéo ngựa gỗ (xa mã).

Lễ hội lớn nhất trong năm của Cát Bà là lễ hội 1/4 tổ chức hàng năm tại khu cảng cá thị trấn. Ngày 1/4/1959 Bác Hồ về thăm Cát Hải và Cát Bà, từ đó ngành thuỷ sản lấy ngày 1/4 - ngày Bác Hồ về thăm làng cá làm ngày hội truyền thống của ngành. Hàng năm vào ngày này Cát Bà tổ chức cuộc đua thuyền rồng của huyện đảo và ngành thuỷ sản trong cả nước đồng thời đó cũng là lễ hội khai trương mùa du lịch của Cát Bà với nhiều hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể thao đặc sắc. Lễ hội này đã trở thành sự kiện du lịch của thành phố Hải Phòng và cả nước được tổ chức bởi các cấp chính quyền và đoàn thể nhân dân. Năm lễ do huyện và cán bộ, nhân dân huyện tổ chức. Năm chẵn do thành phố, huyện tổ chức, Trung ương tham gia chỉ đạo và Bộ thuỷ sản tổ chức.

Lễ hội 1/4 được tổ chức xây dựng hàng năm còn góp phần vào việc kế thừa bảo tồn và phát huy giá trị văn hoá truyền thống, văn hoá lịch sử trong quá trình công nghiệp hoá - hiện đại hoá của huyện đảo nói riêng và thành phố Hải Phòng nói chung trong giai đoạn hiện nay.

Theo báo cáo nghiên cứu khảo cổ học Cát Bà của Viện khảo cổ học, ở Cát Bà hiện có:

- Trên 20 di chỉ hang động, núi đá chứa di tích ngời tiền sử
- 42 di tích chứa di tồn và di vật thời tiền sử
- 4 di tích chứa các di tích thời cổ sinh thời Pleistocene
- 7 di tích chứa di vật thuộc các thời kỳ lịch sử
- 2 di tích có liên quan đến truyền thuyết lịch sử

Nếu so sánh với tài nguyên du lịch tự nhiên thì tài nguyên du lịch nhân văn trên đảo Cát Bà ít phong phú hơn về chủng loại, số lượng. Một số tài nguyên du lịch nhân văn như di tích các đền thờ, kiến trúc thành cổ hiện vẫn chưa được xếp hạng, tu bổ và khôi phục. Mặt khác, những di chỉ khảo cổ trên đảo còn phân bố rải rác nên chưa tạo được sự quan tâm chú ý, cũng như thu hút khách du lịch đến tham quan, nghiên cứu.

Tuy vậy, có thể khẳng định rằng tài nguyên du lịch nhân văn ở đây là một nguồn tài nguyên khá độc đáo và có giá trị lịch sử cao không chỉ đối với

Cát Bà mà còn với cả nước nói chung. Nếu những giá trị này được chú ý đầu tư, khai thác, bảo vệ, chắc chắn sẽ tạo được những công trình, sản phẩm du lịch ấn tượng, có khả năng thu hút du khách và sẽ làm phong phú thêm cho hoạt động du lịch trên đảo Cát Bà.

2.3.THỰC TRẠNG KHAI THÁC TÀI NGUYÊN DU LỊCH TẠI KDTSQ CÁT BÀ

2.3.1.Thực trạng về sản phẩm du lịch

Hiện nay ở Cát Bà có một số loại hình du lịch như: du lịch sinh thái, du lịch nghỉ dưỡng, du lịch tham quan, du lịch thể thao mạo hiểm, du lịch cộng đồng. Trong các loại trên thì loại hình du lịch phát triển nhất hiện nay lại là du lịch sinh thái, du lịch tham quan do Cát Bà có VQG, có KDTSQTG bởi vậy mà khách du lịch tham quan với số lượng lớn bao gồm cả khách trong nước và nước ngoài. Tuy nhiên KDTSQ Cát Bà vẫn chưa thực sự phát huy hết khả năng, chưa tận dụng được lợi thế về nguồn tài nguyên du lịch tự nhiên để phát triển du lịch, để tạo ra được nhiều loại hình du lịch hấp dẫn, đa dạng hơn. Có như vậy mới thu hút được nhiều khách đến với KDTSQ Cát Bà. Loại hình du lịch thể thao mạo hiểm chưa được khai thác mạnh.

Các tuyến du lịch hiện đang khai thác:

- + Tuyến trung tâm ven biển - động Trung Trang
- + Tuyến trung tâm ven biển - rừng Kim Giao - đỉnh Ngự Lâm (2,5 giờ).
- + Tuyến trung tâm ven biển - tuyến đường giáo dục môi trường.
- + Tuyến trung tâm ven biển - Ao Ếch (6 km) - Việt Hải (3km) - vịnh Lan Hạ - thị trấn Cát Bà.
- + Tuyến du lịch sinh thái biển thị trấn Cát Bà - vịnh Lan Hạ.
- + Tuyến du lịch biển thị trấn Cát Bà - vịnh Lan Hạ - vịnh Hạ Long.

2.3.2.Thực trạng về khách

**Bảng 5 : Số l- ợng khách du lịch đến Cát Bà giai đoạn 2001 – 2005
và dự báo l- ợng khách giai đoạn 2006 - 2010**

Đơn vị: l- ợng khách

	Năm	L- ợng khách du lịch	Khách n- ớc ngoài
Thời kỳ 2001 - 2005	2001	165.000	30.000
	2002	205.000	60.000
	2003	220.500	66.500
	2004	328.000	118.000
	2005	400.000	120.000
Kế hoạch giai đoạn 2006- 2010	2006	500.000	150.000
	2007	600.000	200.000
	2008	700.000	250.000
	2009	850.000	350.000
	2010	1.000.000	500.000

So với bảng kế hoạch, thực tế mà du lịch Cát Bà đạt đ- ợc t- ơng đ- ợng, thể hiện ở bảng sau:

Bảng 6 : L- ợng khách và doanh thu du lịch Cát Bà

STT	Các chỉ tiêu	Thực hiện năm 2003	Thực hiện năm 2004	Thực hiện năm 2005	Thực hiện năm 2006	Thực hiện năm 2007	Thực hiện năm 2008
1	Tổng số l- ợng khách	220.500	328.000	435.000	500.000	729.000	750.000
1.1	Khách quốc tế	66.500	118.000	122.000	171.000	224.000	232.000
1.2	Khách nội địa	154.000	210.000	313.000	329.000	505.000	518.000
2	Tổng số ngày khách	323.500	439.000	652.700	742.900	894.600	902.000
2.1	Khách quốc tế	94.900	146.300	157.500	207.800	363.700	370.400
2.2	Khách nội địa	228.600	293.500	495.200	535.100	530.800	531.600
3	Tổng doanh thu từ du lịch(tỷ đồng)	32	43	75	104,5	170	195

(Nguồn : UBND Huyện Cát Hải)

Chủ tịch UBND huyện Cát Hải Phạm Xuân Hoà cho biết: "Có thể nói, năm 2008 khách du lịch đến Cát Bà hơi "quá tải". Thu hút gần 800.000 ngàn lượt khách, doanh thu đạt gần 180 tỷ đồng – quả là một con số thật mừng và tự hào. Cách đây hơn chục năm, không ai nghĩ Cát Bà lại có được sự phát triển mạnh mẽ đến như vậy".

Với chiến lược phát triển kinh tế – xã hội của huyện đảo Cát Bà giai đoạn 2000 – 2010, du lịch Cát Bà đã đạt được những kết quả khả quan và đang trở thành ngành kinh tế mũi nhọn mang lại nguồn ngân sách lớn cho địa phương, cho cộng đồng dân cư, tạo ra công ăn việc làm cho người dân trong huyện. Từ năm 2002, việc khánh thành đường bộ xuyên đảo ra Cát Bà cùng với việc ngày nghỉ cuối tuần được tăng lên, người dân Hà Nội, Hải Phòng và ở nhiều địa phương phụ cận đã chọn Cát Bà là điểm du lịch cuối tuần lý tưởng, bên cạnh đó có cả khách quốc tế vì vậy lượng khách du lịch đến với khu vực này ngày một tăng. Nhìn vào bảng trên ta thấy rõ điều này. Riêng 9 tháng đầu năm 2008 khách du lịch đến Cát Bà đạt 664.000 lượt bằng 83% kế hoạch năm, tăng 6% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khách quốc tế chiếm 31%. Năm 2009 Cát Bà phấn đấu đón từ 850.000 – 900.000 lượt khách. Tuy nhiên do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới nên trong quý 1 năm 2009, tổng số khách du lịch đến Cát Bà chỉ đạt 116.000 lượt, đạt 14% kế hoạch năm.

Khách du lịch trong nước đến Cát Bà bao gồm khách trong thành phố, từ thủ đô Hà Nội và các tỉnh khác trong cả nước. Trong số này hầu hết là những du khách đến để nghỉ mát vào cuối tuần, thương nhân, cán bộ nhà nước, sinh viên, học sinh.

Tuy nhiên do chưa có được sản phẩm du lịch đa dạng, hấp dẫn vì vậy khả năng giữ khách lưu trú sẽ bị ảnh hưởng. Nhiều đoàn khách nội địa chỉ tổ chức tham quan Cát Bà trong ngày và kết quả đã làm giảm số ngày lưu trú của khách. Thời gian lưu trú bình quân của khách nội địa là 1,5 ngày.

KDTSQ Cát Bà nằm gần Quảng Ninh, địa phương có cửa khẩu quốc tế với thị trường du lịch to lớn là Trung Quốc; nằm trên đường biển quốc tế, đồng thời lại nằm gọn trong khu di sản thiên nhiên Hạ Long, vì vậy lượng

khách quốc tế đến Cát Bà trong những năm qua tăng tr-ởng mạnh. Và số ngày khách cũng tăng dần lên theo số l-ợt khách tăng.

Khách Trung Quốc chiếm 37% trong tổng số khách quốc tế đến Cát Bà, còn lại là khách đến từ các n-ớc khác. Khách châu Âu chủ yếu là Tây ba lô, những ng-ời có khả năng chi trả kém, thời gian nghỉ tại Cát Bà bình quân là 1,27 ngày. Tr-ớc đây khách du lịch quốc tế chủ yếu là khách Mỹ, Anh, Đức và Canada. Ngoài ra hiện nay du lịch Cát Bà đang tăng c-ờng quảng bá nhằm khai thác tốt thị tr-ờng khách ASEAN, thị tr-ờng khách có nhu cầu thanh toán cao như: Nhật Bản, Trung Quốc, Tây Âu...

2.3.3. Thực trạng về doanh thu du lịch

Theo thống kê của UBND huyện Cát Hải năm 2004 doanh thu từ du lịch Cát Bà đạt 43 tỷ đồng. Năm 2006 doanh thu từ du lịch Cát Bà tăng 11 tỷ đồng so với năm 2004, năm 2007 doanh thu Cát Bà tăng 127 tỷ đồng. Trong đó doanh thu tăng phần lớn là do tăng doanh thu từ khách quốc tế, l-ợng khách có khả năng chi trả cao. Ngoài ra hoạt động du lịch còn giải quyết đ-ợc hàng nghìn việc làm cho ng-ời dân trên đảo và thúc đẩy các ngành kinh tế khác nh- : xây dựng, thủy sản, giao thông vận tải, th-ơng mại, dịch vụ b- u chính viễn thông...cùng phát triển.

2.3.4. Thực trạng về bảo vệ môi tr-ờng

Trong nhiều năm qua, KDTSQ Cát Bà đã đ-ợc xác định là điểm du lịch quan trọng của du lịch Hải Phòng. Tuy nhiên, với áp lực của hoạt động du lịch, dịch vụ đã tác động không nhỏ tới môi tr-ờng Cát Bà.

Cuối năm 2008, Ban quản lý VQG Cát Bà đã tiến hành khảo sát điều tra với trên 300 l-ợt khách trong n-ớc và quốc tế về những tác động đến môi tr-ờng tự nhiên trong và ngoài phạm vi VQG. Theo đó, nguyên nhân chính gây tác động đến môi tr-ờng VQG là do hoạt động du lịch và cộng đồng địa ph-ơng (chiếm 70% ý kiến đ-ợc hỏi). Ngoài ra những tác động đến môi tr-ờng ở khu du lịch còn do hoạt động của các cơ sở kinh doanh du lịch và các thành phần kinh tế khác. Các nguồn gây tác động đến môi tr-ờng bao gồm rác thải, n-ớc thải, tuy ch- a đến mức độ ô nhiễm nghiêm trọng nguồn n-ớc hoặc

không khí nh- ng cũng đã có dấu hiệu ô nhiễm ở phạm vi nhỏ, tác động không nhỏ với các loài động, thực vật biển và để lại nhữmg ấn t- ợng không tốt trong lòng du khách. Ngoài hệ thống khách sạn, nhà nghỉ, nhà hàng đ- ợc xây dựng không theo quy hoạch làm mất mỹ quan khu du lịch thì với khoảng trên 500 nhà bè, hơn 8.000 lồng nuôi các loài hải sản biển tập trung gần nhau, hàng chục tấn thức ăn nuôi cá đ- ợc đ- a xuống biển mỗi ngày, mà một phần trong số đó do cá ăn không hết tạo nên tạp chất lắng đọng d- ới đáy biển qua mỗi năm đã bắt đầu làm ô nhiễm môi tr- ờng biển khiến cá chết hàng loạt. Hầu hết đánh giá của du khách trong đợt khảo sát vừa qua đều cho rằng, hệ thống thu gom rác thải, n- ớc thải tại địa ph- ơng (bao gồm cả khu vực VQG và khu du lịch) tuy đã đ- ợc thực hiện nh- ng mức độ còn ch- a triệt để, ch- a toàn diện, các thùng rác đã có mặt ở các điểm nh- ng số l- ợng còn rất hạn chế, hệ thống thu gom rác trên mặt n- ớc ch- a thật hiệu quả; khu vệ sinh công cộng còn thiếu, nhất là tại các khu tập trung đông ng- ời; hệ thống thông tin chỉ dẫn về môi tr- ờng còn thiếu khá nhiều; các biện pháp nhắc nhở, quản lý đã triển khai nh- ng ch- a th- ờng xuyên, ch- a sâu sát; hiện t- ợng níu kéo khách mua hàng vẫn còn xảy ra, gây phiền hà cho khách, đặc biệt là khách nước ngoài... Một nguyên nhân không kém phần quan trọng tác động đến môi tr- ờng tự nhiên của Cát Bà là do hoạt động của hàng ngàn tàu đánh cá, tàu chở khách, tàu chở dầu... Hầu hết các tàu thuyền hoạt động ở tại Tùng Vụng, Bến Bèo đều xả thẳng n- ớc và chất thải xuống biển. Hậu quả tất yếu xảy ra là có nhiều ngày n- ớc biển ở Tùng Vụng, Bến Bèo biến màu, bốc mùi khó chịu, ảnh h- ớng xấu đến môi tr- ờng và hoạt động du lịch. N- ớc bẩn không chỉ tác động tới hoạt động du lịch mà còn làm chết các rạn san hô và một số loài sinh thể ở các tầng nước biển...

2.3.4. Tác động của hoạt động du lịch đến KDTSQ Cát Bà

a. Tác động tích cực

Ngành du lịch đã góp phần làm thay đổi bộ mặt kinh tế xã hội của khu vực, góp phần làm thúc đẩy các ngành kinh tế khác phát triển nh- : xây dựng, thủy sản, giao thông vận tải, th- ơng mại...

Đáp ứng nhu cầu đi lại của du khách trong và ngoài thành phố thì năm 2002 đã khánh thành tuyến đ-ờng xuyên đảo, thuận lợi cho việc thông th-ơng từ đất liền tới đảo. Bên cạnh đó nhiều tuyến đ-ờng liên thông liên xã, trục đ-ờng trung tâm, bến cảng, bến thuyền cũng đ-ợc nâng cấp cải tạo. Ngoài ra nhiều cơ sở l-u trú, trung tâm vui chơi giải trí đ-ợc xây dựng làm cho bộ mặt của thị trấn đang từng ngày thay da, đổi thịt.

Khách du lịch đến Cát Bà bên cạnh việc tham quan nghỉ d-ỡng còn có nhu cầu th-ờng thức các món ăn hải sản làm cho ngành nuôi trồng thủy sản phát triển. Du lịch làm cho nguồn hải sản đ-ợc xuất khẩu tại chỗ.

Thêm vào đó, du lịch còn có khả năng kích cầu, tăng tiêu thụ sản phẩm tại KDTSQ Cát Bà.

Du lịch mang lại nguồn thu nhập xã hội cho huyện đảo thông qua việc đóng thuế của các cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch, lệ phí tham quan.

Du lịch cũng là nguyên tố chính thu hút các nguồn vốn đầu t- trong và ngoài n- ớc tới huyện đảo.

Du lịch còn góp phần nâng cao dân trí, nhận thức cho nhân dân huyện đảo qua việc tiếp xúc với du khách trong và ngoài n- ớc, mở mang tầm hiểu biết về thế giới xung quanh.

Du lịch góp phần cho việc phục hồi và phát triển truyền thống văn hoá của c- dân huyện đảo: khôi phục và phát triển lễ hội truyền thống Cát Bà (Lễ hội truyền thống ngày 1-4 vốn có nguồn gốc là ngày hội xuống n- ớc ở các làng chài và có thời gian bị gián đoạn, sau đó đ-ợc khôi phục lại và phát triển với quy mô lớn và th-ờng xuyên); phục hồi lại di tích: nơi Bác Hồ về thăm làng Cá...

Phát triển du lịch tại Cát Bà là một lối thoát lý t- ởng để giảm bớt nạn thất nghiệp. Tính đến năm 2004 tổng số lao động trực tiếp trong ngành du lịch là 600 ng- ời, năm 2008 là 1800 ng- ời và giải quyết công ăn việc làm thông qua lao động gián tiếp trong các ngành kinh tế khác. Đồng thời du lịch làm cho mức sống của ng- dân sinh sống trong KDTSQ nâng cao.

b. Tác động tiêu cực

Nếu không có kế hoạch và biện pháp quản lý tốt khi lượng khách du lịch đến đảo tăng sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến môi trường sinh thái, gây ra ô nhiễm môi trường làm suy giảm HST đặc thù của Cát Bà, làm áp lực tổn hại trực tiếp đến môi trường xã hội, cuối cùng thì việc bảo tồn khó thực hiện được.

Du lịch phát triển sẽ khai thác triệt để tài nguyên của vùng. Khách du lịch tăng có nhu cầu hưởng thụ các sản phẩm tự nhiên (đặc sản) của vùng. Nếu việc sản xuất, cung ứng các sản phẩm đó không tăng tương xứng, dẫn đến sự suy giảm ví dụ nhu cầu ăn thịt động vật hoang dã, săn bắt ong lấy mật, tu hài, vẫn còn tồn tại ở một số địa phương. Đây là nguyên nhân gây ra suy giảm HST nghiêm trọng. Ngoài ra còn tăng thêm sự ô nhiễm môi trường như khí thải ô tô. Hiện nay đường xuyên đảo hình thành, khách du lịch bằng đường bộ tăng lên nhiều. Đây cũng là yếu tố tác động xấu đến KDTSQ.

Việc phát triển kinh tế biển như nuôi cá lồng bè ảnh hưởng không ít tới cảnh quan và môi trường tự nhiên trên vịnh Lan Hạ.

Tiểu kết chương 2

Từ sự phân tích trên có thể tổng kết những điều kiện thuận lợi cho phát triển du lịch tại các vùng của KDTSQ Cát Bà như sau:

– Tại vùng lõi: HST tự nhiên còn tương đối nguyên vẹn, nguồn gen các động, thực vật quý hiếm, các loài đặc sản của vịnh rất phong phú về chủng loại như Kim giao, vằn ốc, voọc đầu trắng, tu hài, cá heo, chim cao cát. Đây chính là điều kiện thuận lợi thu hút khách du lịch sinh thái tham quan các khu rừng nguyên sinh, các loài thực vật quý hiếm, các cảnh quan đặc sắc tại trung tâm VQG Cát Bà, nghiên cứu khoa học với các chuyên đề như rừng nguyên sinh, các hang động karst, các HST nhiệt đới tiêu biểu.

– Tại vùng đệm: Điều kiện thuận lợi chủ yếu trồng cây ăn quả, các hang động, các rạn san hô, cảnh quan đặc sắc như rừng áng phù hợp loại hình du lịch nghỉ dưỡng cuối tuần, du lịch sinh thái. Du lịch mạo hiểm như leo núi, lặn ngầm, đua thuyền, lướt ván, tắm biển trên các bãi cát sạch đẹp.

– Tại vùng chuyển tiếp: Điều kiện thuận lợi ở vùng này là nuôi trồng thủy sản, giao thông vận tải, xây dựng cơ sở lưu trú, nhà hàng, khách sạn, tổ hợp vui chơi giải trí, thể thao, các dịch vụ tổng hợp phục vụ phát triển du lịch, thủy sản và phát triển kinh tế của huyện đảo.

Nhìn chung du lịch KDTSQTG Cát Bà đã có bước tăng trưởng đáng kể cả về lượng khách, doanh thu và đóng góp cho ngân sách địa phương, tạo thêm công ăn việc làm và thu nhập cho người lao động, góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Cơ sở vật chất được cải thiện cả về lượng lẫn về chất, bước đầu đáp ứng yêu cầu phát triển.

Tuy nhiên sự phát triển ở đây vẫn còn những vấn đề bất cập trong quản lý khai thác, bảo vệ cảnh quan và môi trường. Cơ sở vật chất, trình độ chuyên môn của cán bộ nhân viên ngành du lịch, dịch vụ còn hạn chế, chưa đáp ứng được nhu cầu trong tình hình mới.

Công tác tuyên truyền quảng bá, thu hút khách chưa được đầu tư đúng mức và chưa có sách lược đa dạng hoá sản phẩm du lịch nhằm tăng cao khả năng thu hút khách.

Bên cạnh đó cơ sở vật chất kỹ thuật, cơ sở hạ tầng chưa đồng bộ, còn thiếu các cơ sở vui chơi giải trí, thể thao tổng hợp, các khách sạn tầm cỡ.

Chính những nguyên nhân trên mà ngành du lịch tại đây phát triển chưa xứng với tiềm năng. KDTSQTG Cát Bà có một nguồn tài nguyên vô cùng phong phú đa dạng nhưng khai thác thế nào sao cho hiệu quả nguồn tài nguyên để phục vụ du lịch là vấn đề bức thiết. Đồng thời song song với phát triển là việc duy trì và bảo tồn bền vững các HST tự nhiên và các nguồn tài nguyên đa dạng sinh học.

Trong tương lai gần khu sinh quyển thế giới này sẽ được quy hoạch trở thành khu kinh tế. Khi đó Cát Bà lại bước thêm nấc thang mới ngay đầu có điện lưới và diện mạo công chúa đảo ngọc đã đẹp lại thêm phần kiêu hãnh.

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN DU LỊCH SINH THÁI TẠI KHU DỰ TRỮ SINH QUYỂN THẾ GIỚI CÁT BÀ

3.1. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN CÁT BÀ ĐẾN NĂM 2020

* Dựa trên chiến lược cơ bản về định hướng quy hoạch kinh tế – xã hội toàn huyện Cát Hải đó là:

– Khai thác tối đa tiềm năng và lợi thế phát triển về kinh tế biển, du lịch và dịch vụ nhằm xây dựng huyện đảo Cát Hải giàu về kinh tế, mạnh về quốc phòng, an ninh, môi trường trong sạch, nhân dân có cuộc sống ấm no, hạnh phúc và văn minh.

– Đẩy mạnh quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá, đô thị hoá, kết hợp sự phát triển nông thôn, hỗ trợ các xã khó khăn cùng phát triển.

– Phát triển kinh tế xã hội phải kết hợp với bảo vệ môi trường sinh thái.

– Kết hợp kinh tế với quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội kể cả trên đảo cũng như ngoài khơi.

Mục tiêu chủ yếu của huyện đảo Cát Hải nói chung:

– Mục tiêu tổng quát: Phát triển kinh tế xã hội đảm bảo hiệu quả cao, phát triển bền vững giảm bớt sự chênh lệch về mức GDP/người giữa Cát Hải so với Hải Phòng.

– Mục tiêu cụ thể:

+ Đến năm 2010 GDP bình quân đầu người tăng khoảng 4,5 lần so với năm 2000. Giảm bớt sự chênh lệch về mức GDP/người giữa Cát Hải so với Hải Phòng bằng khoảng 90 – 95%.

+ Thực hiện tốt các chương trình quốc gia và của thành phố để phát triển mạnh các lĩnh vực văn hoá, y tế, giáo dục và các vấn đề xã hội khác.

**Bảng 7: Dự báo cơ cấu và nhịp độ tăng GDP giai đoạn 2001 – 2010
trong các ngành kinh tế**

STT	Ngành	Cơ cấu		Nhịp độ tăng bình quân/năm
		2001	2010	
1	Công nghiệp thuỷ sản	55,60	48,90	15,50
2	Xây dựng	0,90	2,00	26,00
3	Nông – lâm nghiệp	4,10	1,20	3,80
4	Du lịch – dịch vụ	39,40	47,90	19,30
	Tổng GDP	100	100	17,00

(Nguồn: Viện nghiên cứu phát triển du lịch)

Nh- vậy có thể nói rằng cơ cấu kinh tế của huyện sẽ dần chuyển dịch và phát triển vào 3 lĩnh vực: phát triển du lịch – dịch vụ, công nghiệp thuỷ sản và cơ sở hạ tầng. Việc lựa chọn khâu đột phá trong định h- ớng phát triển cũng tập trung vào 3 lĩnh vực trên.

* Định h- ớng phát triển các ngành kinh tế biển:

– Kinh tế biển là một trọng điểm, một khâu quan trọng trong chiến l- ược phát triển kinh tế xã hội của Cát Bà và của Hải Phòng, nhằm tạo động lực tăng tr- ởng kinh tế trong quá trình công nghiệp hoá - hiện đại hoá.

– Phát triển kinh tế biển trên cơ sở khai thác và sử dụng tốt nhất các giá trị vốn có của điều kiện tự nhiên trên quan điểm liên ngành nhằm phát triển tổng hợp, làm giàu nguồn tài nguyên, bảo vệ môi tr- ờng, cân bằng sinh thái để phát triển bền vững.

– Phát triển kinh tế biển h- ớng vào mục tiêu cơ cấu lại sản xuất phù hợp với giá trị tài nguyên để đầu t- chiều sâu vào các ngành kinh tế biển.

Mục tiêu phát triển: Mục tiêu cơ bản là xây dựng Hải Phòng, trong đó có huyện Cát Hải mà trung tâm là quần đảo Cát Bà trở thành một trong 3 trung tâm kinh tế biển của cả n- ớc, là cửa mở quan trọng của vùng duyên hải và đồng bằng Bắc Bộ.

H- ớng phát triển kinh tế biển:

– Khai thác nguồn tài nguyên đa dạng và phát triển du lịch, tạo nên một quần thể du lịch biển với những sản phẩm có sức cạnh tranh với tầm cỡ quốc gia và trong khu vực Đông Nam Á. Phát triển theo h- ớng du lịch sinh thái hỗn hợp rừng – biển ở đảo Cát Bà, biển - đồng bằng ở Phù Long – Cát Hải, thuận biển ở Bạch Long Vĩ.

– Phát triển đánh bắt, nuôi trồng đặc sản biển.

+ Thực hiện tốt 5 ch- ớng trình khuyến ng- ã đ- ợc Chính phủ phê duyệt, phổ cập các kiến thức cơ bản về phòng chống dịch bệnh, bảo vệ nguồn lợi và môi tr- ờng, khôi phục và làm giàu tài nguyên sinh vật. Phát triển nhanh các cơ sở hậu cần làm dịch vụ cho nghề cá vịnh Bắc Bộ.

+ Khai thác hải sản để tăng tỷ trọng ngoài khơi hiện nay, trên cơ sở đó có cơ cấu lại nghề nghiệp theo h- ớng chọn công nghệ mới có hiệu quả.

+ Nuôi trồng đặc sản, tiếp tục liên kết với Bộ Hải sản, ứng dụng công nghệ cao từ khâu sản xuất giống đến nuôi để khai thác 5.400ha mặt n- ớc mặn ở Cát Bà để nuôi ngọc trai, cá song, tôm biển. Bảo vệ khai thác hợp lý lâu bền nguồn lợi tu hài, bào ng- , hải sâm.

+ Mở rộng quy mô đầu t- òng bộ cụm hậu cần nghề cá Cát Bà. Tổ chức lại và trang thiết bị hiện đại mạng thông tin liên lạc đảm bảo phát triển nghề cá và làm tốt việc bảo vệ an ninh và chủ quyền trên biển.

– Phát triển tổng hợp các ngành kinh tế dịch vụ biển bao gồm:

+ Dịch vụ cho thủy thủ.

+ Cung ứng vật t- , l- ớng thực, n- ớc ngọt cho tàu biển, tàu cá.

+ Dịch vụ các hoạt động an toàn hàng hải (đảm bảo luồng lạch, hiện đại hoá hệ thống phao tiêu, trang thiết bị và hoạt động cứu hộ trên biển, dịch vụ bảo hiểm trong các lĩnh vực kinh tế biển...)

+ Thông tin liên lạc ven biển, phục vụ hàng hải và cho nghề cá.

+ Dịch vụ sửa chữa tàu cá.

– Bảo vệ, xây dựng các khu bảo tồn tự nhiên trên biển bao gồm:

+ Hệ thống rừng m- a trên núi đá vôi trên đảo Cát Bà, bảo vệ và phát triển hệ động thực vật quý trong VQG.

+ Khôi phục rừng ngập mặn trên khu vực Phù Long – Cái Viêng, tạo cảnh quan du lịch, khôi phục HST vùng bãi bồi ngập mặn và bảo vệ quỹ đất.

+ Bảo vệ và phát triển HST san hô, các bãi đặc sản (tu hài, bào ng-), các loại hải sản cộng sinh trong các rạn san hô tại khu vực đông nam đảo Cát Bà, Long Châu và Bạch Long Vĩ. Tăng c- ờng quản lý và nghiêm cấm việc khai thác hải sản bằng chất nổ và chất độc để bảo vệ cảnh quan tùng, áng, giữ gìn đa dạng sinh học cho sản xuất và phát triển du lịch.

– Xây dựng kết cấu hạ tầng để phát triển kinh tế xã hội và bảo vệ an ninh chủ quyền vùng biển:

+ Tiếp tục khai tuyến đ- ờng trên đảo trên cơ sở mở rộng và nâng cấp 38,2km từ cấp 6 lên cấp 4. Nâng cấp và làm mới 66km đ- ờng gắn với đ- ờng xuyên đảo (với tiêu chuẩn cấp 6 đ- ờng đồng bằng), xây dựng bến phà biển, tạo thành một mạng l- ới giao thông hoàn chỉnh, thông suốt đến các xã trên đảo. Nối với thành phố theo tuyến Đình Vũ – Cát Hải – Phù Long - đến thị trấn Cát Bà. Mở rộng nâng cấp đầu mối giao thông đối ngoại: cầu tàu bến Gót, bến Bèo, bến Tùng Vụng, bến Gia Luận. Xây dựng sân bay lên thẳng trên đảo Cát Bà.

+ Có một ch- ơng trình khai thác toàn diện nguồn n- ớc ngọt cho dân sinh và phát triển kinh tế dài hạn.

+ Triển khai xây dựng hệ thống kè mỏ hàn chống xói lở trên đảo trên 8 km đê bờ biển nam đảo Cát Hải.

+ Hoàn chỉnh l- ới điện hạ thế các xã và điểm dân c- , xây dựng hoàn chỉnh mạng thông tin liên lạc, truyền hình đến các xã.

+ Trên vùng biển đông nam Cát Bà có khu chuyển tải Trà Báu, dự kiến sẽ đ- ợc mở rộng. Đây cũng là khu vực trọng điểm phát triển du lịch và nuôi đặc hải sản. Vì vậy phải có ch- ơng trình liên ngành về bảo vệ môi tr- ờng nhằm khai thác tổng hợp có hiệu quả và bền vững nguồn tài nguyên của đảo.

* Định hướng phát triển du lịch huyện Cát Hải.

Dự báo các chỉ tiêu phát triển du lịch:

– Cơ sở để dự báo:

+ Quy hoạch tổng thể để phát triển du lịch Việt Nam thời kỳ 1995 – 2010, trong đó khu vực Hạ Long – Cát Bà được xác định là một trung tâm du lịch biển lớn của cả nước được ưu tiên đầu tư phát triển.

+ Tiềm năng du lịch của quần đảo Cát Bà.

+ Hiện trạng phát triển du lịch của đảo Cát Bà phù hợp với xu hướng của dòng khách quốc tế đến Việt Nam giai đoạn 1995 – 2010 và xu hướng của dòng khách du lịch nội địa không ngừng gia tăng trong bối cảnh nền kinh tế nước ta ổn định.

+ Các dự án đầu tư (cả trong và ngoài nước) về du lịch và các ngành liên quan đến du lịch ở Hải Phòng và Cát Bà đã được cấp giấy phép và các dự án trong kế hoạch kêu gọi vốn đầu tư.

+ Chủ trương của Đảng và Nhà nước trong việc điều chỉnh các chỉ tiêu phát triển chủ yếu của ngành du lịch cả nước đến năm 2020.

+ Dự báo mức độ tăng trưởng được tính toán với tốc độ tăng trưởng cao hơn hiện nay đáp ứng được các yêu cầu phát triển, phù hợp với xu thế phát triển chung và điều kiện hiện nay của nước ta. Tuy nhiên để có thể thực thi cần phải có sự đầu tư đồng bộ cho kết cấu hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch, các khu vui chơi – giải trí – thể thao, các cơ sở sản xuất hàng lưu niệm cho khách, các trung tâm đào tạo nghiệp vụ du lịch...

– Các chỉ tiêu cụ thể:

+ Khách du lịch:

Bảng 8 : Dự báo khách du lịch quốc tế đến Cát Bà đến năm 2020

Đơn vị: Nghìn người

Địa điểm	Chỉ tiêu	2000	2005	2010	2020
Hải Phòng	Số lượt khách	85	170	380	750
	Ngày lưu trú trung bình	3,0	3,2	3,4	4,0
	Tổng số ngày khách	255	545	1.290	3.000
Cát Bà	Số lượt khách	25	60	140	280
	Ngày lưu trú trung bình	1,1	1,2	1,5	2,0
	Tổng số ngày khách	27,5	72	210	560

Bảng 9 : Dự báo khách du lịch nội địa đến Cát Bà đến năm 2020

Địa điểm	Chỉ tiêu	2000	2005	2010	2020
Hải Phòng	Số lượt khách	720	1.400	1.900	3.200
	Ngày lưu trú trung bình	0,7	0,9	1,1	1,4
	Tổng số ngày khách	500	1.250	2.000	4.400
Cát Bà	Số lượt khách	95	220	380	800
	Ngày lưu trú trung bình	0,8	1,0	1,2	1,5
	Tổng số ngày khách	76	220	456	1.200

(Nguồn: Sở xây dựng Hải Phòng – Viện quy hoạch)

+ Doanh thu từ du lịch:

Doanh thu từ du lịch bao gồm tất cả các khoản thu mà do khách du lịch chi trả như: doanh thu từ lưu trú, ăn uống, vận chuyển, mua sắm hàng hoá và các dịch vụ bổ sung khác như: bưu điện, ngân hàng, y tế, bảo hiểm, dịch vụ vui chơi giải trí...

Bảng 10 : Dự báo doanh thu từ du lịch của Cát Bà đến năm 2020

Đơn vị: triệu USD

Địa điểm	Chỉ tiêu	2000	2005	2010	2020
Hải Phòng	Doanh thu từ du lịch quốc tế	17,03	38,54	101,36	282,86
	Doanh thu từ du lịch nội địa	4,71	13,75	25,14	69,14
	Tổng cộng	21,74	53,29	126,50	352,00
Cát Bà	Doanh thu từ du lịch quốc tế	0,53	2,57	15,00	48,00
	Doanh thu từ du lịch nội địa	0,81	3,93	9,77	34,29
	Tổng cộng	1,34	6,5	24,77	82,29

(Nguồn : Sở du lịch Hải Phòng)

+ Dự báo khả năng đóng góp GDP du lịch cho nền kinh tế của địa phương và nhu cầu vốn đầu tư :

Bảng 11: Dự báo giá trị GDP và vốn đầu tư - phát triển ngành du lịch ở Cát Hải đến năm 2020

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	2000	2005	2010	2020
1	Tổng doanh thu của du lịch	Tỷ VND	18,83	91,00	346,80	1.152,00
2	Tổng giá trị GDP du lịch	Tỷ VND	13,18	59,15	225,42	748,80
3	Nhịp độ tăng trưởng trung bình GDP du lịch	%/năm	61,71	35,02	30,68	12,76
4	Tổng nhu cầu vốn đầu tư cho du lịch	Tỷ VND	46,1	155,5	507,6	1.235,6

(Nguồn : Viện nghiên cứu và phát triển Du lịch Hải Phòng)

+ Nhu cầu khách sạn:

Để đón tiếp và phục vụ được số lượng khách du lịch đến Cát Bà giai đoạn 1998 – 2010 và đến 2020 theo dự báo thì vấn đề dự báo và đầu tư xây dựng các cơ sở lưu trú là yêu cầu rất quan trọng, bởi nó liên quan đến vấn đề vốn đầu tư và hiệu quả kinh doanh khách sạn. Đầu tư quá nhiều sẽ gây nên tình trạng cung khách sạn vượt quá cầu. Còn nếu đầu tư quá ít sẽ không đáp ứng được nhu cầu của khách, không lưu giữ được khách lưu trú dài ngày và chi tiêu nhiều trong thời gian lưu trú.

Bảng 12 : Dự báo nhu cầu khách sạn Cát Bà đến năm 2020

Đơn vị tính : phòng

Địa điểm	Chỉ tiêu	2000	2005	2010	2020
Hải Phòng	Doanh thu từ du lịch quốc tế	700	1.360	2.950	6.300
	Doanh thu từ du lịch nội địa	900	2.100	3.050	6.200
	Tổng cộng	1.600	3.460	6.000	12.500
Cát Bà	Doanh thu từ du lịch quốc tế	70	250	650	1.600
	Doanh thu từ du lịch nội địa	386	550	850	1.710
	Tổng cộng	456	800	1.500	3.310

(Nguồn : Sở xây dựng Hải Phòng – Viện quy hoạch)

Khách du lịch nội địa đến Cát Bà phần lớn là khách đi nghỉ theo gia đình và thanh niên đi theo nhóm, do đó số người nghỉ trong một phòng hoặc một căn hộ thường lên tới 3 – 4 người. Chính vì vậy trong tương lai, khi xây dựng khách sạn cần cân nhắc việc thiết kế các căn hộ hoặc phòng có nhiều giường cho đối tượng du lịch là các gia đình, nhóm thanh niên. Từ đó số phòng nội địa được tính toán với mức số giường tương ứng trong một phòng hoặc một căn hộ sẽ là 2 – 4 giường. Còn đối với phòng quốc tế trung bình một phòng có từ 1,5 – 2,0 giường là phù hợp với xu thế chung.

+ Nhu cầu lao động:

Nhu cầu lao động du lịch của Cát Bà phải tính đến tính đặc thù của huyện đảo và tính chất mùa vụ của hoạt động kinh doanh du lịch. Lao động trực tiếp bằng số phòng của khách sạn nhân với hệ số 1,6 và lao động gián tiếp bằng 1,8 lần số lao động trực tiếp. Trong mùa du lịch chính có thể thuê thêm các lao động thời vụ theo tính chất công việc.

Bảng 13 : Dự báo nhu cầu lao động huyện đến năm 2020

Đơn vị: ngàn người

Địa điểm	Chỉ tiêu	2000	2005	2010	2020
Hải Phòng	Lao động trực tiếp trong du lịch	3,20	6,92	12,00	25,00
	Lao động gián tiếp ngoài xã hội	7,04	15,22	26,40	55,00
	Tổng cộng	10,24	22,14	38,40	80,00
Cát Bà	Lao động trực tiếp trong du lịch	0,73	1,35	2,40	5,30
	Lao động gián tiếp ngoài xã hội	1,31	2,58	4,32	9,53
	Tổng cộng	2,04	3,93	6,72	14,83

(Nguồn : Sở xây dựng Hải Phòng – Viện quy hoạch)

Định hướng phát triển du lịch huyện Cát Hải.

– Định hướng phát triển tổng quát:

+ Quần đảo Cát Bà là nơi hội tụ các nguồn tài nguyên (tài nguyên tự nhiên: rừng quốc gia, núi, biển với các tùng, áng, hang động...lấn tài nguyên nhân văn: các lễ hội truyền thống, làng nghề, các di chỉ khảo cổ...) để phát triển du lịch. Trong chiến lược phát triển du lịch của cả nước thời kỳ 1995 – 2010, khu vực Hạ Long – Cát Bà được xác định là 1 trong 5 trung tâm du lịch biển lớn được ưu tiên đầu tư phát triển. Đồng thời, trong chiến lược phát triển kinh tế – xã hội của vùng kinh tế trọng điểm phía bắc và của thành phố Hải

Phòng, du lịch cũng đ- ọc xem là ngành kinh tế quan trọng. Phát triển nhanh ngành du lịch góp phần tích cực vào quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế huyện đảo và thành phố Hải Phòng theo h- ớng tăng dần tỷ trọng ngành th- ơng mại – dịch vụ. Tăng nhanh tỷ trọng GDP du lịch trong cơ cấu kinh tế của địa ph- ơng tr- ớc hết nhằm mục đích:

- Tạo ra nhiều công ăn việc làm cho ng- ời lao động, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân.

- Phát huy các nguồn nội lực phục vụ phát triển du lịch, từ đó tạo điều kiện giữ gìn và phát huy truyền thống bản sắc dân tộc; tôn tạo, bảo vệ các di tích lịch sử văn hoá; khôi phục các lễ hội, làng nghề truyền thống, giữ gìn cảnh quan, môi trường sinh thái...

- Tạo động lực thúc đẩy các ngành kinh tế khác cùng phát triển.

– Định h- ớng phát triển sản phẩm:

+ Sản phẩm du lịch:

- Tham quan thắng cảnh.

- Tham quan nghiên cứu VQG, các di tích lịch sử văn hoá.

- Nghỉ d- ỡng tắm biển, vui chơi, giải trí

- Thể thao trên biển, trên núi, câu cá, lặn biển.

+ Các h- ớng khai thác chủ yếu:

- Du lịch sinh thái, mạo hiểm.

- Du lịch nghỉ d- ỡng, giải trí.

- Du lịch tham quan danh thắng đất liền và trên biển.

- Du lịch thể thao biển.

- Du lịch leo núi thám hiểm hang động.

+ Định h- ớng phát triển thị tr- ờng khách du lịch.

Khách quốc tế:

Khách du lịch quốc tế đến Cát Bà phần lớn là khách châu Âu và Bắc Mỹ (nhiều nhất là khách Pháp, Đức, Mỹ, Anh, Italy...). Thông thường khách quốc tế đến Cát Bà theo tour du lịch Hà Nội – Hải Phòng – Quảng Ninh hoặc

Hà Nội – Quảng Ninh – Hải Phòng. Mục đích chính của họ là để tham quan VQG, tham quan vịnh và tắm biển.

Căn cứ vào nhu cầu, đặc điểm tâm lý xã hội của khách du lịch Châu Âu và Bắc Âu có thể phân loại thị trường khách quốc tế đến Cát Hải và các chiến lược kèm theo như sau:

Thị trường Châu Âu: thuộc nhiều thành phần với những lứa tuổi khác nhau từ thanh niên và những người nghỉ hưu. Các sản phẩm du lịch bao gồm: du lịch sinh thái mạo hiểm; du lịch văn hoá, lịch sử; du lịch nghỉ dưỡng; chiêm ngưỡng thấp; du lịch mạo hiểm: nhảy dù, lặn biển...

Thị trường khách Bắc Mỹ: luôn là thị trường có khả năng thanh toán rất cao và đòi hỏi chất lượng dịch vụ cũng rất cao, Cát Bà có thể cung cấp các sản phẩm chính: du lịch sinh thái, du lịch tham quan vịnh, du lịch tưởng niệm (thăm lại các địa danh từng là mục tiêu đánh giá trong thời kỳ chiến tranh đối với các cựu binh).

Chiến lược thị trường: tăng cường quảng cáo và thông tin rộng rãi, thiết kế các tour du lịch sinh thái, du lịch thiên nhiên.

Một hướng quan trọng khác là tăng cường phối kết hợp với Quảng Ninh để tuyên truyền quảng cáo nhằm khai thác lợi thế của cả 2 địa danh, tăng độ hấp dẫn và từ đó tăng khả năng thu hút khách, phát huy tối đa tiềm năng của tuyến du lịch dải ven biển Đông Bắc theo tuyến Hạ Long – Cát Bà; Tuần Châu – Gia Luận – Cát Bà.

Thị trường khách nội địa:

Khách nội địa đến Cát Bà ngày càng đa dạng về lứa tuổi, nhiều thành phần khác nhau. Những đối tượng thị trường chính như sau:

- Khách tham quan, nghỉ dưỡng biển đến từ Hà Nội và các tỉnh phía Bắc.
- Khách nghỉ cuối tuần bao gồm dân cư địa phương Hải Phòng, Quảng Ninh và khu vực lân cận đi nghỉ dưỡng.
- Khách đi tour trọn gói nối từ Hà Nội – Hải Phòng – Quảng Ninh từ Hà Nội và các tỉnh phía Nam.
- Khách nghỉ tuần trăng mật.

- Thanh niên, học sinh địa phương, Hà Nội và vùng phụ cận
- Dân cư ở các địa phương đi lại thăm viếng nhau.

Khách du lịch nội địa đến đây chủ yếu để nghỉ dưỡng, tham quan vịnh, khách du lịch thanh niên còn có thêm tuyến đi tham quan VQG và đi xuyên đảo.

Chiến lược thị trường: đưa vào khai thác thêm các bãi tắm, tổ chức các loại hình thể thao, vui chơi giải trí, thể thao nước..., thiết lập các văn phòng đại diện ở các địa phương khác như Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh...liên kết với các công ty lữ hành, có chính sách ưu tiên thu hút khách đến ngoài mùa vụ cao điểm, tăng cường các biện pháp giữ gìn trật tự, an ninh và vệ sinh môi trường.

* Định hướng phát triển không gian:

- Đảm bảo nguyên tắc
- + Nguyên tắc mềm dẻo và cơ động đáp ứng được nhịp độ tăng trưởng (dân số, kinh tế, không gian) của vùng đô thị mở cửa với sự dự phòng đột biến cao.

- + Đô thị được thiết kế theo nguyên tắc phân vùng đầu tư với các chỉ tiêu, chất lượng môi trường khác nhau. Các khu này được gắn kết với nhau trong hệ thống đa trung tâm công cộng, giao thông và hạ tầng kỹ thuật thống nhất đảm bảo sự cùng tồn tại và phát triển của các khu trong môi trường đô thị đồng nhất.

- + Nguyên tắc phát triển đô thị theo các chương trình đầu tư có mục tiêu được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên có trọng điểm.

- + Nguyên tắc gắn kết hài hòa đô thị với khung cảnh thiên nhiên.

- Những quan điểm cụ thể.

- + Gắn chặt các quy hoạch phát triển không gian của huyện với quy hoạch tổng thể toàn thành phố, đáp ứng sự nghiệp hiện đại hoá, kết hợp sự phát triển đô thị với phát triển nông nghiệp nông thôn mới.

- + Phát triển không gian gắn với bảo vệ môi trường sinh thái, khai thác có hiệu quả tiềm năng về sinh thái biển và văn hoá cổ.

- + Quy hoạch phát triển không gian kinh tế xã hội phải gắn với mục tiêu bảo vệ chủ quyền vùng biển, giữ vững an ninh quốc phòng.

+ Nội dung bố cục cơ cấu các khu chức năng quán triệt theo các quan điểm toàn diện nh- sau:

- D- ối góc độ nghiên cứu lịch sử, xã hội và văn hoá cổ.
- D- ối góc độ bảo tồn cảnh quan thiên nhiên và môi tr- ờng sinh thái.
- D- ối góc độ nghiên cứu phát triển trong xu thế đổi mới kinh tế.
- Định h- ớng phát triển toàn bộ không gian toàn huyện Cát Hải theo mô hình tuyến dải dọc trục đ- ờng xuyên đảo từ Ninh Tiếp – Cát Hải tới thị trấn Cát Bà. Với các chức năng là khu đô thị – khu dân c- nông thôn kết hợp với các loại hình du lịch phù hợp trong từng vùng.
- Định h- ớng quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020.

– Ph- ơng án 1:

Dự kiến 5 vùng đô thị là: Thị trấn Cát Bà, thị trấn Cát Hải, thị tứ Xuân Đám, thị tứ Phù Long, VQG Cát Bà.

Quy mô dân số hiện là: 17.222 ng- ời. Dự kiến tới 2020 là 29.550 ng- ời.

Quy mô đất đai hiện có là: 274,26ha. Dự kiến tới 2020 là 540ha.

Dự kiến 5 điểm dân c- nông thôn đặc thù: Cụm dân c- kinh tế biển bao gồm các xã: Đồng Bài, Văn Phong, Nghĩa Lộ, Trân Châu, Hiền Hào, Gia Luận, Việt Hải.

Quy mô dân số hiện nay có là 7.950 ng- ời. Dự kiến tới 2020 là 9.379 ng- ời.

Quy mô đất đai hiện có là 185,74ha. Dự kiến tới năm 2020 là 214ha.

– Ph- ơng án 2:

Dự kiến 4 vùng đô thị là: thị xã Cát Bà bao gồm: thị trấn Cát Bà, xã Trân Châu, xã Xuân Đám, thị trấn Cát Hải, thị tứ Phù Long, VQG Cát Bà.

Quy mô dân số hiện có là 18.377 ng- ời. Dự kiến 2020 là 30.900 ng- ời.

Quy mô đất đai hiện có là 337,95ha. Dự kiến tới 2020 là 604ha.

Dự kiến 4 điểm nông thôn đặc thù: cụm dân c- kinh tế biển bao gồm các xã: Đồng Bài, Hoàng Châu, Nghĩa Lộ, Văn Phong, Hiền Hào, Gia Luận, Việt Hải.

Quy mô dân số hiện có là 6.600 ng- ời. Dự kiến năm 2020 là 8.224 ng- ời.

Quy mô đất đai hiện có là 122,05ha. Dự kiến năm 2020 là 150ha.

3.2. CÁC GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN DU LỊCH SINH THÁI Ở KDTSQTG CÁT BÀ

3.2.1. Giải pháp về tổ chức quản lý

– KDTSQTG Cát Bà đ- ợc UNESCO công nhận bao gồm nhiều phân khu khác nhau. Việc khai thác, phát triển nh- ng không phá vỡ và làm mất đi cân bằng sinh thái của cả 3 khu vực là một nhiệm vụ quan trọng. Với việc khu dự trữ đ- ợc chia làm 3 vùng riêng biệt thì ở mỗi vùng sẽ phải thiết lập một hệ thống quản lý khác nhau, đồng thời phân chia rõ trách nhiệm về du lịch ở các khu bảo vệ cho cơ quan chịu trách nhiệm.

+ Vùng lõi là vùng phải đ- ợc quản lý và bảo vệ một cách nghiêm ngặt, không có tác động của con ng- ời trừ việc nghiên cứu và giám sát. Do vậy, cần áp dụng những chính sách quản lý và quy định thật nghiêm và chặt chẽ nh- quy định đối với vùng lõi VQG hiện nay.

+ Vùng đệm là vùng có chức năng phát triển điều hoà, phát triển trên cơ sở tôn trọng hiện trạng tức là không làm tổn th- ơng đến môi tr- ờng, và có những khu vực cần bảo tồn ở các mức độ khác nhau. Vùng đệm của KDTSQ Cát Bà th- ờng là những vùng xa xôi, có các bãi biển đẹp, chiếm phần lớn diện tích quần đảo Cát Bà. Ở khu vực này, ta có thể áp dụng các kế hoạch quản lý nh- sau:

- Giao cho tư nhân đầu tư quản lý theo sự hướng dẫn của Ban quản lý KDTSQ.

- Thực hiện các phương án giao đất giao rừng, hỗ trợ cho nông dân, vận động nông dân phát triển kinh tế, kết hợp các hoạt động du lịch sinh thái một cách hợp lý.

- Mọi hoạt động của du khách trong vùng đệm phải có giấy phép hoặc visa nhập cảnh, nói rõ thời gian l- u lại, nơi đến kể cả địa điểm cắm trại, nơi nghỉ trọ (trong rừng hoặc nhà dân...).

- Thành lập hiệp hội du lịch đến các xã để cùng nhau thống nhất việc phát triển và bảo tồn tài nguyên du lịch, thống nhất các hoạt động dịch vụ du

lịch như: bán hàng lưu niệm, cho thuê phòng trọ, hướng dẫn du lịch... đảm bảo vệ sinh môi trường và phát triển bền vững.

+ Vùng chuyển tiếp là vùng vẫn được phép duy trì các hoạt động kinh tế. Đây là vùng mà cộng đồng dân cư địa phương và các tổ chức đều có thể tham gia trong việc khai thác các giá trị của vùng để phát triển kinh tế và du lịch. Việc tổ chức quản lý ở khu vực này, do đó, cần phải có sự phối hợp chặt chẽ giữa các bên tham gia nhằm thực hiện mục tiêu phát triển khu vực một cách bền vững.

Điều quan trọng nhất là các cấp ngành quản lý của Nhà nước, thành phố và địa phương cần ban hành ngay những cơ chế chính sách cùng các điều khoản quy định rõ trách nhiệm của các tổ chức, quy định giới hạn phát triển cho từng khu vực để vừa có thể phát triển kinh tế đem lại lợi ích cho cộng đồng, vừa bảo tồn, tôn tạo các giá trị của tự nhiên theo quy định quốc tế. Các bộ phận quản lý của các khu vực sẽ có nhiệm vụ tham gia đề xuất các chiến lược quản lý, xây dựng các quy định về cơ chế quản lý. Trong đó quy định các hình thức thưởng, phạt một cách cụ thể, phù hợp đối với việc bảo vệ và phát triển tại khu dự trữ. Các chính sách này cũng phải đưa ra những hình thức xử lý đối với những hành vi gây hại đến môi trường trong khu vực. Đây là một trong những biện pháp tích cực để nâng cao trách nhiệm của các tổ chức cá nhân tham gia, bảo vệ được tính toàn vẹn của KDTSQ Cát Bà.

– Có những chính sách và cơ chế để đào tạo và nâng cao trình độ nghiệp vụ cho cán bộ công nhân viên trong ngành về phương thức quản lý, các phương pháp nghiên cứu khoa học, bồi dưỡng trình độ ngoại ngữ, phát huy tính chủ động sáng tạo để có thể đề xuất và giải quyết được những vấn đề có tính chiến lược.

3.2.2. Giải pháp về tăng cường hợp tác và kêu gọi vốn đầu tư

– Hoạt động của ngành du lịch có tính chất liên ngành nên sự phối hợp giữa các ngành liên quan là cần thiết và đảm bảo sự bền vững của ngành. Cần tăng cường việc liên kết và hợp tác quốc tế nhất là khi KDTSQ Cát Bà đã được công nhận là một thành viên trong các KDTSQTG. Việc liên kết này sẽ giúp

Cát Bà học hỏi đ- ọc những bài học kinh nghiệm cũng nh- nhận đ- ọc các nguồn vốn đầu t- , hỗ trợ cho việc phát triển du lịch và bảo vệ môi tr- ờng một cách bền vững, đem lại những lợi ích lâu dài.

– Vừa qua, tại hội thảo hợp tác phát triển du lịch Hải Phòng 2008, các đại biểu tham dự đã cùng đánh giá một cách khách quan tiềm năng du lịch của Hải Phòng trong thời gian qua. Đại diện Bộ Văn hoá thông tin du lịch, Sở văn hoá thông tin du lịch các tỉnh, thành phố đã đ- a ra nhiều ý kiến đóng góp vào sự phát triển ngành du lịch thành phố. Ban quản lý KDTSQTG Cát Bà cũng nên tổ chức những buổi hội thảo nh- thế này để thu thập những ý kiến đóng góp từ các địa ph- ong khác; đồng thời cũng là một cơ hội quảng bá cho du lịch khu vực.

– Tạo môi tr- ờng đầu t- thuận lợi hơn nữa để thu hút vốn đầu t- không chỉ với các doanh nghiệp trong n- ớc mà cả với những tổ chức n- ớc ngoài. Có những chính sách - u tiên vay vốn - u đãi, miễn giảm thuế trong các năm đầu cho các dự án, công trình đầu t- phát triển du lịch sinh thái.

– Xây dựng và ban hành nhiều cơ chế, chính sách - u đãi, khuyến khích để thu hút nhân tài, các nhà khoa học, các chuyên gia làm việc cho các dự án phát triển du lịch sinh thái tại KDTSQ. Bên cạnh đó cần có các chính sách - u tiên tuyển dụng những ng- ời dân địa ph- ong trong khu vực khu dự trữ để tạo việc làm và nâng cao chất l- ượng cuộc sống cho họ. Việc làm này sẽ góp phần hạn chế đ- ọc những tiêu cực mà ng- ời dân trong vùng gây ra cho môi tr- ờng sinh thái tự nhiên.

Du khách đến với Cát Bà sẽ có nhiều tua tuyến nh- đi bộ, đi thuyền, leo núi phục vụ mọi yêu cầu. Du khách có nhiều điều kiện để ngắm cảnh sắc thiên nhiên, chinh phục các đỉnh cao...Tuy nhiên, hiện trạng cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật còn nghèo nàn đang là trở ngại cho hoạt động này. Với thực trạng đầu t- nh- hiện nay, phát triển du lịch sinh thái tại VQG Cát Bà chắc chắn còn nhiều trở ngại. Để phát huy tiềm năng du lịch sinh thái, một trong những vấn đề cần đ- ọc quan tâm đó chính là hiệu quả thu hút đầu t- . Vấn đề này cần huy động mọi thành phần kinh tế, huy động mọi nguồn lực, nguồn

vốn trong dân cùng phối hợp với Ngân sách Nhà nước. Ngoài ra, cần có kế hoạch kêu gọi viện trợ đầu tư từ nước ngoài và các tổ chức quốc tế.

3.2.3. Giải pháp về môi trường

Để quản lý và bảo vệ tốt môi trường tự nhiên của KDTSQTG Cát Bà, phát triển các loại hình du lịch sinh thái một cách hiệu quả, các cơ quan chức năng cùng với các tổ chức, cá nhân phải tuân thủ và áp dụng theo đúng các nguyên tắc chỉ đạo về du lịch sinh thái. Nguyên tắc này bao gồm nhiều đối tượng có tham gia vào hoạt động du lịch sinh thái như: khách du lịch, các nhà điều hành, hướng dẫn viên du lịch, các cơ sở kinh doanh lưu trú và ăn uống, các nhà quản lý

Công việc quan trọng đầu tiên là phải tiến hành quản lý, giới hạn và điều tiết lượng khách đến, tuân thủ các quy định về sức chứa để tránh gây những ảnh hưởng xấu đến môi trường tự nhiên.

Trước khi thực hiện công tác này cần lập hệ thống nghiên cứu, tính toán về khả năng tải, cũng như sự nhạy cảm của môi trường khu vực. Số lượng một đoàn khách nên giới hạn trong khoảng 20 người. Đối với các đoàn khách đông nên chia nhỏ thành nhiều nhóm, chú ý điều tiết lượng khách cho phù hợp để tránh sự tập trung quá đông tại một điểm du lịch. Đối với du lịch sinh thái biển cũng cần phải tôn trọng các quy định về sức chứa, nên hạn chế số lượng người cho phù hợp với khả năng tải của các bãi biển. Để có thể thực hiện được tốt quy định này, cần có sự phối hợp thực hiện một cách chặt chẽ và đồng bộ giữa các nhà quản lý, các nhà điều hành, hướng dẫn viên, ban quản lý điểm du lịch cũng như ý thức của cá nhân mỗi du khách.

Thực tế, có rất ít điểm du lịch sinh thái thực hiện được mức chuẩn về số lượng trên, đặc biệt là đối với những đoàn khách nội địa. Hiện nay, khách du lịch đến Cát Bà chủ yếu tập trung ở bãi tắm và đi tham quan VQG. Với lượng khách ngày càng đông như hiện nay thì khó có thể kiểm soát được hết. Phương án tốt nhất là phát tích kê cho khách với một số lượng nhất định theo khả năng tải của vịnh để có thể kiểm soát được lượng khách ra vào. Đối với các bãi tắm thì ngoài việc điều tiết lượng khách thì cần khai thác thêm một số

bãi tắm mới. Như vậy vừa có thể đáp ứng được nhu cầu của khách, vừa giảm ảnh hưởng đến chất lượng môi trường.

Có thể lấy ví dụ tại bãi tắm Cát Cò I, bãi tắm này có chiều dài khoảng 100m. Lượng khách vào mùa cao điểm có khi lên tới 1.000 – 1.500 người/ngày, tính trung bình là 10 – 15 người/m dài bờ biển. Với mật độ này thì môi trường và chất lượng bãi tắm sẽ khó có thể được đảm bảo và điều này cũng gây ảnh hưởng đến chính bản thân khách du lịch. Do đó, nên có những biện pháp tích cực hạn chế số lượng khách đến bãi tắm chỉ từ 400 – 500 người/ngày tức là 4 – 5 người/m dài bờ biển. Tuy nhiên vấn đề đặt ra là làm thế nào để có thể giảm được lượng người khi khách đến Cát Bà ngày càng gia tăng.

Số lượng khách giảm tức là nhu cầu du lịch giảm và yếu tố tác động mạnh nhất đến cầu du lịch là yếu tố giá. Căn cứ vào thực tế này, có thể vận dụng để điều tiết lượng khách đến Cát Bà. Giảm lượng khách bằng cách tăng giá cả của các dịch vụ và mức tăng này sẽ được điều chỉnh đến khi còn lại một lượng khách phù hợp nhất với khả năng tải của các bãi biển. Tuy nhiên việc tăng giá cũng đồng thời với việc phải đảm bảo chất lượng của các dịch vụ. Cách làm này mang lại nguồn thu lớn cho kinh tế địa phương đồng thời đảm bảo được chất lượng môi trường, phù hợp với những mục tiêu của phát triển du lịch bền vững.

Cho tới nay, các tour du lịch sinh thái chủ yếu vẫn tập trung trong khu vực VQG, bao gồm các tour chính là:

- Trung tâm vườn – rừng Kim giao: dài 1 km, thời gian đi bộ 30 phút.
- Trung tâm vườn - đỉnh Ngự Lâm: dài 1,5 km, thời gian đi bộ 1 giờ.
- Trung tâm vườn - động Trung Trang: dài 3,5 km, thời gian đi bộ 2 giờ.
- Trung tâm vườn – Ao Éch: dài 5 km, thời gian đi bộ 2,5 giờ.
- Trung tâm vườn – Ao Éch – làng Việt Hải – vịnh Lan Hạ: đây là một chuyến tham quan khép kín để thưởng thức phong cảnh rừng, biển, đảo và các bãi tắm ngoài khơi.
- Trung tâm vườn – Mây Bùn – Khe Sâu: dài 5,5m, thời gian đi bộ khoảng 3,5 giờ.

–Tuyến du lịch sinh thái biển: thăm vịnh Lan Hạ, trên đ- ờng đi có thể thăm các khu nuôi trai ngọc, cá bè, tắm biển ở các bãi Vạn Bội, Cát Dứa, Ba Trái Đào hay lặn biển để quan sát san hô, các loài sinh vật biển. Thời gian đi tuyến biển từ 3 – 6 giờ bằng tàu hoả.

Trong các tuyến trên thì 3 tuyến đầu th- ờng tập trung một l- ượng lớn khách du lịch do thời gian phù hợp và tuyến đ- ờng t- ờng đối dễ đi. Trong giai đoạn tới đây, để giảm số l- ượng du khách, tránh tập trung quá đông tại các tuyến này, cần phải mở rộng tiếp tục khai thác các tuyến du lịch sinh thái mới như xây dựng mô hình sinh thái tại xã Việt Hải, Gia Luận...

Bên cạnh đó, để có thể đảm bảo vệ sinh môi tr- ờng tại các điểm du lịch thì chính quyền địa ph- ơng cùng Ban quản lý VQG, ban quản lý vịnh và các bãi tắm cần có những biện pháp thu gom, xử lý kịp thời nguồn rác thải và n- ớc thải hàng ngày. Cần tăng c- ờng giáo dục về ý thức và trách nhiệm môi tr- ờng cho ng- ời dân và khách du lịch, đồng thời phải xử lý thật nghiêm đối với những hành vi gây ô nhiễm môi tr- ờng. Nhanh chóng quy hoạch và xây dựng lại các bãi rác với các trang thiết bị xử lý hiện đại. Việc chôn cất, xử lý rác thải phải đảm bảo quy định không gây ô nhiễm môi tr- ờng, xa nguồn n- ớc, xa nơi ở của các loài động vật, của ng- ời dân cũng nh- ư nơi l- u trú của khách du lịch.

Cần lắp đặt thêm các biển h- ướng dẫn, nhắc nhở khách bỏ rác đúng nơi quy định, đặt thêm các thùng thu gom rác thải. Các ph- ơng tiện vận chuyển trên biển cần có các hệ thống đựng rác để tránh tình trạng ng- ời dân hay du khách vứt rác và các đồ phế thải xuống biển. Riêng đối với khu vực VQG cần phải bố trí các thùng rác hợp lý trên các tuyến đi dẫn vào v- ườn hay trên các điểm nghỉ. Thực tế hiện nay các thùng rác của v- ườn vẫn ch- a hợp lý cả về hình thức và tính tiện lợi khi sử dụng. Do vậy cần thiết kế những thùng rác có kiểu dáng và màu sắc hài hoà với thiên nhiên, đảm bảo vệ sinh, có lỗ thoát n- ớc ở phía d- ưới, có nắp đậy, đồng thời dễ sử dụng và thu gom.

Tăng c- ờng hệ thống thông tin về môi tr- ờng nhằm h- ướng dẫn khách thực hiện quy định về bảo vệ môi tr- ờng, đồng thời cảnh báo cho khách biết

tình trạng môi trường và trách nhiệm của mỗi cá nhân; bố trí thêm các khu vệ sinh công cộng.

Chính quyền địa phương cần xây dựng nếp sống văn minh trong cộng đồng địa phương để họ tự giác chấp hành quy chế bảo vệ môi trường biển, không xả rác bừa bãi, hạn chế chất thải rắn qua xử lý ra môi trường; có chế tài cho các công trình xây dựng ven biển, hoạt động du lịch, dịch vụ, vui chơi giải trí ven biển, trên biển bắt buộc phải có hệ thống xử lý chất thải, bảo đảm nước thải không gây ô nhiễm theo quy định; có các biện pháp mạnh nhằm xử lý nghiêm khắc đối với những người vi phạm về luật bảo vệ môi trường.

Ngoài ra, cần kiểm soát chặt chẽ nguồn thực phẩm khi khách du lịch mang vào VQG. Có thể sử dụng phương pháp đặt cọc vỏ bao bì, vỏ lon để kiểm soát số lượng rác thải, hạn chế việc bỏ lại rác trong khu vực ven.

Hiện nay ở khu vực VQG đã thành lập Trung tâm giáo dục môi trường. Trong tương lai cần tiếp tục thực hiện tốt chức năng của trung tâm, góp phần giáo dục ý thức du khách đối với vấn đề bảo vệ cảnh quan môi trường khu vực.

Tóm lại, việc đề ra tất cả các tiêu chí, giải pháp nhằm bảo vệ môi trường trên cần phải cụ thể, rõ ràng và phù hợp với điều kiện thực tế, động viên được các doanh nghiệp du lịch, khách du lịch và cộng đồng dân cư cùng tham gia thì mới có thể đạt được kết quả cao trong quá trình triển khai thực hiện.

3.2.4. Giải pháp về quy hoạch và xây dựng

Thực tế hiện nay, do vấn đề nhận thức và tiếp cận du lịch sinh thái ở nước ta còn khá mới mẻ, vì vậy, việc quy hoạch du lịch sinh thái ở các điểm du lịch trong đó có Cát Bà vẫn chưa được triển khai một cách toàn diện và đầy đủ.

Vào giai đoạn đầu, du lịch Cát Bà phát triển một cách tự phát, thiếu quy hoạch. Quá trình xây dựng diễn ra tràn lan, không theo một trật tự, một quy định cụ thể nào đã làm cho cảnh quan và môi trường tự nhiên của quần đảo này bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Hiện nay, Cát Bà đang được đánh giá là một địa điểm rất thuận lợi cho cả hoạt động du lịch sinh thái biển đảo và du lịch sinh thái vùng núi. Do vậy, để phát huy được những thế mạnh và tiềm năng sẵn có của mình, Cát Bà cần phải có những giải pháp về quy hoạch chi tiết,

quy hoạch cụ thể nhằm đem lại hiệu quả và lợi ích lâu dài. Để có thể làm tốt công tác này cần thiết phải dựa trên những nguyên tắc nhất định.

Vấn đề phải làm đầu tiên, tr-ớc khi tiến hành quy hoạch, là cần phải có những nghiên cứu cụ thể để đánh giá các tác động mà quá trình quy hoạch có thể gây ra cho môi tr-ờng. Quá trình này bao gồm các b-ớc:

- Phân tích hiện trạng ban đầu của các điểm phong cảnh và môi tr-ờng.
- Phân tích những biến đổi về môi tr-ờng khi các dự án quy hoạch đ-ợc thực hiện.
- Đề ra những biện pháp nhằm loại trừ, giảm thiểu và nếu có thể thì đền bù những hậu quả làm h- hại môi tr-ờng mà những công trình đó gây ra.

Dựa vào những nghiên cứu đó, ta tiến hành quy hoạch và xây dựng các công trình sao cho vừa đảm bảo các lợi ích kinh tế, vừa đảm bảo đ-ợc cảnh quan, tài nguyên và môi tr-ờng khu vực.

Đối với từng khu vực, nên đ- a ra những mô hình quy hoạch và xây dựng riêng cho phù hợp. Đặc biệt hiện nay khi KDTSQ Cát Bà đ-ợc chia thành 3 vùng thì việc phát triển du lịch sinh thái sẽ đ-ợc triển khai thực hiện ở các mức độ khác nhau sao cho phù hợp nhất với tiêu chí phát triển của từng vùng.

****Quy hoạch du lịch biển***

- Cần phân đới để sử dụng và bảo vệ. Thông th-ờng th-ờng có 3 đới:
 - + Đới bảo vệ tuyệt đối cách mép thủy triều lên từ 100 – 500m.
 - + Đới dành cho phát triển du lịch.
 - + Vùng đệm.
- Các công trình xây dựng ở biển phải có quy mô nhỏ và vừa, độ cao vừa phải, không nên cao quá 3 tầng. Khách sạn có cửa sổ h-ớng ra biển, kiến trúc và diện mạo hợp với tự nhiên và phải cách mép n-ớc biển từ 100m trở ra.
 - Xây dựng các hệ thống xử lý n-ớc thải và thiết bị thu gom hợp lý.
 - Xây dựng các bến tàu du lịch, các ph-ơng tiện nhằm phát triển các loại hình du lịch biển đồng thời chú ý đầu t- những trang thiết bị cần thiết cho công tác cứu hộ, cứu nạn.

*** Quy hoạch du lịch núi**

– Phân khu vực để phát triển và bảo vệ bao gồm:

+ Khu bảo vệ nghiêm ngặt

+ Khu dành cho du lịch

+ Vùng đệm (tái tạo và bảo vệ)

– Xây dựng các cơ sở hạ tầng quy mô vừa và nhỏ, hạn chế về diện tích xây dựng nh- ng vẫn phải tối đa diện tích sử dụng và sử dụng linh hoạt các khoảng đất trống để có thể giảm thiểu quy mô xây dựng cũng nh- l- ợng tài nguyên sử dụng cho xây dựng và vận hành.

– Việc xây dựng các tuyến đ- ờng giao thông phải tận dụng những lối mòn cũ, hạn chế tối đa bê tông hoá các con đ- ờng.

Tất cả các công trình không đ- ợc xây dựng ở những khu vực động vật hay qua lại hoặc cần xây dựng th- a để dành chỗ cho động vật hoang dã và cây cối mọc. Khuyến khích các nhà nghỉ sử dụng nguồn vật liệu từ thiên nhiên, nguồn vật liệu dễ tái chế để tái sử dụng và xây dựng. Các công trình phải có kiến trúc hài hoà với cảnh quan, phù hợp với những tiêu chí về môi tr- ờng, hạn chế sử dụng năng l- ợng. Nên xây dựng ở những nơi thông thoáng, tận dụng ánh sáng tự nhiên, giảm thiểu việc dùng đèn điện và các hệ thống chiếu sáng nhân tạo. Điều này sẽ giảm việc tiêu thụ năng l- ợng nhờ tận dụng đ- ợc sức gió và năng l- ợng từ mặt trời. Bên cạnh đó, cần hạn chế xả rác tại khu vực, đồng thời có những biện pháp thu gom, phân loại và xử lý một cách thích hợp nhất.

Ngoài ra, cần phải xây dựng quy hoạch phát triển du lịch Cát Bà một cách bền vững, trong đó cần đ- a ra đ- ợc các mô hình phát triển mà ở đó, ng- ời dân địa ph- ơng có điều kiện đ- ợc đóng góp nhiều hơn vào công tác bảo tồn tài nguyên thiên nhiên, di sản văn hoá và đ- ợc h- ưởng nhiều lợi ích từ hoạt động du lịch.

3.2.5. Giải pháp về giáo dục và đào tạo

Giáo dục về du lịch sinh thái hiện nay ngày càng có một vai trò quan trọng. Giáo dục môi tr- ờng phải phù hợp với các đối t- ợng và phải dựa trên

những vấn đề về môi trường, nguồn lực, phong tục tập quán, lối sống, văn hoá cũng như tình hình cụ thể của mỗi địa bàn. Nội dung chủ yếu là nâng cao nhận thức của các đối tượng về giá trị của VQG, KDTSQTG – nơi bảo tồn những cảnh quan độc đáo, các loài động, thực vật đặc hữu và quý hiếm của Việt Nam. Giáo dục về một số kỹ năng bảo vệ môi trường như phòng chống cháy rừng, bảo vệ các loại thú quý hiếm. Giáo dục về đạo đức, lối sống và cách ứng xử thân thiện với môi trường.

Thông qua các mối quan hệ giữa du lịch sinh thái với môi trường tự nhiên và cộng đồng địa phương, có thể thấy được mối quan hệ 3 chiều không thể thiếu được trong vấn đề giáo dục liên quan đến sự phát triển du lịch, bảo tồn môi trường chung và mang lại lợi ích cho cộng đồng. Bảo đảm mối quan hệ này thì việc giáo dục mới đồng bộ và có hiệu quả. Các đối tượng tham gia rất đa dạng do vậy việc lựa chọn các hình thức và phương pháp giáo dục với mỗi đối tượng cũng phải linh hoạt. Các đối tượng này bao gồm:

- + Những nhà kế hoạch đầu tư
- + Những cán bộ tham gia quản lý môi trường của các khu bảo tồn
- + Các cán bộ điều hành các công ty du lịch
- + Các hướng dẫn viên du lịch, nhân viên khách sạn, nhà hàng...
- + Nhân dân địa phương
- + Khách du lịch

Mục tiêu giáo dục được bắt nguồn từ mục tiêu phát triển du lịch và bảo tồn. Vì vậy, các cơ sở cho việc giáo dục là:

– Hiểu rõ về tiềm năng, vai trò của tài nguyên thiên nhiên đối với sự phát triển kinh tế nói chung và du lịch sinh thái nói riêng, đồng thời phải hiểu được tính hạn chế của các nguồn tài nguyên này.

– Ý nghĩa của việc bảo vệ môi trường đối với sự phát triển du lịch sinh thái và sự phát triển của cộng đồng.

– Hiểu được vai trò của du lịch sinh thái với sự bảo tồn môi trường tự nhiên, cũng như với cộng đồng.

– Thấy rõ vai trò của cộng đồng trong việc tham gia vào bảo vệ môi trường và ủng hộ sự phát triển du lịch sinh thái lành mạnh, có hiệu quả.

– Nhận thức về tác động của các dòng du khách đối với môi trường để lường trước các vấn đề cần đặt ra và các biện pháp cần giải quyết.

Các chiến lược phát triển du lịch sinh thái cần đi đôi với chương trình giáo dục cộng đồng, sao cho du lịch sinh thái hoạt động đúng bản chất của mình, trở thành động lực tích cực đối với việc bảo vệ môi trường tự nhiên. Và cùng với cộng đồng địa phương, nó sẽ hỗ trợ tốt hơn cho việc bảo tồn tính toàn vẹn của lãnh thổ.

Với các nội dung và đối tượng giáo dục đã nêu trên, quá trình giáo dục cần được làm thường xuyên, liên tục dưới nhiều hình thức khác nhau.

– Giáo dục thông qua đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ trong ngành du lịch, các nhà quản lý, các nhân viên hướng dẫn, phục vụ nhà hàng, khách sạn.

Đây là một quá trình lâu dài và có tính chất chiến lược. Các nhà quản lý là những người có vai trò quan trọng, cần được đào tạo bồi dưỡng với tầm của các nhà chiến lược và quy hoạch. Các nhân viên hướng dẫn, phục vụ là những người trực tiếp tham gia các hoạt động của du lịch, có quan hệ thường xuyên với khách, với môi trường và với cộng đồng địa phương. Họ cần được đào tạo, giáo dục không chỉ các nghiệp vụ du lịch, mà cả những kiến thức, hiểu biết về truyền thống địa phương, những giá trị của môi trường tự nhiên cho du lịch sinh thái. Hình thức giáo dục này có thể thực hiện thông qua hệ thống trường đại học, nghiệp vụ, hoặc đào tạo tại chỗ với nguồn nhân lực là người địa phương. Mặt khác, có thể mời các chuyên gia trong ngành du lịch đặc biệt là du lịch sinh thái đến giảng dạy, phổ biến kiến thức, đào tạo nghiệp vụ hay cử các nhân viên này đi tham quan, học hỏi các mô hình sinh thái ở các nước có nền du lịch phát triển.

– Giáo dục thông qua các quy định có tính pháp lý.

Thông qua các quy định có tính pháp lý, hoạt động giáo dục sẽ có thể đem lại hiệu quả cao. Các quy định này được đề ra để giám sát hàng loạt hoạt động của các cá nhân, tổ chức. Ví dụ như các quy định về bảo vệ muông thú

tự nhiên, hạn chế các loại xe cơ giới lớn vào khu bảo tồn tự nhiên, hạn chế các loại tàu thuyền ở các vùng biển cần được bảo vệ. Thiết lập các “khu vực cấm” buộc phải xin phép và có ng-ời h-ớng dẫn khi vào tham quan với những nguyên tắc nh- hạn chế quay phim, chụp ảnh, cắm trại, lấy mẫu vật, hút thuốc, rác thải...

Bên cạnh đó, các nhà kinh doanh, các cấp lãnh đạo cần đ- ợc giáo dục ý thức trách nhiệm với môi tr- ờng và cộng đồng trong phát triển du lịch. Các dự án, kế hoạch phát triển cần đ- ợc cân nhắc kỹ tr- ớc khi phê duyệt, nhất thiết phải đảm bảo tiện nghi cho khách, đồng thời lại hạn chế đ- ợc những ảnh h- ớng tiêu cực đến môi tr- ờng tự nhiên và xã hội của địa ph- ơng.

– Giáo dục thông qua hệ thống thông tin sách báo, truyền thông, các biển báo, chỉ dẫn.

Đây là các nguồn thông tin quan trọng có ý nghĩa giáo dục cho cả những ng- ời làm công tác du lịch, quản lý môi tr- ờng, lãnh đạo địa ph- ơng, khách du lịch và nhân dân địa ph- ơng. Nguồn thông tin này bao gồm các cuốn sách, báo, những tập quảng cáo nhỏ giới thiệu về khu vực với các giá trị về môi tr- ờng tự nhiên, văn hoá - xã hội cho du lịch và cần đ- ợc bảo tồn. Trong đó còn cung cấp các thông tin về các điểm tham quan, những khuyến cáo nên, không nên trong quá trình du lịch.

Bên cạnh đó, những thông tin này cũng nên đ- ợc giới thiệu qua hệ thống truyền thông của địa ph- ơng, sẽ có tác dụng nâng cao nhận thức của nhân dân địa ph- ơng về du lịch sinh thái và bảo tồn. Đối với khách du lịch, sẽ rất cần thiết và hữu ích khi phát một ch- ơng trình video giới thiệu tr- ớc khi khách đi tham quan. Thêm vào đó, những biển chỉ dẫn, biển báo trong khu vực cũng có vai trò nh- những lời nhắc nhở đối với khách và cả dân địa ph- ơng trong các hoạt động của họ nhằm h- ớng tới sự bảo tồn.

– Giáo dục thông qua hệ thống nhà tr- ờng

Thông qua hệ thống giáo dục phổ thông ở địa ph- ơng nh- các môn lịch sử, địa lý sẽ có tác dụng nâng cao nhận thức về giá trị của môi tr- ờng và lòng tự hào quê h- ơng. Có thể tổ chức các buổi cắm trại, liên hoan văn nghệ, diễn

kịch để lồng ghép các chương trình giáo dục môi trường, tổ chức cho học sinh tham quan, tìm hiểu thực tế tại VQG. Hàng năm, mở các cuộc thi tìm hiểu về vườn nh- thi vẽ tranh phong cảnh, vẽ các loài động thực vật đặc hữu có trong vườn... Qua những việc làm này, thế hệ trẻ sẽ là những người tham gia tích cực trong việc giữ gìn, bảo vệ môi trường và giới thiệu cho khách những giá trị đó một cách có giáo dục. Tác dụng của việc này cũng là góp phần cải thiện mối quan hệ giữa khách du lịch và dân địa phương, tăng thêm lòng hiếu khách.

3.2.6. Giải pháp thu hút cộng đồng vào hoạt động du lịch

Du lịch là điều kiện tốt để giảm nghèo – giảm nghèo là điều kiện tốt cho du lịch

Đối với Chính phủ: Du lịch không chỉ cung cấp nguồn đầu tư và nguồn thuế đáng kể, mà còn là một công cụ phát triển đa dạng và hữu hiệu, đặc biệt hiệu quả về chi phí, có khả năng mang lại những cơ hội phát triển cho những khu vực và bộ phận dân cư trong xã hội thường được coi là khó tiếp cận, mang lại nhiều lợi ích vật chất và phi vật chất.

Đối với người nghèo: Du lịch có thể mở ra nhiều cơ hội tạo thu nhập. Có nhiều cách để người nghèo có thể tham gia vào du lịch. Một người làm du lịch có thể đưa cả gia đình mình thoát khỏi cảnh nghèo. Những lợi ích phi kinh tế như tôn tạo văn hoá và niềm tự hào về cộng đồng nhờ tham gia vào du lịch cũng có thể tạo được những ảnh hưởng tích cực trong việc đưa người dân thoát khỏi cảnh nghèo.

Đối với doanh nghiệp: Hỗ trợ giảm nghèo có thể tạo nên ý thức tốt trong hoạt động kinh doanh, giảm chi phí hoạt động, đa dạng hoá và cải tiến sản phẩm, đáp ứng tốt điều kiện ngày càng tăng của người tiêu dùng. Phần thưởng cho các doanh nghiệp cam kết đào tạo và tuyển dụng người địa phương sẽ chính là những nhân viên trung thành và nhiệt tình công tác. Làm việc chặt chẽ hơn với người dân nghèo địa phương cũng sẽ giúp doanh nghiệp du lịch tạo ra được những sản phẩm và dịch vụ mang đậm hương vị địa phương để cung cấp cho du khách, giúp họ có được những kinh nghiệm đích thực về đời sống sinh hoạt của người dân địa phương.

Một trong ba yếu tố không thể thiếu đ- ợc trong du lịch sinh thái đó là sự tham gia của cộng đồng địa ph- ơng. Do đó, để phát triển tốt mô hình sinh thái thì việc chia sẻ lợi ích với cộng đồng dân c- là một điều quan trọng.

Tr- ớc hết, muốn hoạt động du lịch phát triển một cách hiệu quả thì việc nâng cao nhận thức cho ng- ời dân là vấn đề cần phải chú trọng và làm th- ờng xuyên. Thông qua quá trình này, phải làm cho ng- ời dân thấy hết đ- ợc những giá trị về cảnh quan và tài nguyên của mảnh đất mà mình đang sinh sống, thấy đ- ợc những lợi ích mà họ có đ- ợc nếu tham gia vào công tác bảo vệ, tái tạo tài nguyên, phục vụ cho việc phát triển du lịch sinh thái một cách bền vững.

Các chính sách nh- giao đất, giao rừng cho các hộ hoặc nhóm dân c- quản lý có tác dụng đặc biệt trong việc chống phá rừng, bảo vệ và tu bổ rừng. Việc xây dựng, thiết lập các ch- ơng trình trồng rừng, bảo vệ rừng tự nhiên cần phải đ- ợc phổ biến và thực hiện th- ờng xuyên. Chính quyền địa ph- ơng có thể tạo điều kiện bằng cách tổ chức trồng và thu mua các sản phẩm cây công nghiệp, cây ăn quả, thực phẩm ở các xã phục vụ nhu cầu của khách du lịch.

Để thu hút cộng đồng vào hoạt động du lịch, nhất là du lịch sinh thái thì cần phải tạo ra nhiều cơ hội về công ăn việc làm cho họ. Việc khuyến khích c- dân địa ph- ơng tham gia, hoà nhập vào các hoạt động du lịch, tạo ra nguồn thu nhập từ du lịch thì bản thân họ sẽ là những ng- ời tích cực đi đầu trong công tác bảo vệ tính toàn vẹn của lãnh thổ.

Tổ chức các làng nghề sản xuất hàng thủ công, l- u niệm cho khách du lịch cũng là một biện pháp tăng nguồn thu cho ng- ời dân đồng thời phát huy đ- ợc các giá trị truyền thống địa ph- ơng (các sản phẩm từ ngọc trai, vỏ ốc biển...). Tổ chức cho cư dân địa phương tham gia vào các dịch vụ như bán hàng, vận chuyển khách, trông giữ xe tại các điểm du lịch để tạo thu nhập hay sử dụng tối đa nguồn lao động địa ph- ơng vào việc xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng như giao thông, đường xá, nhà nghỉ, khách sạn...

Đào tạo tại chỗ các ngành nghề cũng là một h- ớng đi cần quan tâm. Cần th- ờng xuyên đào tạo nghiệp vụ về du lịch cho dân địa ph- ơng nh-

nghiệp vụ lễ tân, hướng dẫn... để họ có thể đáp ứng được nhu cầu của khách du lịch.

Bên cạnh đó cần có chính sách hỗ trợ người dân trong việc xây dựng các nhà trọ, nhà nghỉ... nhân một cách hợp lý để họ có thể tiếp đón và phục vụ khách du lịch ngay tại nhà nhằm tạo điều kiện tăng thêm thu nhập, nâng cao mức sống cho các hộ dân. Việc làm này cần phải có sự chỉ đạo chặt chẽ và phối kết hợp của chính quyền địa phương với cộng đồng dân cư để đảm bảo trật tự và ổn định xã hội. Nó cũng nên được quản lý và điều hoà một cách thích hợp, không nên bị sức hút của thị trường quyết định mà làm tổn hại đến lợi ích phát triển lâu dài.

Tất cả các biện pháp trên cần phải được thực hiện một cách toàn diện và đầy đủ, có sự phối hợp của các ban ngành và cộng đồng dân cư địa phương thì mới có thể đem lại hiệu quả và lợi ích lâu dài cho hoạt động du lịch sinh thái nơi đây.

3.2.7. Giải pháp về quảng bá du lịch

Năm 2007 là thời điểm bùng nổ dùng blog. Có thể thấy được nhiều lợi ích do blog mang lại. Ban quản lý KDTSQ Cát Bà nên lập thêm 1 blog bên cạnh website hiện thời của Trung tâm hướng dẫn và phát triển du lịch. Tại blog này khách du lịch có thể cập nhật những hình ảnh mới nhất về KDTSQ. Đồng thời cũng là địa chỉ để khách du lịch đưa ra những bình luận, góp ý, nhận xét sau những chuyến tham quan hoặc tham khảo qua ý kiến của người khác trước khi đi du lịch. Đặc biệt với blog sẽ là cách tiếp cận rất ngắn, thu hút sự chú ý của một đối tượng vốn được coi là ít bị hấp dẫn bởi KDTSQ. Đó là thanh thiếu niên. Qua blog cũng trình bày những kiến thức giáo dục môi trường cho độ tuổi tương lai của đất nước này.

3.2.8. Giải pháp về loại hình du lịch

Du lịch mạo hiểm là một trong những loại hình du lịch đang thu hút sự quan tâm của những khách du lịch - khám phá mong muốn trở về với tự nhiên. Thời gian gần đây, Việt Nam đã bước đầu tổ chức loại hình du lịch mạo hiểm. Một số doanh nghiệp chủ động nghiên cứu, tổ chức các chương trình du

lịch mạo hiểm cho khách quốc tế như: chinh phục đỉnh Phan Xi Păng, đỉnh Lang Biang, đỉnh Bạch Mã, đèo Prenn, các chương trình lặn biển ở Nha Trang, cù lao Chàm, Phú Quốc, Côn Đảo, đi xe đạp địa hình, xe mô tô thể thao ở các vùng núi, chèo thuyền kayak trên vịnh Hạ Long, đảo Cát Bà...

Cát Bà có tiềm năng du lịch đa dạng với địa hình đồi núi, các dãy núi đá vôi, nhiều hang động đẹp, nhiều khu rừng nguyên sinh nhiệt đới cũng như các khu bảo tồn thiên nhiên, VQG rộng lớn, với bờ biển tạo nên những bức tranh phong cảnh sinh động. Đó chính là những điều kiện thuận lợi cho việc phát triển các loại hình du lịch mạo hiểm như: đi bộ (trekking), leo núi (hiking), đua ô tô, mô tô, xe đạp, lặn biển, bè mảng, đua thuyền, lướt ván, nhảy dù, dù lượn, khinh khí cầu...

Mặc dù tiềm năng phát triển các loại hình du lịch mạo hiểm ở Cát Bà là rất lớn nhưng thời gian qua, việc triển khai các chương trình du lịch mới, mạo hiểm còn gặp nhiều trở ngại. Các doanh nghiệp lữ hành xây dựng các chương trình du lịch mạo hiểm cho khách thường là tự phát, thiếu định hướng chiến lược.

Những giải pháp phát triển loại hình du lịch mạo hiểm ở Cát Bà

- Tập trung khảo sát, quy hoạch những địa điểm, khu vực thích hợp cho việc tổ chức các chương trình du lịch mạo hiểm, trên cơ sở đó kêu gọi đầu tư kết cấu hạ tầng và có cơ chế khuyến khích thu hút vốn đầu tư, hình thành các tuyến, các khu vực tổ chức du lịch mạo hiểm thường xuyên cho khách du lịch.

- Tổ chức cung cấp các dịch vụ tại các địa điểm tổ chức tour du lịch mạo hiểm cho khách du lịch mạo hiểm.

- Đẩy mạnh công tác nghiên cứu thị trường, xác định được các đoạn thị trường và đối tượng khách mục tiêu để có chiến lược quảng bá, thu hút khách du lịch phù hợp.

- Hỗ trợ các doanh nghiệp lữ hành xây dựng, phát triển và chào bán các chương trình du lịch mạo hiểm cho khách du lịch thông qua việc tổ chức khảo sát điểm du lịch có tiềm năng tổ chức du lịch mạo hiểm.

- Tổ chức đào tạo đội ngũ hướng dẫn viên du lịch mạo hiểm vừa có sức khỏe, có nghiệp vụ, kỹ năng, vừa thông thạo ngoại ngữ, yêu nghề.

3.3.MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

➤ Kiến nghị với Tổng cục

Tổng cục giúp đỡ Cát Bà đ- a việc quảng bá du lịch vào trong ch- ong trình hành động quốc gia về du lịch khi Cát Bà đã đ- ọc công nhận là KDTSQTG

Xuất phát từ định h- ớng xây dựng Cát Bà trở thành trung tâm du lịch tạo điều kiện về nguồn vốn đầu t- để đào tạo, xây dựng cơ sở hạ tầng, quảng bá cho du lịch KDTSQ Cát Bà.

Giúp thành phố Hải Phòng xây dựng quy hoạch chi tiết cho Cát Bà để tránh sự phát triển thiếu quy hoạch nh- thời gian qua.

➤ Kiến nghị với thành phố

Thành phố và Sở du lịch hỗ trợ xây dựng những sản phẩm du lịch, xây dựng th- ong hiệu cho các sản phẩm hàng hoá để bán cho khách du lịch nh- : thịt dê một số hải sản nh- tu hài, cá mực, cá thu, sản phẩm thủy hải sản đã qua chế biến mang thương hiệu Cát Bà để bán cho khách. (“Mật ong Cát Bà” đã đ- ọc Bộ Khoa học và Công nghệ cấp chứng nhận th- ong hiệu cho loại mật được lấy từ giống ong “nội”, một trong ba loài ong quý hiếm nhất thế giới chỉ có ở VQG Cát Bà).

Ví dụ: có chính sách cho ng- òi dân vay vốn để đầu t- cho du lịch nh- đóng tàu du lịch thăm vịnh...

Thành phố nên xây dựng mức thu lệ phí du lịch hợp lý để có khoản kinh phí bảo tồn, giữ gìn khu du lịch, để quảng bá, khuyến tr- ong du lịch Cát Bà.

Đề nghị UBND thành phố chỉ đạo các ngành liên quan tiến hành làm các thủ tục theo quy định của luật Du lịch hiện hành để trình Chính phủ thành lập khu du lịch quốc gia Cát Bà nhằm quản lý khai thác tài nguyên bảo vệ môi tr- ờng phát triển bền vững.

Đề nghị UBND thành phố sớm ban hành quy chế quản lý khai thác tài nguyên phát triển du lịch trên quần đảo Cát Bà: tr- ớc mắt chỉ đạo ngành liên quan và UBND huyện Cát Hải sắp xếp quy hoạch lại việc nuôi cá lồng bè trên Vịnh phù hợp đảm bảo mục tiêu phát triển đa ngành và tăng c- ờng công tác

quản lý hoạt động của các phương tiện thủy đảm bảo an toàn cho du khách, giữ gìn cảnh quan môi trường bền vững.

Đề nghị UBND thành phố quan tâm đầu tư tôn tạo cảnh quan môi trường tại một số khu vực như: Cửa VQG Cát Bà, cảng du lịch Bến Bèo, đầu tư hệ thống xử lý nước thải, rác thải, xây dựng một số cầu tàu và hệ thống bê tông cho tàu neo đậu tại các điểm tham quan trên vịnh để bảo vệ đa dạng sinh học dưới đáy.

Đầu tư kinh phí hỗ trợ huyện Cát Hải xây dựng các công trình cấp thoát nước, xử lý chất thải công nghiệp, sinh hoạt nước thải sinh hoạt, công nghiệp.

➤ Kiến nghị với chính quyền huyện, xã

Phải nhận thức rõ được tiềm năng tài nguyên du lịch tạo cho Cát Bà, từ đó khai thác, sử dụng hợp lý, bảo vệ đúng đắn làm cho kinh tế huyện đảo phát triển, nâng cao đời sống người dân. Bên cạnh đó cũng phải bảo tồn, giữ gìn được tài nguyên thiên nhiên, bảo tồn bản sắc văn hoá. Tuyên truyền giáo dục cho người dân ý thức trách nhiệm cộng đồng trong việc khai thác và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên.

Sở du lịch và huyện tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố có chính sách xây dựng và phát triển Cát Bà thực sự trở thành trung tâm du lịch quốc tế, là đảo Ngọc của thành phố với đúng nghĩa của nó.

Tăng cường tiềm lực cho hoạt động thanh tra, kiểm tra, kiểm soát môi trường.

Xây dựng quy chế bảo vệ môi trường tại khu du lịch và của toàn huyện.

Xây dựng mới tuyến đường Phù Long đi qua Gia Luận tạo vành đai mở cho du lịch về phía bắc đảo.

Nâng cấp tuyến phà Đình Vũ – Ninh Tiếp để giảm bớt thời gian chờ đợi của khách khi ra Cát Bà.

Tiểu kết chương 3

Phát triển bền vững là phát triển không chỉ nhằm vào tăng trưởng kinh tế mà phải bảo đảm tính bền vững về sinh thái, xã hội và kinh tế nhằm thỏa mãn những nhu cầu hiện tại, nhưng không làm giảm khả năng thỏa mãn nhu

câu của các thế hệ mai sau. Đối với ngành du lịch, phát triển bền vững có thể được hiểu là du lịch khả thi về kinh tế nhưng không phá huỷ tài nguyên mà tương lai của du lịch phụ thuộc vào đó, đặc biệt là môi trường tự nhiên và kết cấu xã hội của cộng đồng địa phương.

Sự phát triển du lịch về lâu dài phụ thuộc rất nhiều vào chất lượng môi trường và giá trị nguyên vẹn của các tài nguyên thiên nhiên, tài nguyên nhân văn. Đặc điểm của môi trường, bản sắc đặc trưng độc đáo về văn hoá và các yếu tố tự nhiên là các yếu tố thu hút chủ yếu đối với du khách. Trở ngại lớn nhất đối với sự phát triển của ngành du lịch chính là môi trường và vẻ đẹp thiên nhiên, di tích lịch sử bị xâm hại do tác động của những hành động do thiếu hiểu biết về bảo vệ môi trường. Ngày nay, khách du lịch đang trở nên nhạy cảm hơn với tình trạng thoái hoá hay ô nhiễm môi trường tại các điểm du lịch mà họ đến thăm. Do đó, tại một số nơi trên thế giới, du lịch đang suy giảm vì lý do khai thác không hợp lý, khai thác quá mức tài nguyên tự nhiên, tài nguyên nhân văn hoặc do môi trường bị nhiễm phóng xạ, ô nhiễm chất thải sinh hoạt, ô nhiễm không khí hay những trận mưa axit. Có thể nói, sự suy giảm du lịch không phải lúc nào cũng là hậu quả do chính du lịch gây ra và trách nhiệm bảo vệ môi trường cũng là trách nhiệm của toàn xã hội.

Từ khi Cát Bà được công nhận là KDTSQTG, lãnh đạo huyện Cát Hải – Hải Phòng đã xây dựng mô hình để liên kết phát triển giữa du lịch sinh thái biển - đảo tạo lực đẩy cho phát triển mô hình kinh tế chất lượng đang thực hiện có hiệu quả ở đây.

Phát triển mô hình kinh tế biển đảo đang là một trong những xu thế để KDTSQ Cát Bà thu hút hơn 200 nghìn lượt khách trong nước và 102 nghìn lượt du khách quốc tế đến với hòn đảo xinh đẹp này. Cát Bà sẽ là điểm đến thu hút nhiều du khách trong thời gian tới khi Cát Bà liên kết phát triển giữa du lịch sinh thái biển đảo với 3 mô hình kinh tế chất lượng tạo nên cho nơi đây những dấu ấn riêng.

Những năm qua, du lịch sinh thái Cát Bà vẫn còn chập chững ở những bước đi ban đầu, khái niệm và cách thức hoạt động du lịch sinh thái vẫn ch-

đ- ọc phổ biến rộng rãi do vậy kết quả đem lại không cao. Việc khai thác tiềm năng phong phú của Cát Bà để đẩy mạnh và nhân rộng mô hình du lịch này ch- a đ- ọc thực hiện một cách đầy đủ. Việc phát triển du lịch một cách tràn lan, tự phát đã gây ra nhiều tác động không nhỏ, ảnh h- ưởng xấu đến môi tr- ờng chung của hòn đảo này.

Với những nỗ lực và cố gắng của chính quyền và nhân dân huyện đảo, sự hỗ trợ của các tổ chức trong và ngoài n- ớc, chắc chắn rằng trong t- ơng lai Cát Bà thực sự sẽ là điểm hẹn của ngưỡng tour du lịch sinh thái đầy hấp dẫn và trở thành một trong những địa chỉ hàng đầu trong các khu du lịch sinh thái ở n- ớc ta.

KẾT LUẬN

Thiên nhiên đã - u đãi cho KDTSQ Cát Bà một phong cảnh sơn thủy hữu tình với nguồn tài nguyên vô cùng phong phú và đa dạng. Trở lại Cát Bà ngày hôm nay, khách du lịch không chỉ đ- ợc ngắm nhìn phong cảnh tự nhiên đầy mơ mộng, trữ tình, đắm mình trong làn n- ớc trong xanh của các bãi tắm, thăm VQG, vịnh Lan Hạ hay những hang động kỳ thú, mà còn đ- ợc tham gia vào các tour du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng, du lịch mạo hiểm đầy hấp dẫn tại KDTSQ này.

Đ- ợc ghi nhận vào hệ thống các KDTSQTG là một mốc đáng nhớ trong lịch sử du lịch Cát Bà và thành phố Hải Phòng. Danh hiệu KDTSQTG tr- ớc tiên là sự công nhận quốc tế quan trọng đối với những giá trị đa dạng sinh học của quần đảo Cát Bà, đồng thời, nó cũng là sự công nhận đối với những cơ hội phát triển bền vững ở nơi đây. Việc công nhận KDTSQTG Cát Bà hôm nay sẽ đánh dấu b- ớc khởi đầu quan trọng trong cuộc hành trình của chính quyền và nhân dân thành phố Hải Phòng trong việc thực hiện các mục tiêu bảo tồn cũng nh- phát triển kinh tế xã hội một cách bền vững.

Với vẻ đẹp tự nhiên độc đáo và một “thương hiệu” mà UNESCO đã trao tặng, Cát Bà đã và đang thu hút đ- ợc nhiều khách du lịch đến tham quan, nghiên cứu, nghỉ biển... Nhờ đó, Cát Bà ngày càng có điều kiện thuận lợi trong việc khai thác những cơ hội để phát triển kinh tế, dịch vụ, giáo dục thông qua việc phát triển du lịch, đặc biệt là du lịch sinh thái. Tuy vậy, hoạt động phát triển du lịch trong KDTSQ này cần đ- ợc phải tính đến những tác động về mặt môi tr- ờng. Sự đa dạng sinh học, các vẻ đẹp tự nhiên, các giá trị văn hoá chính là những tài sản quý của KDTSQTG Cát Bà ngày hôm nay và cũng là báu vật mà chúng ta cần phải gìn giữ cho các thế hệ t- ơng lai của Việt Nam và trên thế giới. Thành phố Hải Phòng và chính quyền, nhân dân địa ph- ơng huyện Cát Hải sẽ phấn đấu để đ- a Cát Bà trở thành một thành công điển hình về du lịch thân thiện với môi tr- ờng.

Trao cho một địa điểm đang gặp những vấn đề thách thức trong hoạt động quy hoạch và phát triển du lịch, một danh hiệu quốc tế không thể đảm bảo sẽ giải quyết được tất cả những thách thức đó trong tương lai. Nhận danh hiệu KDSQTG là vinh dự nhưng cũng là một cam kết, một trách nhiệm lớn lao đặt ra cho Cát Bà. Tổ chức văn hoá, khoa học và giáo dục của Liên Hợp Quốc – UNESCO đã khuyến khích xây dựng một mối quan hệ đối tác rộng rãi vì lợi ích của hệ thống sinh thái quan trọng này đồng thời đảm bảo cho cuộc sống người dân nơi đây.

Để có thể giải quyết tốt những vấn đề cũng như những thách thức đang đặt ra, Cát Bà cần phải có những hướng đi cụ thể, xây dựng và phát triển các loại hình du lịch sao cho phù hợp nhất. Hướng phát triển ưu tiên được đặt ra hiện nay là tăng cường phát triển du lịch sinh thái – loại hình du lịch có trách nhiệm, vừa có thể đem lại những lợi ích về kinh tế cho cộng đồng địa phương vừa đóng góp cho những nỗ lực bảo tồn thiên nhiên.

Việt Nam là một trong số các quốc gia “tóp đầu” được Liên Hợp Quốc và UNESCO chọn làm thí điểm đầu tiên của các KDSQ, di sản và công viên địa chất (geopark) thành những mô hình học tập vì sự phát triển bền vững. Vinh dự này đã được trao đầu tiên cho KDSQTG ở nước ta – quần đảo Cát Bà.

Qua 3 chương, khoá luận đã nêu được một số vấn đề cơ bản về KDSQ, giới thiệu sơ qua về các KDSQTG ở Việt Nam và trình bày các điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên, điều kiện kinh tế xã hội cũng như tài nguyên du lịch nhân văn của KDSQ Cát Bà. Sau đó đánh giá thực trạng khai thác du lịch tại nơi đây. Đồng thời tác giả cũng mạnh dạn đưa ra một số giải pháp và kiến nghị, hy vọng sẽ đóng góp một phần vào sự phát triển du lịch bền vững của vùng. Trong một thời gian nghiên cứu ngắn ngủi, được sự giúp đỡ tận tình của Th.s Đào Thị Thanh Mai, tác giả đã hoàn thành nhiệm vụ nghiên cứu của mình, đáp ứng được mục tiêu lý luận và thực tiễn đề ra ban đầu. Tuy nhiên, những đánh giá chưa thật cụ thể, những phản ánh chưa thật sâu sắc, những nhận định còn mang nặng cảm tính chủ quan chắc chắn vẫn đâu đó tồn tại trong kết quả nghiên cứu. Tác giả rất mong nhận được những ý kiến xây dựng quý báu từ phía thầy cô và bạn bè.

LỜI CẢM ƠN

Em xin gửi lời cảm ơn chân thành và sâu sắc nhất đến Thạc sĩ Đào Thị Thanh Mai – người đã hướng dẫn và giúp đỡ em tận tình trong việc hoàn thành khoá luận tốt nghiệp này. Đồng thời em xin bày tỏ lòng biết ơn đối với các cán bộ phòng du lịch Thị trấn Cát Bà (Hải Phòng), các cô chú Ban quản lý KDTSQ Cát Bà đã nhiệt tình quan tâm, giúp đỡ, tạo điều kiện thuận lợi cho em trong suốt thời gian đi tìm hiểu thực tế tại các điểm.

Qua khoá luận này, em mong muốn được vận dụng những kiến thức về thị trường du lịch, tài nguyên du lịch mà em đã được học trong suốt thời gian qua và mạnh dạn góp một số ý kiến để du lịch Cát Bà phát triển hơn nữa, góp phần vào sự phát triển du lịch của thành phố Hải Phòng.

Do lượng kiến thức có hạn, kinh nghiệm thực tế cũng như thời gian thực tập không nhiều nên tiểu luận cũng không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự quan tâm đóng góp, chỉ bảo của thầy cô và các bạn để bài khoá luận được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, tháng 7 năm 2009

SINH VIÊN

Ngô Thị Thuỳ

BẢNG CHỮ VIẾT TẮT

KDTSQ	: Khu dự trữ sinh quyển
KDTSQTG	: Khu dự trữ sinh quyển Thế giới
MAB	: Chương trình con người và sinh quyển
UBND	: Ủy ban nhân dân
UNESCO	: Tổ chức văn hoá khoa học và giáo dục Liên Hợp Quốc
VQG	: Vườn Quốc gia
HST	: Hệ sinh thái

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	1
1. Lý do chọn đề tài.....	1
2. Mục đích nghiên cứu.....	3
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	3
4. Phương pháp nghiên cứu	3
5. Bố cục khoá luận	3

PHẦN NỘI DUNG

CHƯƠNG 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ KHU DỰ TRỮ SINH QUYỂN THẾ GIỚI	
1.1.TÌM HIỂU VỀ KHU DỰ TRỮ SINH QUYỂN THẾ GIỚI.....	4
1.1.1.Khái niệm về khu dự trữ sinh quyển	4
1.1.2.Chức năng của khu dự trữ sinh quyển	4
1.1.3.Các phân khu của khu dự trữ sinh quyển	5
1.1.4.Vấn đề thành lập khu dự trữ sinh quyển	5
1.1.5. Tầm quan trọng của khu dự trữ sinh quyển.....	7
1.2. DANH SÁCH CÁC KHU DỰ TRỮ SINH QUYỂN TẠI VIỆT NAM	9
1.2.1.Khu dự trữ sinh quyển Cần Giờ ,2000.....	9
1.2.2.Khu dự trữ sinh quyển Cát Tiên,2001.....	9
1.2.3.Khu dự trữ sinh quyển Châu thổ sông Hồng,2004	10
1.2.4.Khu dự trữ sinh quyển Cát Bà, 2004	11
1.2.5.Khu dự trữ sinh quyển Kiên Giang, 2006.....	11
1.2.6.Khu dự trữ sinh quyển miền tây Nghệ An, 2007.....	11
1.2.7.Khu dự trữ sinh quyển Cù lao Chàm.....	12
1.2.8.Khu dự trữ sinh quyển Mũi Cà Mau	13
1.3.QUÁ TRÌNH CÔNG NHẬN KHU DỰ TRỮ SINH QUYỂN CÁT BÀ.....	14
Tiểu kết chương 1:.....	16

CHƯƠNG 2: HIỆN TRẠNG KHAI THÁC TÀI NGUYÊN DU LỊCH TẠI KHU DỰ TRỮ SINH QUYỂN THẾ GIỚI CÁT BÀ

2.1. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ TÀI NGUYÊN DU LỊCH THIÊN NHIÊN CỦA KDTSQTG CÁT BÀ	17
2.1.1. Vị trí địa lý và phân vùng chức năng	17
2.1.2. Tài nguyên du lịch tự nhiên.....	20
2.1.3. Khu dự trữ sinh quyển thế giới Cát Bà - những giá trị có tầm quan trọng quốc tế.....	32
2.1.4. Các hoạt động du lịch có thể tổ chức tại khu dự trữ sinh quyển thế giới Cát Bà	33
2.2. ĐIỀU KIỆN KINH TẾ – XÃ HỘI VÀ TÀI NGUYÊN DU LỊCH NHÂN VĂN TẠI KHU DỰ TRỮ SINH QUYỂN THẾ GIỚI CÁT BÀ.....	34
2.2.1. Cơ sở hạ tầng.....	34
2.2.2. Cơ sở vật chất kỹ thuật	39
2.2.3. Kinh tế Cát Bà	42
2.2.4. Chính sách kinh tế và lao động	43
2.2.5. Tài nguyên du lịch nhân văn	52
2.3. THỰC TRẠNG KHAI THÁC TÀI NGUYÊN DU LỊCH TẠI KHU DỰ TRỮ SINH QUYỂN THẾ GIỚI CÁT BÀ.....	55
2.3.1. Thực trạng về sản phẩm du lịch	55
2.3.2. Thực trạng về khách	55
2.3.3. Thực trạng về doanh thu du lịch.....	58
2.3.4. Thực trạng về bảo vệ môi trường.....	58
2.3.4. Tác động của hoạt động du lịch đến khu dự trữ sinh quyển Cát Bà.....	59
Tiểu kết chương 2.....	61

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN DU LỊCH SINH THÁI TẠI KHU DỰ TRỮ SINH QUYỂN THẾ GIỚI CÁT BÀ

3.1.MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN CÁT BÀ ĐẾN NĂM 2020.....	63
3.2. CÁC GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN DU LỊCH SINH THÁI Ở KHU DỰ TRỮ SINH QUYỂN THẾ GIỚI CÁT BÀ.....	76
3.2.1.Giải pháp về tổ chức quản lý.....	76
3.2.2.Giải pháp về tăng cường hợp tác và kêu gọi vốn đầu tư.....	77
3.2.3.Giải pháp về môi trường.....	79
3.2.4.Giải pháp về quy hoạch và xây dựng.....	82
3.2.5.Giải pháp về giáo dục và đào tạo.....	84
3.2.6.Giải pháp thu hút cộng đồng vào hoạt động du lịch.....	88
3.2.7.Giải pháp về quảng bá du lịch.....	90
3.2.8.Giải pháp về loại hình du lịch.....	90
3.3.MỘT SỐ KIẾN NGHỊ.....	92
Tiểu kết chương 3.....	93
KẾT LUẬN.....	96

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

PHỤ LỤC

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Thế Đạt (2003), *Du lịch và du lịch sinh thái*. NXB Lao động, Hà Nội.
2. Lê Văn Lan, Jose Jimenez Garcie Herrera (2004), *Cẩm nang phát triển du lịch sinh thái*. NXB Lao động, Hà Nội.
3. Phạm Trung L-ong (2003), *Du lịch sinh thái – Những vấn đề lý luận và thực tiễn phát triển ở Việt Nam*. NXB Giáo dục, Hà Nội.
4. Bùi Thị Hải Yến (2007), *Quy hoạch du lịch*. NXB Giáo dục, Hà Nội.
5. Tổng cục du lịch Việt Nam (1994), *Quy hoạch phát triển du lịch Việt Nam 1995 – 2010*, Hà Nội.
6. Báo cáo Tổng kết hoạt động du lịch – thương mại huyện Cát Hải các năm 2005, 2006, 2007, 2008. Phòng Du lịch thương mại – UBND huyện Cát Hải. 2005, 2006 2007, 2008.
7. Báo cáo Chiến lược phát triển huyện đảo Cát Hải đến 2010, định hướng đến 2020. Sở kế hoạch và đầu tư – UBND TP Hải Phòng. 2003.
8. Đề án công nhận khu dự trữ sinh quyển Cát Bà, Phân viện Hải dương học . 2002
9. Bảo tồn bền vững thiên nhiên quần đảo Cát Bà, Trung tâm Công nghệ và Thiên nhiên. 2005
10. Báo cáo chính trị của Ban chấp hành Đảng bộ huyện khoá VIII tại đại hội lần thứ IX Đảng bộ huyện Cát Hải nhiệm kỳ 2005 – 2010, Ban chấp hành Đảng bộ huyện Cát Hải. 2005.
11. GSTSKH Đặng Huy Huỳnh, *Các giải pháp tăng cường nghiên cứu, quản lý, giám sát bảo tồn và sử dụng bền vững đa dạng sinh học trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước*, Tài liệu tập huấn môi trường và phát triển bền vững, Dự án củng cố tính bền vững của công tác bảo tồn đa dạng sinh học và loài vọc trên đảo Cát Bà - Việt Nam, AFAP. 2006
12. Nhật Anh (2008), *Cát Bà phát triển du lịch sinh thái biển đảo*, Tạp chí du lịch Việt Nam, số 11.

13. Bùi Thị Hải Yến (2008), *Tài nguyên du lịch*. NXB Giáo dục, Hà Nội.
14. <http://www.catba.com.vn>
15. <http://www.haiphong.gov.vn>
16. <http://www.baomoi.com>
17. <http://diendan.camau.gov.vn>
18. <http://www.kiengiang.gov.vn>
19. <http://baohaiphong.com>

PHỤ LỤC 1

Dự án Củng cố tính bền vững của công tác bảo tồn đa dạng sinh học và Voọc Cát Bà

Chương trình truyền thông

Phân chuẩn bị (cho từng nhóm):

- 1 bản đồ VQG khổ A0 hoặc A1 (VQG – anh Vân)
- Băng/đĩa phim về Cát Bà (Bắc – Dự án)
- Tranh ảnh, áp phích (VQG – anh Lâm)
- 3 bộ khẩu hiệu – dán tại phòng họp (cô giáo Yên)
- Giấy A0, thẻ màu, băng dính, bút viết nét to (Bắc – Dự án)
- Bảng, dây - đoàn thanh niên các xã chuẩn bị
- Đầu video, loa, ampli, phòng họp - đoàn thanh niên các xã chuẩn bị
- Thủ tục giấy mời lãnh đạo, an ninh, triệu tập dân
- In phân tài liệu phát cho các tuyên truyền viên (Bắc – dự án)

Cách thức tổ chức/ điều hành hoạt động họp dân:

- Xen kẽ thuyết trình bằng các hoạt động vui vẻ, ví dụ:
 - o Chia hai đội, thi hát các bài hát có chữ “rừng” hay có chữ “chim”, nhớ chuẩn bị một món quà nhỏ cho đội thắng cuộc (kẹo, bánh)
 - o Kể chuyện liên quan đến bảo tồn
 - o Tuyên truyền viên hát bài tuyên truyền về bảo tồn
- Đặt các câu hỏi dẫn dắt ng- ời dân, trên cơ sở dàn ý đã chuẩn bị
- Sử dụng thẻ, giấy A0, bút, viết lại ý kiến của dân

Kế hoạch:

- Mỗi xã ba buổi:
 - o 1 buổi do đoàn thanh niên tổ chức cho nhóm thanh niên
 - o 1 buổi do phụ nữ xã tổ chức cho nhóm phụ nữ
 - o 1 – 2 buổi tổ chức cho các đoàn thể khác (hội nông dân, hội ng- ời cao tuổi, hội cựu chiến binh)

-Đội tuyên truyền gồm 3 ng- ời: 1 cán bộ VQG, 1 cán bộ đoàn, 1 cán bộ phụ nữ.

Riêng Gia Luận có thêm hỗ trợ của giáo viên.

Thời gian:

Tiến hành từ: 25/12/2006

Đến ngày 4/1/2007 hoàn thành đợt tuyên truyền.

Phần I: Giới thiệu về Khu dự trữ sinh quyển thế giới/VQG		
Mục tiêu: Dân nắm bắt đ- ọc ranh giới và thông tin chung về Khu dự trữ sinh quyển/VQG		
Thời gian	Nội dung	Công cụ/ Ph.pháp
10 phút	<p>- Giới thiệu khái niệm Khu dự trữ sinh quyển</p> <p>Là khu có giá trị đa dạng sinh học cao(nhiều loài động, thực vật quý)</p> <p>Là nơi có cảnh quan sinh thái đẹp</p> <p>Là khu kết hợp giữa phát triển kinh tế và bảo tồn tài nguyên thiên nhiên</p> <p>- Giới thiệu về ranh giới VQG (sử dụng bản đồ)</p> <p>- Diện tích VQG: trên 16.000ha, với vùng bảo tồn nghiêm ngặt là gần 5.000 ha; khu phục hồi sinh thái trên 11.000 ha; phân khu hành chính, dịch vụ trên 90 ha(chỉ trên bản đồ); trong số diện tích này 1/3 là diện tích biển</p> <p>- Một số thông tin về giá trị đa dạng sinh học của VQG:</p> <p>Động vật:53 loài thú, 160 loài chim, 45 loài bò sát,21 loài ếch nhái, và nhiều loài côn trùng...trong đó có 22 loài trong sách đỏ Việt Nam, 7 loài trong danh mục sách đỏ thế giới</p> <p>Thực vật: 1561 loài thực vật bậc cao</p> <p>Có nhiều loài đặc hữu(chỉ có ở địa ph- ơng)</p> <p>Tài nguyên biển: nhiều loài cá, san hô, các loài ốc...</p> <p>Chức năng nhiệm vụ của VQG</p> <p>Bảo vệ VQG</p> <p>Nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế</p> <p>Du lịch sinh thái và giáo dục môi tr- ờng</p>	Bản đồ VQG Băng video(chỉ dùng để chiếu tr- ớc giờ khai mạc)

Phần II: Các khó khăn mà khu dự trữ sinh quyển đang phải đối mặt		
Mục tiêu: Dân nắm đ- ọc những khó khăn của khu dự trữ sinh quyển/VQG do những hành động của dân gây ra		
Thời gian	Nội dung	Công cụ/ Ph.p pháp
30 phút	<p><u>Liên quan đến sinh kế</u></p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Phát triển du lịch mang lại lợi ích kinh tế cho dân, nh- ng có ảnh h- ưởng tiêu cực: xả rác ra VQG, tìm mua thịt thú rừng, mua cây cảnh, bẻ cành cây vô ý thức... <p>=> Ng- ời dân chính là lực l- ợng tuyên truyền cho du khách (trong khi đi h- ớng dẫn), không tiếp tay cho việc mua các loài động thực vật quý hiếm từ rừng, biển...</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Ng- ời dân sống trong VQG, vùng đ- ệm thiếu công ăn việc làm, thiếu đất canh tác, có nhu cầu về chất đốt và phụ thuộc vào rừng <p>⇒ Ng- ời dân cần hợp tác thực hiện các sinh kế thay thế để giảm phụ thuộc vào rừng (ví dụ nuôi ong, chăn nuôi gia súc gia cầm, các việc phục vụ du lịch, nhận khoán bảo vệ rừng (không phải vấn đề của Gia Luận), trồng xen canh, nông lâm kết hợp)</p> <p><u>Liên quan đến nhân thức</u></p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Ng- ời dân thiếu thông tin về bảo tồn rừng, các loài quý hiếm ▪ Tập quán săn bắn từ lâu đời (giải trí, vì kinh tế) của ng- ời dân sống trong VQG <p>=> Khuyến cáo: cấm săn bắt bất cứ loài động thực vật hoang dã nào. Khuyến khích không tiêu thụ, tiếp tay việc mua bán các loài quý, ví dụ: Voọc Cát Bà, cây giông, cây h- ớng, mèo rừng, beo lửa, sơn đ- ợng, sóc đen, rái cá, khỉ vàng, tê tê, dơi, kỳ đà, tắc kè, rắn hổ mang, các loài chim.</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Một số ng- ời dân ch- a thật hiểu rõ pháp luật: cho rằng vào khu bảo vệ nghiêm ngặt chặt củi là không phạm luật, vẫn bắt các loài tắc kè, kỳ đà, trăn, rắn, chim trong rừng; đốt ong gây nguy cơ cháy rừng; lấy măng tre trong rừng tự nhiên, lấy cây cảnh, đá cảnh ở trong VQG. <p>⇒ Khuyến cáo: ng- ời dân tham gia các buổi tuyên truyền về pháp luật của VQG để tránh phạm luật do thiếu hiểu biết</p>	<p>Tài liệu của AFAP và GZAP</p> <p>(nên có hình minh hoạ)</p>

	<p><u>Liên quan đến năng lực VQG</u></p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Diện tích VQG tăng sau khi thành KDTSQ trong khi đó lực lượng kiểm lâm, cán bộ VQG còn thiếu và năng lực hạn chế ▪ Việc thực thi pháp luật ch- a nghiêm(phối hợp ch- a chặt chẽ với các ngành liên quan nh- công an, toà án, chính quyền) ▪ Đ- ồng giao thông qua v- òn, gây khó khăn cho công tác quản lý: một số dân vào VQG để khai thác gỗ, săn bắt chim, dược liệu... <p>=> <i>Ng- ười dân chính là lực lượng hỗ trợ kiểm lâm trong việc phát hiện, thông tin các vụ săn bắt, vận chuyển, vi phạm lâm luật</i></p>	
--	---	--

<p>Phần III: Vì sao phải bảo vệ khu dự trữ sinh quyển (hay vai trò của khu dự trữ sinh quyển đối với người dân)</p> <p>Mục tiêu: Dân hiểu đ- ọc giá trị khu dự trữ sinh quyển tới đời sống của chính họ</p>		
Thời gian	Nội dung	Công cụ/ Ph. pháp
40 phút	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Cát Bà có điểm đặc tr- ng thu hút du khách do có cả VQG với rừng, biển, và có danh hiệu quốc tế. Mất đi danh hiệu KDTSQ, số khách du lịch đến Cát Bà sẽ giảm đi rất nhiều. Những người dân nghèo sinh sống bằng các dịch vụ phục vụ khách du lịch(xe ôm, làm việc trong các khu du lịch, làm việc tại khách sạn, nhà hàng, lái thuyền du lịch, làm nghề thủ công...) cơ nguy cơ thiếu việc làm hoặc mất việc; nông sản bán ra không còn giá trị nhiều nh- tr- ớc. ▪ Mất danh hiệu KDTSQ, huyện đảo mất các cơ hội đầu t- của cả Nhà n- ớc và các tổ chức quốc tế, dẫn đến dân mất cơ hội h- ớng lợi từ việc cơ sở hạ tầng phát triển. ▪ Rừng không còn thì không giữ đ- ọc nguồn n- ớc ngọt, hoặc lượng n- ớc ngầm sẽ bị giảm đi. ▪ Rừng mất đi sẽ gây xói mòn, sạt lở khi m- a gây nguy hiểm tính mạng con người. ▪ Còn rừng mới còn nơi tạo ra không khí trong lành ▪ Còn rừng thì các loài động thực vật mới sinh sôi, mới thu hút khách du lịch tới tham quan ▪ Đánh bắt cá bằng mìn làm chết cả cá con; chết san hô làm mất 	<p>Tranh ảnh</p> <p>Treo, dán các thông điệp trên phòng họp</p> <p>Viết thẻ hoặc sử dụng giấy khổ to, bút viết</p>

	<p>nơi sinh sản của cá, dẫn đến nguồn cá bị cạn kiệt</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Bảo tồn đ- ợc san hô mới có cơ hội phát triển đ- ợc ngành du lịch lặn biển ▪ Rừng ngập mặn bị chuyển sang diện tích nuôi trồng thủy sản, đây là một sinh kế không bền vững vì nguy cơ n- ớc bị ô nhiễm, năng suất nuôi trồng thủy sản giảm ▪ Rừng ngập mặn bị phá làm mất đi nơi sinh sống của nhiều cá, tôm và nhuyễn thể(trai, sò huyết..) chim di c- . ▪ Rừng ngập mặn bị phá cũng là phá đi lớp chắn sóng bảo vệ cho dân sống sát biển ▪ Rác thải tiếp tục bị xả ra trên đảo và trên biển gây ô nhiễm môi tr- ờng, có hại cho sức khoẻ, giảm vẻ đẹp cảnh quan. Dẫn đến l- ợng du khách đến Cát Bà sẽ giảm <p>⇒ <i>Người dân có một vai trò quan trọng trong việc giữ gìn bảo vệ rừng, biển và môi tr- ờng xanh sạch trên đảo. Hành động khuyến cáo:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – <i>Không chặt phá rừng</i> – <i>Không săn bắt, buôn bán và sử dụng sản phẩm động vật hoang dã</i> – <i>Không vứt rác bừa bãi ra môi tr- ờng xung quanh</i> – <i>Tham gia các hoạt động trồng và bảo vệ rừng, môi tr- ờng</i> – <i>Hợp tác với VQG trong các hoạt động bảo vệ rừng, biển, tài nguyên thiên nhiên</i> 	
--	---	--

Phần IV: Cần bảo vệ những gì trong khu dự trữ sinh quyển		
Mục tiêu: Dân hiểu đ- ợc những gì cần bảo vệ		
Thời gian	Nội dung	Công cụ/ Ph.pháp
15 phút	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Giữ đ- ợc diện tích rừng không suy giảm ▪ Giữ đ- ợc tính đa dạng của rừng/bảo vệ đ- ợc diện tích rừng tự nhiên ▪ Bảo tồn đ- ợc loài đặc hữu như Voọc Cát Bà... ▪ Giữ biển sạch, không có rác thải, chất thải sinh hoạt, dầu xả, chất thải từ việc nuôi cá lồng bè 	Thuyết trình, giải thích

	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Giữ cho tài nguyên biển không bị cạn kiệt ▪ Giữ cho mặt n- ớc biển trong sạch, không bị ô nhiễm ▪ Giữ diện tích rừng ngập mặn, tối thiểu đủ ở mức rừng tự tái sinh đ- ợc ▪ Giữ gìn cảnh quan thiên nhiên, di tích văn hoá lịch sử ▪ Giữ cho môi tr- ờng trên đảo xanh, sạch, đẹp 	
--	--	--

Phân V: Các giải pháp khai thác và bảo vệ khu dự trữ sinh quyển bền vững		
Mục tiêu: Hiểu đ- ợc khái niệm sử dụng bền vững		
Biết đ- ợc việc nên làm và không nên làm		
Thời gian	Nội dung	Công cụ
30 phút	<p>Khái niệm sử dụng bền vững</p> <p>Khai thác, sử dụng hợp lý, vừa phát triển đ- ợc kinh tế, vừa đáp ứng được mục tiêu bảo tồn, và nguồn tài nguyên đ- ợc duy trì, tái tạo để sử dụng lâu dài (lấy để dùng ngày hôm nay, nh- ng nhiều ngày sau vẫn có tài nguyên để sử dụng)</p> <p>(đời cha có tài nguyên để dùng, nh- ng đời con, cháu cũng vẫn còn đ- ợc h- ưởng lợi từ nguồn tài nguyên thiên nhiên)</p> <p>+ Đối với rừng</p> <ul style="list-style-type: none"> ➢ Bảo vệ diện tích rừng tự nhiên ➢ Tham gia phòng chống cháy rừng ➢ Tham gia trồng rừng ➢ Không săn bắt, mua bán và sử dụng động vật hoang dã ➢ Không vào rừng đốt ong lấy mật ➢ Không mang hoá chất, chất gây cháy, nổ vào rừng ➢ Không lấy cây cảnh, đá cảnh, dược liệu ➢ Không khai thác gỗ, chặt phá rừng ➢ Không xả rác vào rừng, nhắc nhở khách tham quan cùng tham gia giữ gìn vệ sinh khi đi vào rừng ➢ Không đốt rừng làm n- ơng rẫy ➢ Không chăn thả gia súc trong rừng đặc dụng (VQG) ➢ Không phá hoại các công trình phục vụ việc quản lý, bảo vệ 	<p>Các văn bản quy định của Nhà n- ớc về bảo vệ rừng</p> <p>Các văn bản pháp luật về quy định đánh bắt hải sản</p>

	<p>và phát triển rừng (cột mốc, biển báo)</p> <ul style="list-style-type: none">➤ Phát hiện và báo cho lực lượng kiểm lâm các vụ chặt phá rừng, săn bắt động vật hoang dã, vi phạm lâm luật <p>+ Đối với biển</p> <ul style="list-style-type: none">➤ Không chặt phá quá mức rừng ngập mặn(giữ lại ít nhất 30% diện tích rừng ngập mặn để rừng tái sinh)➤ Tuân thủ quy định đánh bắt hải sản(không dùng mìn, xung điện, l- oi mắt nhỏ, đánh bắt vào mùa sinh sản)➤ Không khai thác, buôn bán và sử dụng các loài cá cảnh, rùa, san hô quý hiếm➤ Không vứt rác, xả dầu cặn xuống biển➤ Nhắc nhở khách du lịch giữ gìn vệ sinh môi trường trên bãi tắm và mặt biển	
--	--	--

PHỤ LỤC 2

Lớp tập huấn

Kỹ năng truyền thông và bảo vệ môi trường

Ngày 19- 22/12/2006

Bảo vệ khu dự trữ sinh quyển

Ve vè vè vè

Cái vè chặt phá

Rừng nhiều cây lá

Nh- ng chặt mất rồi

Đất trống trên đồi

Voọc không chỗ trú

Đến mùa m- a lũ

Đất xói rửa trôi

Ruộng bạc màu rồi

Làm sao canh tác

Ruộng v- ườn xơ xác

Đời sống khó khăn

Ng- ời ng- ời bán khoán

Tìm ra giải pháp...?

Ai ơi hãy giữ lấy rừng

Xin đừng chặt phá xin đừng đi săn

Thịt thú xin hãy đừng ăn

Nếu ai không biết khuyên răn họ cùng

...Giữ rừng là bạn thiên nhiên

Phá rừng bẫy thú là điên mất rồi...

Muốn bóc lịch thì hãy đốt rừng

Bảo vệ khu sinh quyển là bảo vệ ngôi nhà chúng ta

Rừng là lá phổi thứ 2 của ng-ời

Hãy bảo vệ loài voọc Cát Bà

Hãy dành những điều tốt đẹp nhất cho thiên nhiên Cát Bà

Hãy nói không với thịt thú rừng

Hãy bảo vệ nơi ở của các loài thú

Bảo vệ rừng trách nhiệm không chỉ riêng ai

Hút thuốc là tự nhuộm đen lá phổi của mình

Chặt phá rừng là tự nhuộm đen nhân loại

Hạn chế/ngăn chặn việc làm giảm diện tích rừng

Vì lợi ích của chúng ta hãy bảo vệ khu dự trữ sinh quyển Cát Bà

Toàn dân huyện đảo hãy bảo vệ khu dự trữ sinh quyển

Tr- ớc khi chặt một cây hãy trồng một cây

Rừng – mái nhà chung của nhân loại

Về con voọc

Ve vể vể ve

Nghe về con voọc

Tóc đầu màu bạc

Thân hình dõng dạc

Dáng giống con ng-ời

Tr- ớc kia t-ơi c-ời

Số l-ợng cùng kể

Rừng xanh khắp chốn

Than ôi bây giờ

64 cá thể

Tan đàn sẻ nghé

Săn bắt nấu cao

Đặc sản nhà hàng

Món ăn khoái khẩu

Còn đâu đàn voọc

Ai ơi chớ bắt

Loài voọc Cát Bà

Tất cả chúng ta

Cùng nhau bảo vệ

Chất thải – liều thuốc độc của t- ong lai

Đốt rừng là giết chết nhân loại

Phá rừng chính là phá hoại cuộc sống của chúng ta

Ngăn chặn nạn săn bắt động vật hoang dã

Săn bắt động vật hoang dã là hành động dã man

Cứ săn bắt động vật hoang dã - loài ng- ời sẽ cô đơn trên trái đất

Đừng để chim thú coi con ng- ời là kẻ thù

Động vật hoang dã đang kêu cứu – Hãy dừng ngay việc săn bắt trái phép

Săn bắt động vật hoang dã- Lợi ích tr- ớc mắt, thiệt hại dài lâu

Rừng không chim thú nh- nhà không chủ

Rừng là ngôi nhà của chim thú – chim thú là chủ nhân của rừng

Hãy cho voọc ngôi nhà bình yên nh- chính ngôi nhà của chúng ta

Hãy nói không với thịt thú rừng

ăn thịt thú rừng là ăn thịt ng- ời

Săn bắt, buôn bán và sử dụng các sản phẩm động vật hoang dã là vi phạm pháp luật

Bảo vệ động vật hoang dã - trách nhiệm không chỉ riêng ai

Hãy bảo vệ các loài động vật hoang dã và môi tr- ờng sống của chúng

Nghiêm cấm săn bắt, buôn bán và sử dụng các sản phẩm động vật hoang dã

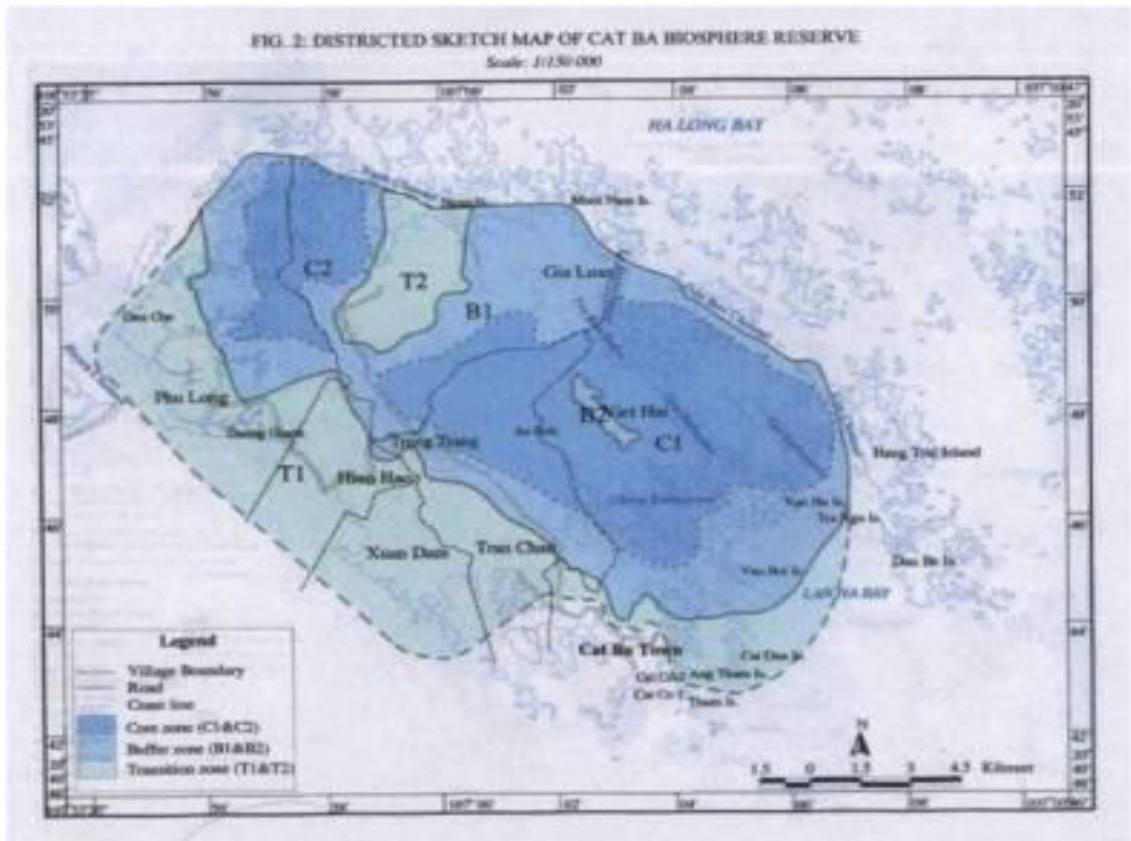
Bảo vệ động vật hoang dã và môi trường sống của chúng chính là
bảo vệ cuộc sống của chúng ta

Rừng không chim thú là nhà hoang

Loài người coi mình là văn minh

Các loài thú đang bị săn bắt coi con người là dã man

PHỤ LỤC 3:



Bản đồ phân vùng KDTSQTG Cát Bà

MỘT SỐ HÌNH ẢNH VỀ KDTSQTG CÁT BÀ



Lối đi trong VQG Cát Bà



Cổng vào VQG Cát Bà



Voọc Cát Bà



Sơn dương



Một góc khu du lịch Cát Bà



Sân khấu kỷ niệm 50 năm ngày Bác Hồ về thăm làng cá năm 2009